

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Phương Hoa
Giảng viên hướng dẫn: CN.KTT.Tô Thúy Hoa**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác
định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại
đầu tư Vân Long CDC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Phương Hoa
Giảng viên hướng dẫn: CN.KTT.Tô Thúy Hoa**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Phương Hoa Mã SV:120115
Lớp: QT1203K Ngành: Kế toán- Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Tìm hiểu lí luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....

Phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC.....

Đánh giá những ưu điểm và nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nói trên tại công ty.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng các số liệu kế toán năm 2011 tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC

Khu An Trì - Phường Hùng Vương - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012
Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Chương I: Một số lí luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
<u>1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</u> .	3
<i>1.1.1. Ý nghĩa về việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i>	3
<i>1.1.2. Vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i>	3
<i>1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i>	4
<i>1.1.4. Một số nét về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i>	4
<u>1.1.4.1.</u> Doanh thu và các loại doanh thu	4
<u>1.1.4.2.</u> Chi phí và các loại chi phí	5
<u>1.1.4.3.</u> Xác định kết quả kinh doanh	5
<i>1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng của doanh nghiệp</i>	6
<u>1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</u>	7
<i>1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	7
<i>1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i>	13
<u>1.2.2.1.</u> Kế toán chiết khấu thương mại	13
<u>1.2.2.2.</u> Kế toán hàng bán bị trả lại	14
<u>1.2.2.3.</u> Kế toán giảm giá hàng bán	15
<i>1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán</i>	15
<u>1.2.3.1.</u> Giá vốn hàng bán	15
<u>1.2.3.2.</u> Tài khoản sử dụng	15
<u>1.2.3.3.</u> Phương pháp tính giá vốn	16
<i>1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lí doanh nghiệp</i>	20
<i>1.2.5. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính</i>	23
<u>1.2.5.1.</u> Kế toán doanh thu tài chính	23
<u>1.2.5.2.</u> Kế toán chi phí tài chính	23

1.2.6. Kế toán doanh thu và chi phí khác	24
1.2.6.1. Kế toán doanh thu khác	24
1.2.6.2. Kế toán chi phí khác	24
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	27
1.2.7.1. Nguyên tắc hạch toán	27
1.2.7.2. Kết cấu tài khoản sử dụng	27
1.2.8. Vận dụng hệ thống sổ sách vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	30
Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC	33
<u>2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC</u>	33
2.1.1. <i>Quá trình hình thành và phát triển</i>	33
2.1.2. <i>Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty</i>	33
2.1.2.1. Chức năng nhiệm vụ	33
2.1.2.2. Lĩnh vực ngành nghề	34
2.1.3. <i>Đặc điểm bộ máy quản lý công ty</i>	35
2.1.4. <i>Đặc điểm công tác kế toán của Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC</i>	36
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán	36
2.1.4.2. Hình thức kế toán tại Công ty	37
<u>2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC</u>	40
2.2.1. <i>Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	40
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40
2.2.1.2. Chứng từ sổ sách tài khoản sử dụng	40
2.2.1.3. Quy trình hạch toán	41
2.2.1.4. Ví dụ minh họa	41
2.2.2. <i>Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i>	49
2.2.3. <i>Kế toán giá vốn hàng bán</i>	54
2.2.4. <i>Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	61
2.2.5. <i>Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính</i>	73
2.2.6. <i>Kế toán doanh thu và chi phí khác</i>	78

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	86
Chương III: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC	95
<u>3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC</u>	95
3.1.1. Ưu điểm	95
3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán	95
3.1.1.2. Về hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản sử dụng	95
3.1.1.3. Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	96
3.1.1.4. Về bộ máy quản lí	97
3.1.1.5. Về ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại	97
3.1.2. Hạn chế	98
<u>3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty</u>	99
3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	99
3.2.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	99
3.2.3. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	100
3.2.3.1. Khắc phục hạn chế phần mềm kế toán	100
3.2.3.2. Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán	101
3.2.3.3. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại	106
KẾT LUẬT	107
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	109

LỜI MỞ ĐẦU

Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường đã khẳng định tầm quan trọng của thương mại trong đời sống kinh tế xã hội. Với vai trò là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, thương mại đã làm cho quá trình lưu thông hàng hoá được nhanh chóng và thuận tiện hơn, người mua có thể tìm thấy ở doanh nghiệp kinh doanh thương mại nhiều loại hàng hoá mà mình cần. Trước đây, trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, các doanh nghiệp thương mại hoạt động theo chỉ tiêu sản xuất của nhà nước. Nhưng hiện nay, để đứng vững và phát triển doanh nghiệp thương mại phải nắm bắt và đáp ứng được tâm lý, nhu cầu của người tiêu dùng với sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ, mẫu mã phong phú nhằm làm tốt cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng cũng như góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp tiêu thụ như thế nào? Chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao? Và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Với tư cách là công cụ quản lý kinh tế, kế toán đã theo dõi, phản ánh, ghi chép đầy đủ những thông tin cần thiết liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để cung cấp cho các doanh nghiệp. Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC nói riêng, bằng kiến thức lý luận được trang bị ở nhà trường và sự giúp đỡ tận tình của Cử nhân, kế toán trưởng Tô Thúy Hoa và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán Công ty, em lựa chọn đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC”**.

Nội dung khóa luận được trình bày với 3 phần như sau:

Chương I: Một số lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC.

Chương III: Hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC.

Với kiến thức thực tế còn hạn chế, cùng với nội dung đề tài sâu rộng và thời gian tham gia thực tế tại công ty không được nhiều, bài viết của em còn nhiều thiếu sót và sơ sài, mong thầy cô và các anh chị kế toán trong công ty đóng góp ý kiến thêm cho khóa luận của em được hoàn chỉnh.

Em xin chân thành cảm ơn

Sinh viên

Nguyễn Thị Phương Hoa

CHƯƠNG I:**MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp*****1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay vấn đề mà các doanh nghiệp quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và doanh thu). Lợi nhuận là thước đo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu và chi phí. Nói cách khác, doanh thu, chi phí và lợi nhuận là các chỉ tiêu phản ánh tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó doanh nghiệp cần theo dõi doanh thu, chi phí để biết nên kinh doanh mặt hàng nào, mở rộng sản phẩm nào, hạn chế sản phẩm nào....

Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và phân phối kết quả một cách hợp lý khoa học và phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó xử lý và cung cấp thông tin giúp chủ doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá đưa ra lựa chọn phương án kinh doanh thích hợp.

1.1.2. Vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong công tác quản lý hoạt động bán hàng và xác định kết quả kinh doanh thì vai trò của kế toán là rất quan trọng, nó phản ánh tình hình vận động của hàng hóa, hoạt động tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Các thông tin mà kế toán cung cấp không chỉ phục vụ cho công tác quản lý kinh tế của doanh nghiệp mà còn là đối tượng quan tâm của các nhà đầu tư cơ quan thuế, chủ nợ...

Thông tin kế toán giúp nhà quản trị doanh nghiệp nắm vững được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, tìm ra sự biến động của nó để thiết lập sự cân đối giữa sản xuất và tiêu thụ và tìm ra những phương án kinh doanh có hiệu quả nhất.

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén đáp ứng tốt các yêu cầu quản lí tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo các chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi các khoản phải thu khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.1.4. Một số nét về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.4.1. Doanh thu và các loại doanh thu

Doanh thu: Là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có thể phát sinh các loại doanh thu như:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.
- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: là số tiền thu được do bán hàng hóa sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc cùng công ty, tổng công ty theo giá bán nội bộ.
- Doanh thu tài chính: là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác.
- Thu nhập khác: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.4.2. Chi phí và các loại chi phí

Chi phí là biểu hiện bằng tiền các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kì nhất định.

- Giá vốn hàng bán: là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hóa (bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kì đối với doanh nghiệp thương mại hoặc là giá thành thực tế sản phẩm lao vụ dịch vụ hoàn thành đối với doanh nghiệp sản xuất dịch vụ đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh).

- Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí quản lí doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lí kinh doanh, quản lí hành chính, quản lí điều hành chung toàn doanh nghiệp.

- Chi phí tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

- Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là khoản chi phí phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.4.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh: Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- ❖ Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lí doanh nghiệp.

<i>Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD</i>	=	<i>DT BH và CCDV</i>	-	<i>Các khoản giảm trừ DT</i>	-	<i>GVHB</i>	-	<i>CPBH, QLDN</i>
-----------------------------------	---	----------------------	---	------------------------------	---	-------------	---	-------------------

- ❖ Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính.

<i>Lợi nhuận tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính</i>
--

❖ Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

❖ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số của Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu tài chính và doanh thu khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động TC} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng của doanh nghiệp

Bán hàng là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản.

Cung cấp dịch vụ là thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng theo 1 kì hoặc nhiều kì kế toán như cho thuê TSCĐ theo phương thức thuê hoạt động.

Các phương thức bán hàng:

- Bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và kí vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã giao được chính thức coi là tiêu thụ.

- Phương thức chuyển hàng chờ nhận: theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

- Phương thức bán hàng gửi đại lí là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lí) xuất hàng cho bên nhận đại lí (bên đại lí) để bán, bên đại lí sẽ được hưởng thù lao đại lí dưới hình thức hoa hồng.

+ Đối với bên giao đại lí: doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lí, bên đại lí sẽ trực tiếp bán hàng thanh toán cho doanh nghiệp và nhận tiền hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lí. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và hạch toán vào TK 641.

+ Đối với bên nhận đại lí: với số hàng bán đại lí không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản và bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã kí.

- Phương thức trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay thời điểm mua, số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua hàng đã được coi là tiêu thụ.

- Phương thức hàng đổi hàng: doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế giá trị gia tăng đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế giá trị gia tăng đầu vào.

- Phương thức bán hàng nội bộ: là việc mua bán sản phẩm hàng hóa lao vụ dịch vụ giữa các đơn vị cấp trên với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong một công ty tổng công ty...

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bán hàng (hay tiêu thụ hàng hoá) là giai đoạn cuối cùng của quá trình tuần hoàn vốn trong doanh nghiệp, nó là quá trình thực hiện về mặt giá trị của hàng hoá. Trong mối quan hệ này, doanh nghiệp phải chuyển giao hàng hoá cho người mua và người mua phải chuyển giao cho doanh nghiệp số tiền mua hàng tương ứng với giá trị của hàng hoá đó.

Vậy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Tuy nhiên, trong quá trình bán hàng cũng phát sinh một số trường hợp khiến doanh thu cung cấp hàng hoá dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm sút. Đó là do các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế gián thu đánh vào một số loại hàng hoá đặc biệt do các doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ. Thuế này do các cơ sở trực tiếp

sản xuất ra hàng hoá đó nộp nhưng người tiêu dùng là người chịu thuế vì thuế được cộng vào giá bán.

- Thuế xuất khẩu: là thuế đánh trên hàng hoá xuất khẩu theo quy định của Nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: là thuế GTGT được đánh trực tiếp trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai qui cách.

- Trị giá hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2000/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, để xác định và ghi nhận doanh thu mỗi doanh nghiệp cần phải tuân theo những quy định sau:

- Ghi nhận doanh thu và các chi phí phải theo một nguyên tắc phù hợp, khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

- Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán

+ Xác định được chi phí phát sinh giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Khi hàng hoá dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

Nguyên tắc hạch toán doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay chưa thu tiền.

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

+ Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

+ Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

+ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

+ Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê.

Chứng từ, sổ sách hạch toán doanh thu

- *Chứng từ sử dụng:*

- ✓ Hóa đơn GTGT (mẫu 01-GTKT)
- ✓ Hóa đơn bán hàng (mẫu 02-GTTT)
- ✓ Các chứng từ thanh toán (phiếu thu , séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...)
- ✓ Chứng từ liên quan khác : phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại...

- *Sổ sách hạch toán:*

- ✓ Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra
- ✓ Bảng thanh toán hàng đại lí, ký gửi (mẫu 14-BH)
- ✓ Báo cáo bán hàng
- ✓ Sổ cái TK 511, TK 512
- ✓ Báo cáo tài chính

Tài khoản sử dụng hạch toán

Phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- **Tài khoản 511**- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản 511 không có số dư cuối kì và có 6 tài khoản cấp 2

- ✓ TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- ✓ TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- ✓ TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- ✓ TK 5114: Doanh thu trợ cấp trợ giá
- ✓ TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư
- ✓ TK 5118: Doanh thu khác

Kết cấu:

Bên Nợ:

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.
- + Khoản giảm giá hàng bán
- + Trị giá hàng bán bị trả lại
- + Khoản chiết khấu thương mại

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- **Bên có:** Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

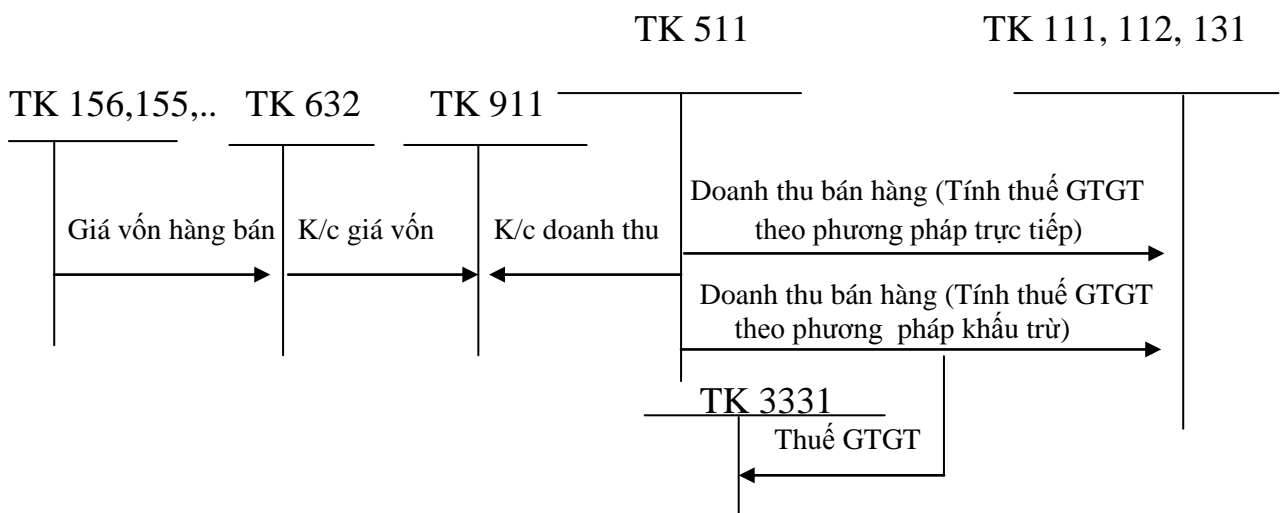
- **Tài khoản 512-** Doanh thu tiêu thụ nội bộ

Tài khoản sử dụng: TK 512- Doanh thu nội bộ, gồm 3 tiểu khoản :

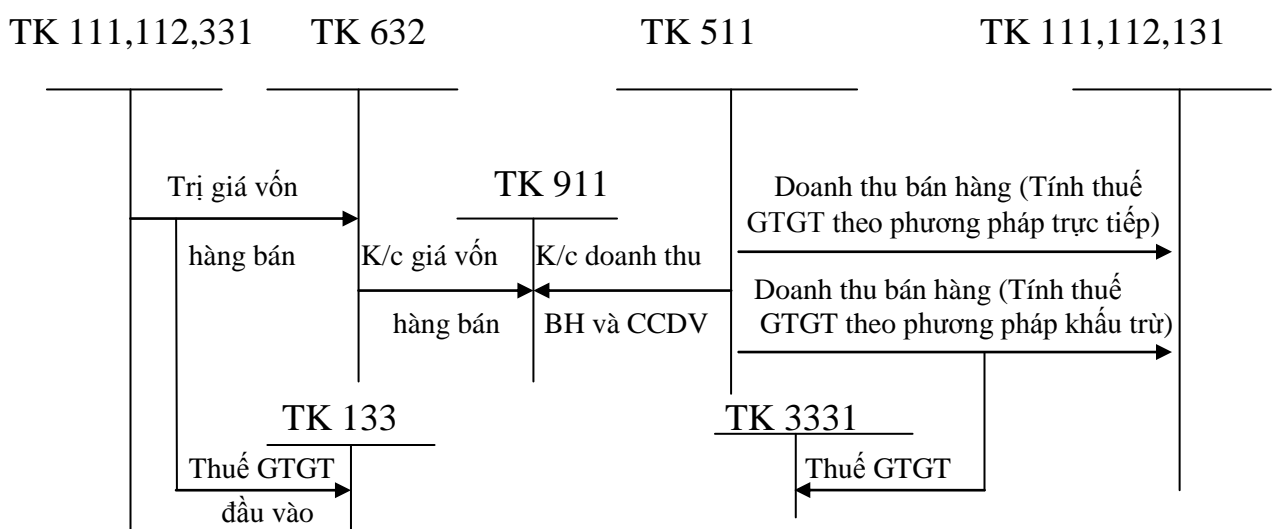
- ✓ TK 5121- Doanh thu bán hàng hóa
- ✓ TK 5122- Doanh thu bán các thành phẩm
- ✓ TK 5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Ta có sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ theo các phương thức bán hàng khác nhau tại doanh nghiệp

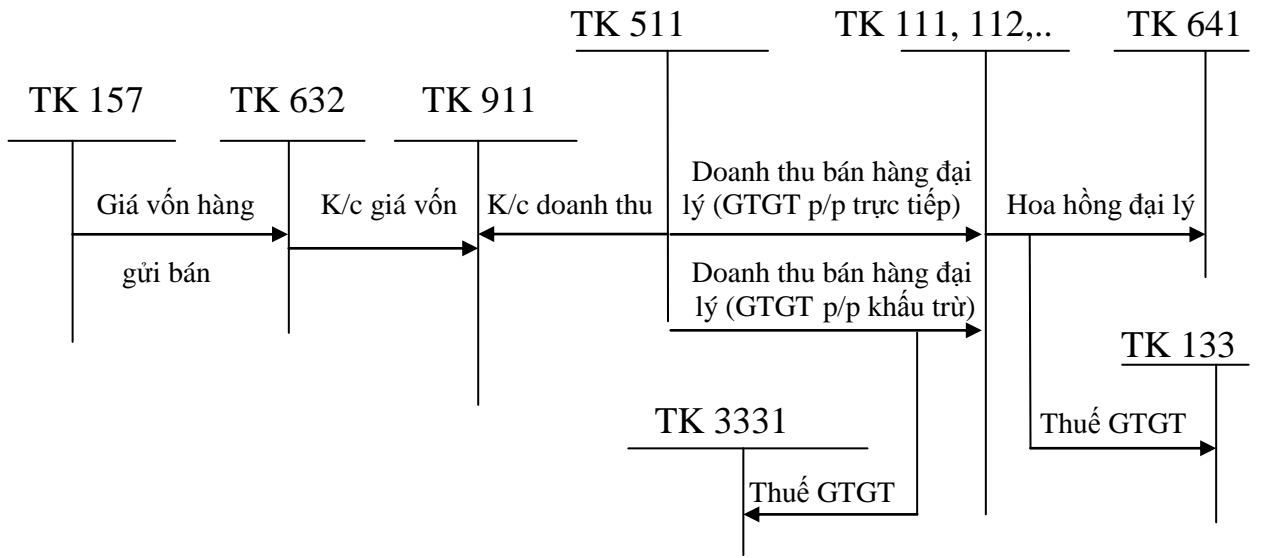
Sơ đồ 1.1: Bán hàng theo phương pháp trực tiếp



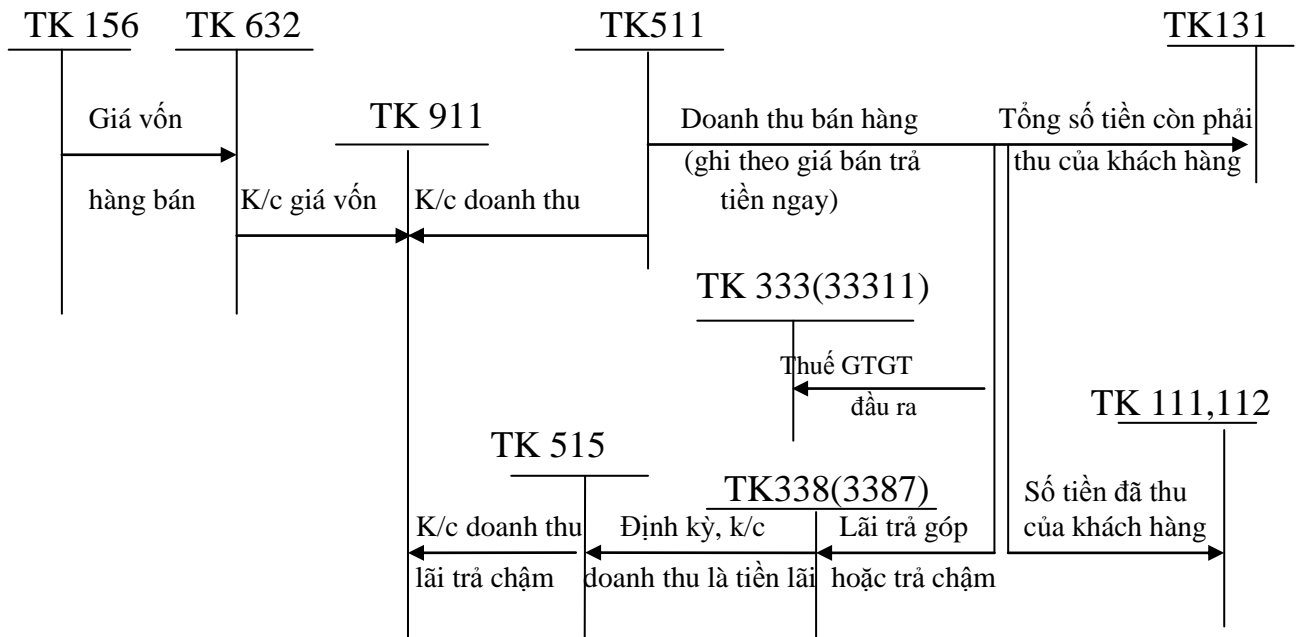
Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán buôn vận chuyển thẳng



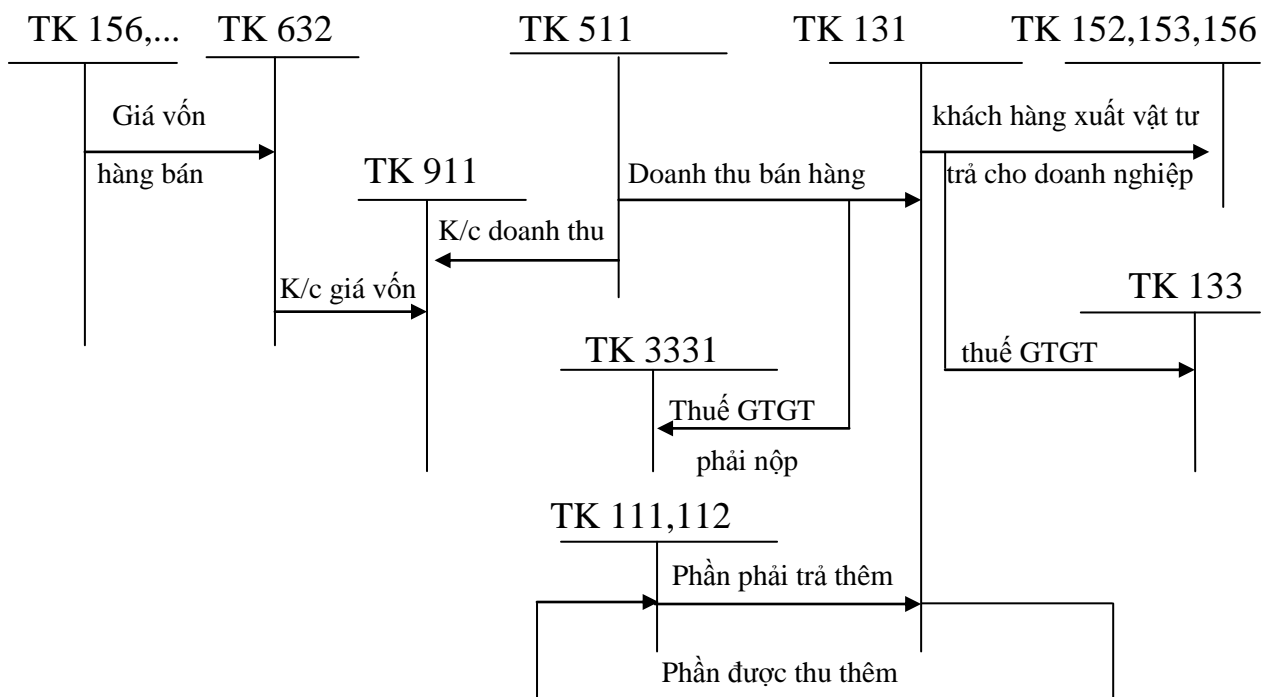
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý ký gửi



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán theo phương thức trao đổi hàng



1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chiết khấu thương mại:

Tài khoản sử dụng: TK 521

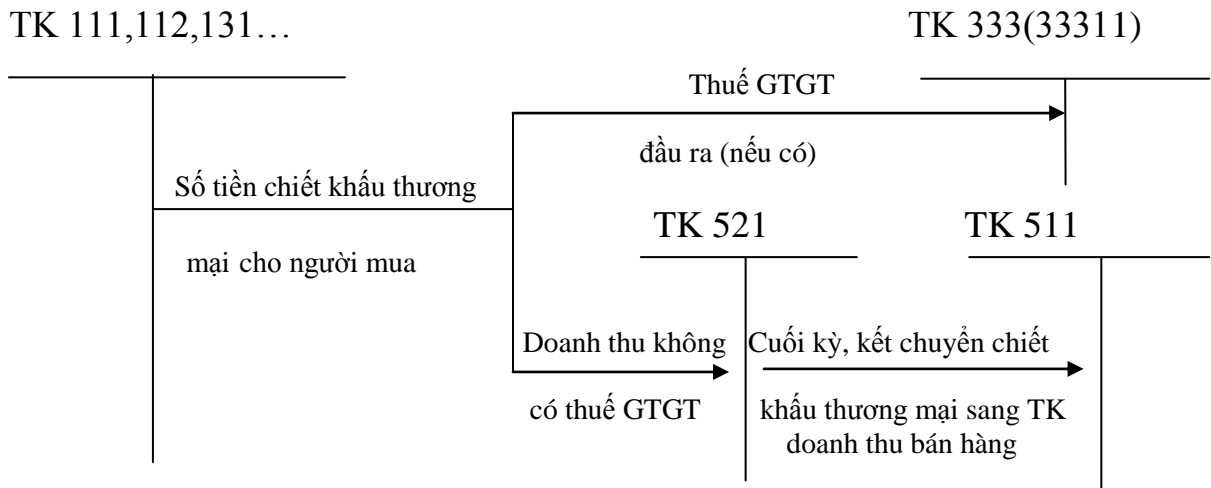
- **Bên Nợ:** + Số chiết khấu thương mại chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- **Bên Có:** + Kết chuyển toàn bộ chiết khấu thương mại sang tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

TK 521 không có số dư cuối kỳ.

TK 521 có 03 tài khoản cấp 2:

- + TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại (tính trên khối lượng hàng hoá đã bán ra) cho người mua hàng.
- + TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại trên khối lượng sản phẩm đã bán ra cho người mua thành phẩm.
- + TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại tính trên khối lượng dịch vụ đã cung cấp cho người mua dịch vụ (có sơ đồ hạch toán 1.6)

Sơ đồ 1.6:

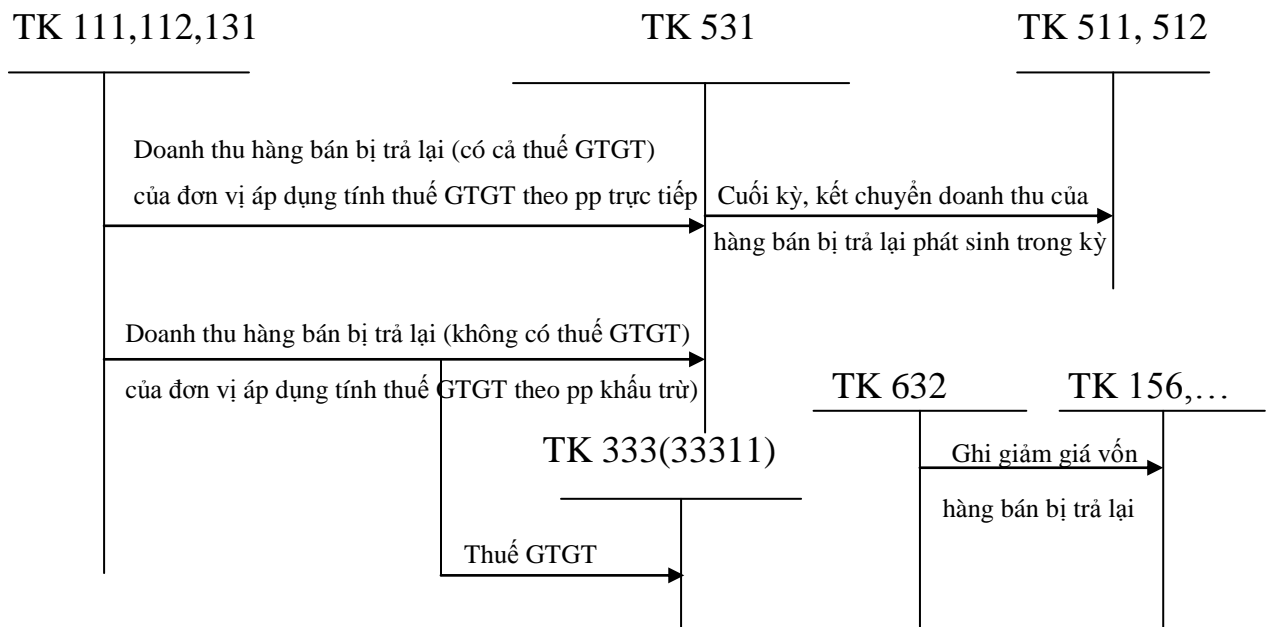


1.2.2.2. Hàng bán bị trả lại:

Tài khoản sử dụng: TK 531

- **Bên Nợ:** Giá trị của hàng bán bị trả lại.
- **Bên Có:** Kết chuyển toàn bộ giá trị hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ(có sơ đồ hạch toán 1.7)

Sơ đồ 1.7:

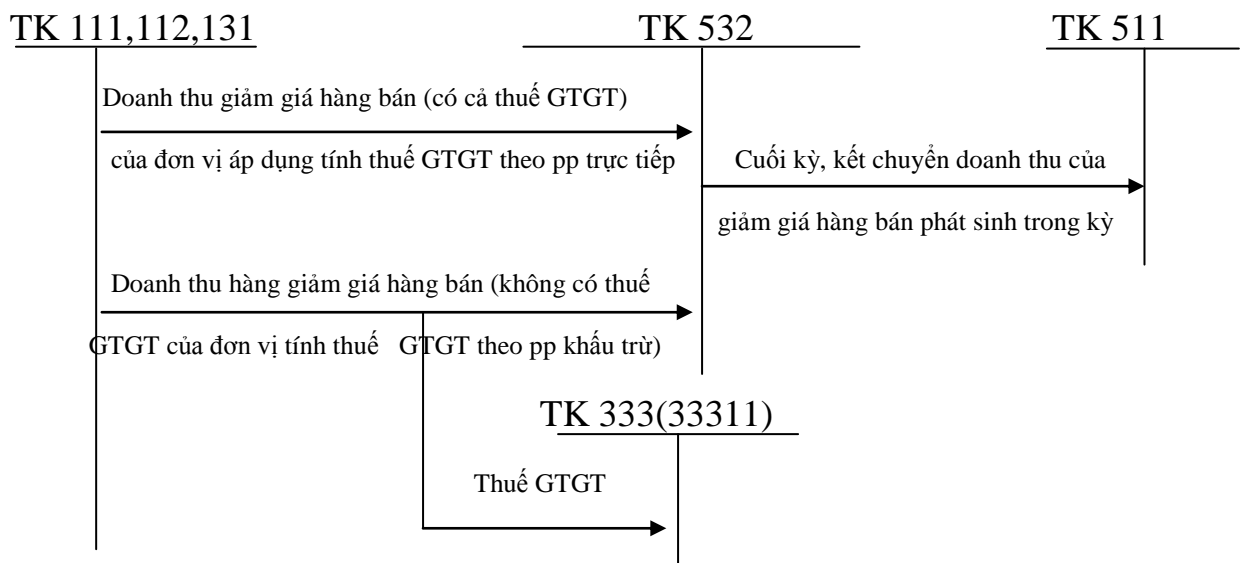


1.2.2.3. Giảm giá hàng bán:

Tài khoản sử dụng: TK 532

- **Bên Nợ:** + Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng
- **Bên Có:** + Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (có sơ đồ hạch toán 1.8)

Sơ đồ 1.8:



1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp

1.2.3.1. Giá vốn hàng bán

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó chính là giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng hạch toán: TK632

Kết cấu :

- **Bên Nợ:**

+ Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

- + Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.
- + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- + Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.
- + Phản ánh các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư đem cho thuê, bán, thanh lý và giá trị còn lại của bất động sản đem bán, thanh lý.

- Bên Có:

- + Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- + Giá vốn của hàng bán bị trả lại.
- + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 632 không có số dư.

1.2.3.3. Phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Trong mỗi doanh nghiệp hàng tồn kho đều được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau với các đơn giá khác nhau, vì vậy việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế hàng xuất kho sẽ phụ thuộc vào đặc điểm của hàng tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Phương pháp tính giá vốn hàng bán được đăng ký với cơ quan thuế và được áp dụng nhất quán trong một kỳ kế toán.

Để tính trị giá hàng xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau đây:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

- + Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này khi xuất lô hàng nào thì được tính theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Với những doanh nghiệp có điều kiện bảo quản từng lô hàng nhập kho riêng biệt thì việc tính giá vốn hàng xuất bán theo phương thức này là rất hợp lí.

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Do vậy, phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp kinh doanh ít chủng loại hàng hoá và số lần xuất nhập hàng hoá không nhiều.

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

LIFO được giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Nhưng với phương pháp nhập sau xuất trước đã khắc phục được nhược điểm của phương pháp nhập trước xuất trước là phản ánh chi phí kịp thời với sự biến động của giá cả thị trường.

- Phương pháp giá hạch toán:

Đối với các doanh nghiệp có nhiều loại hàng, giá cả thường xuyên biến động, nghiệp vụ nhập xuất hàng diễn ra thường xuyên thì việc hạch toán hàng ngày nên sử dụng giá hạch toán.

Doanh nghiệp có thể sử dụng giá kế hoạch hoặc giá mua hàng hoá ở một thời điểm nào đó hay giá hàng bình quân tháng trước để làm giá hạch toán nhập, xuất, tồn kho hàng trong khi chưa tính được giá thực tế của nó. Cuối tháng phải tính chuyển giá hạch toán của hàng xuất, tồn kho theo giá thực tế. Việc tính chuyển dựa trên cơ sở hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán.

$$\text{Hệ số giá SP, hàng hoá} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá nhập kho trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán SP, hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán SP, hàng hoá nhập kho trong kỳ}}$$

Sau khi tính hệ số giá, kế toán tiến hành điều chỉnh giá hạch toán trong kỳ thành giá thực tế vào cuối kỳ kế toán.

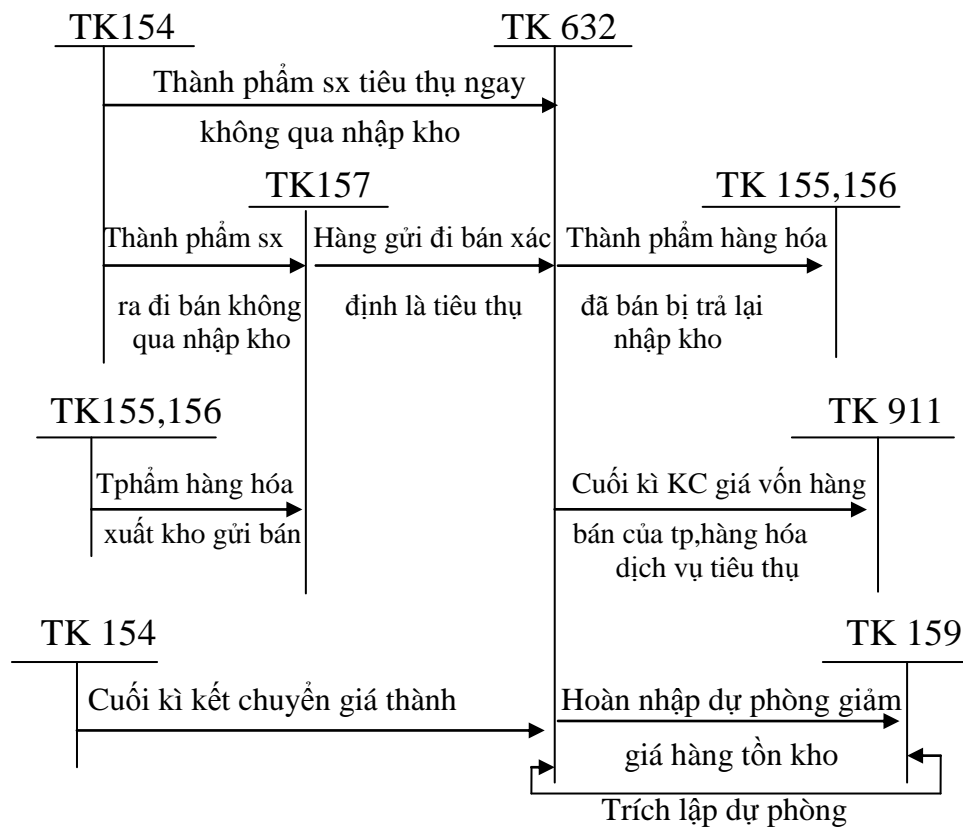
Trị giá thực tế hàng xuất trong kỳ = Hệ số giá x Trị giá hạch toán của hàng xuất kho trong kỳ

Trị giá thực tế hàng tồn kho cuối kỳ = Hệ số giá x Trị giá hạch toán của hàng tồn kho cuối kỳ

- *Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên*
 - Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, tồn kho hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập xuất.
 - Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong 4 phương pháp nêu trên.
 - Trị giá vốn hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán được xác định ở bất kì thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp này được thể hiện qua sơ đồ 1.9

Có sơ đồ 1.9:



• *Hạch toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ*

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho xuất kho tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản 152,153,156... các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

- Phương pháp kiểm kê định kỳ phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa mua hàng xác định trị giá vốn của hàng xuất kho căn cứ vào các chứng từ xuất kho, vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

Số lượng hàng xuất kho	=	Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ	+	Số lượng hàng nhập trong kỳ	-	Số lượng hàng tồn cuối kỳ
------------------------------	---	---------------------------------	---	-----------------------------------	---	------------------------------

- Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn xuất kho đã chọn để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

Trị giá vốn hàng bán trong kỳ	=	Trị giá thực tế hàng tồn kho đầu kỳ	+	Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ trong kỳ	+	Trị giá thực tế hàng nhập kho trong kỳ	-	Trị giá vốn thực tế hàng tồn kho cuối kỳ	-	Trị giá vốn thực tế hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ
-------------------------------------	---	---	---	--	---	--	---	---	---	---

Quá trình hạch toán được xác định theo sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ 1.10:



1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng:

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng:

TK 641: Chi phí bán hàng:

- **Bên Nợ:** + Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

- **Bên Có:**

+ Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có)

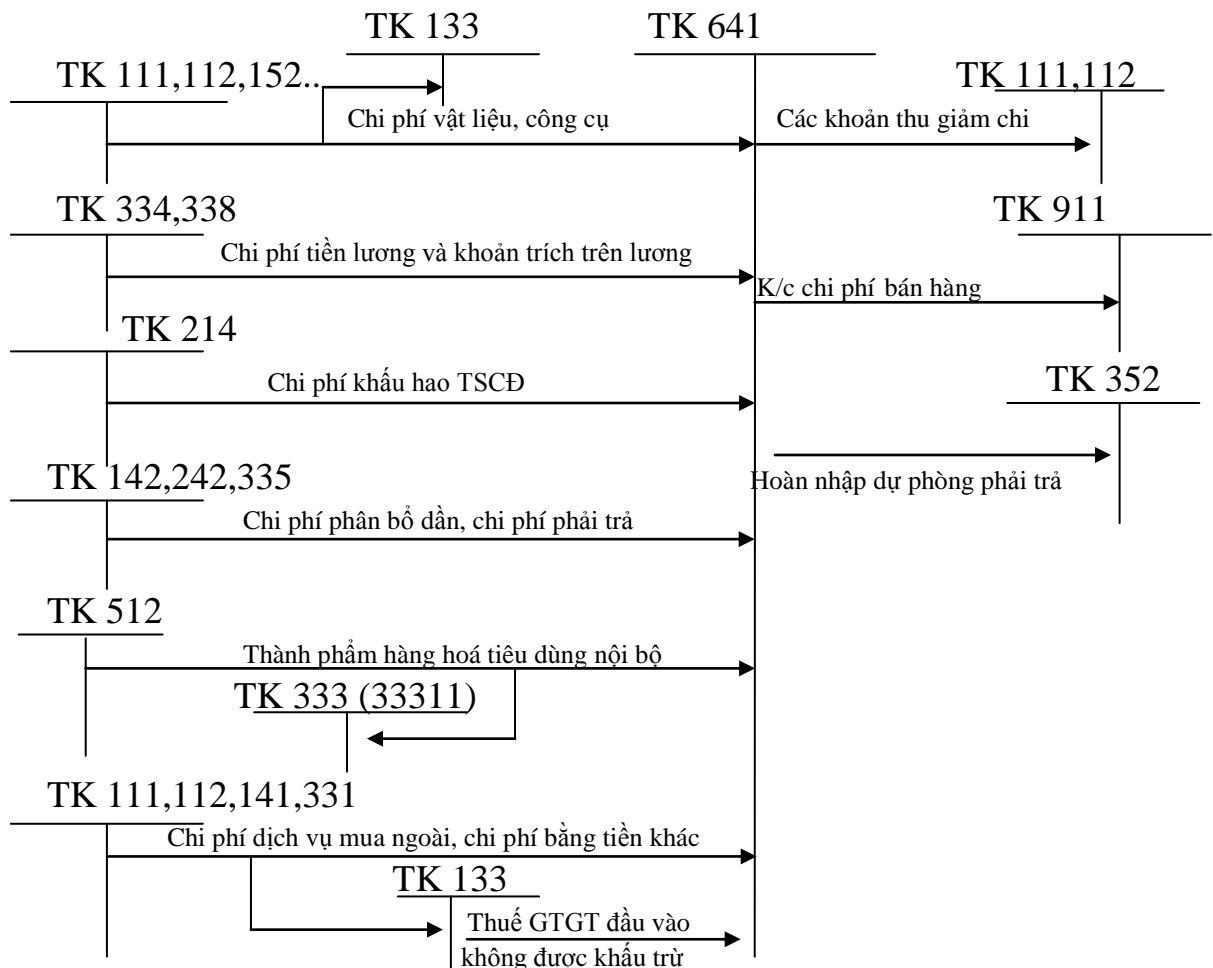
+ Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 641 gồm 07 TK cấp 2:

- + TK 6411 – Chi phí nhân viên
- + TK 6412 – Chi phí vật liệu bao bì
- + TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414 – Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6415 – Chi phí bảo hành
- + TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng



Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

- **Bên Nợ:** + Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

- **Bên Có:**

+ Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có).

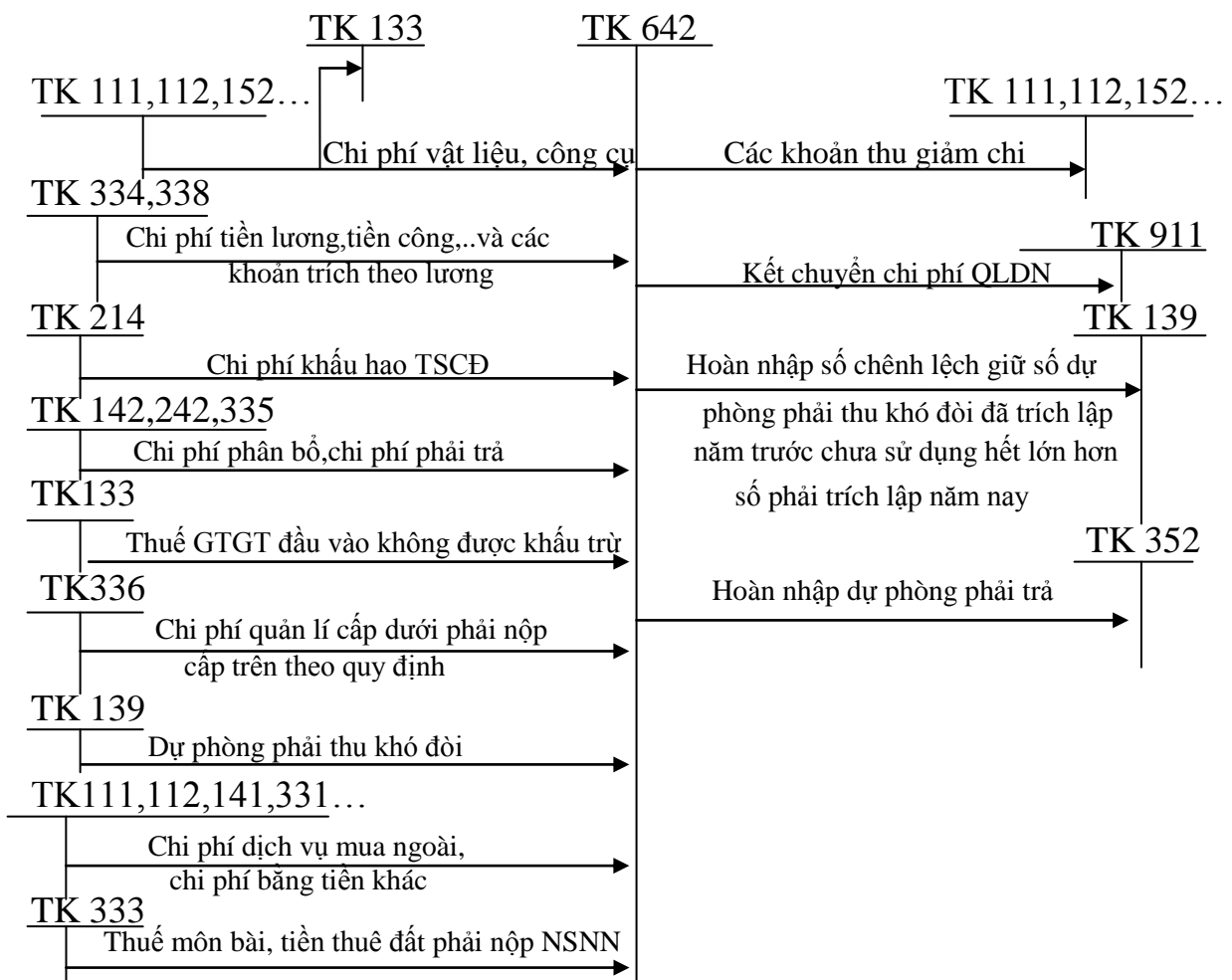
+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 bao gồm 8 tài khoản cấp 2 sau:

- + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.5. Kế toán doanh thu chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp**1.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi; thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (Bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính...); cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;...

Tài khoản sử dụng: TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính**- Bên Nợ:**

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Có: Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.2. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh, chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí cho thuê tài sản thuê cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư tài chính khác.

Tài khoản sử dụng:**TK 635: Chi phí tài chính****- Bên Nợ:**

- + Các khoản chi phí hoạt động tài chính
- + Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn
- + Các khoản lỗ chênh lệch về tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ
- + Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ

+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- Bên Có:

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 – Không có số dư cuối kỳ.

Hạch toán theo sơ đồ 1.12

1.2.6. Kế toán doanh thu chi phí khác trong doanh nghiệp

1.2.6.1. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ những hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,...

Tài khoản sử dụng: TK 711 - Thu nhập khác

- Bên Nợ

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 - Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ

Hạch toán theo sơ đồ 1.13

1.2.6.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các khoản chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng.

Tài khoản sử dụng: TK 811 - Chi phí khác

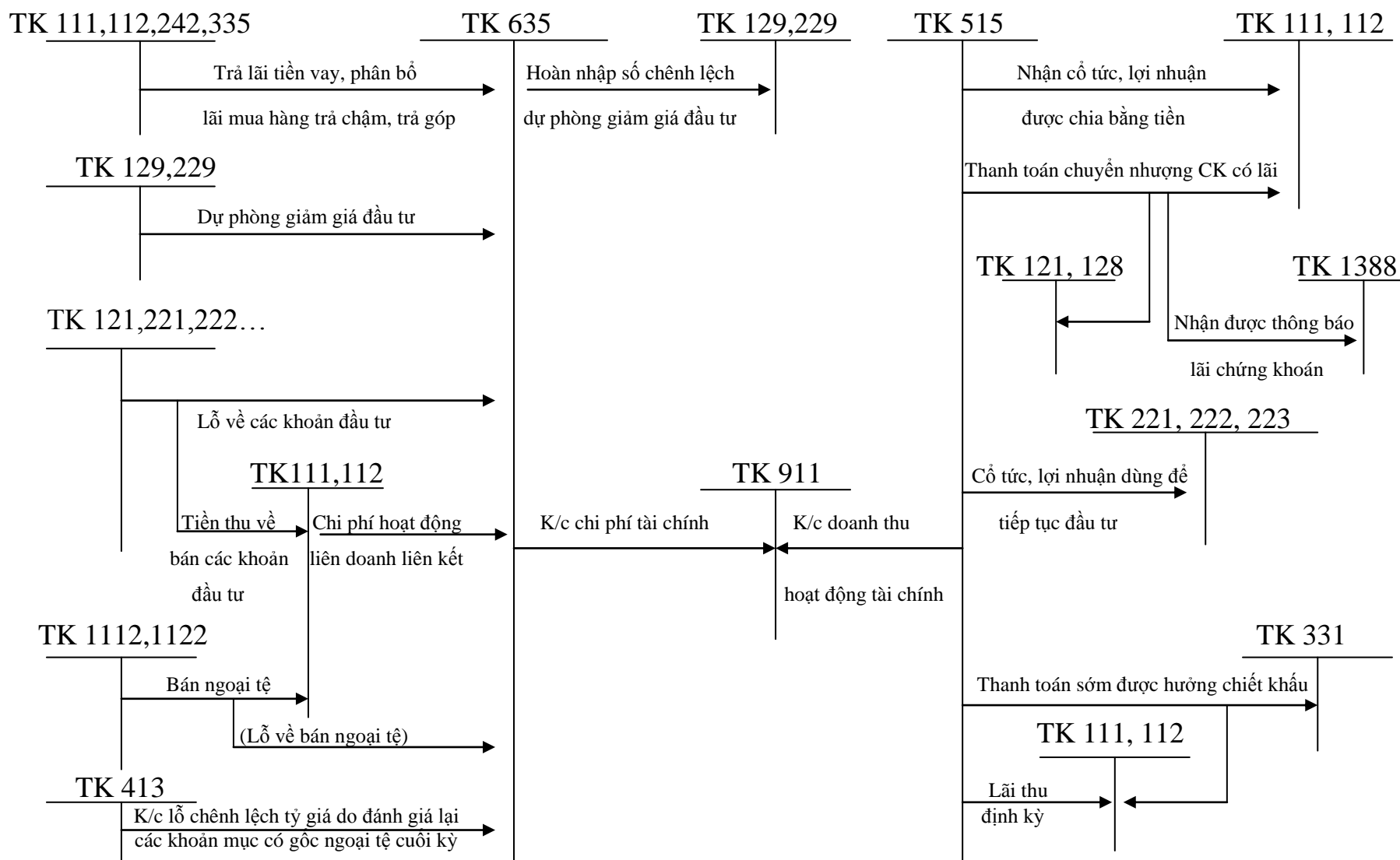
- Bên Nợ:+ Các khoản chi phí khác phát sinh

- Bên Có:+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

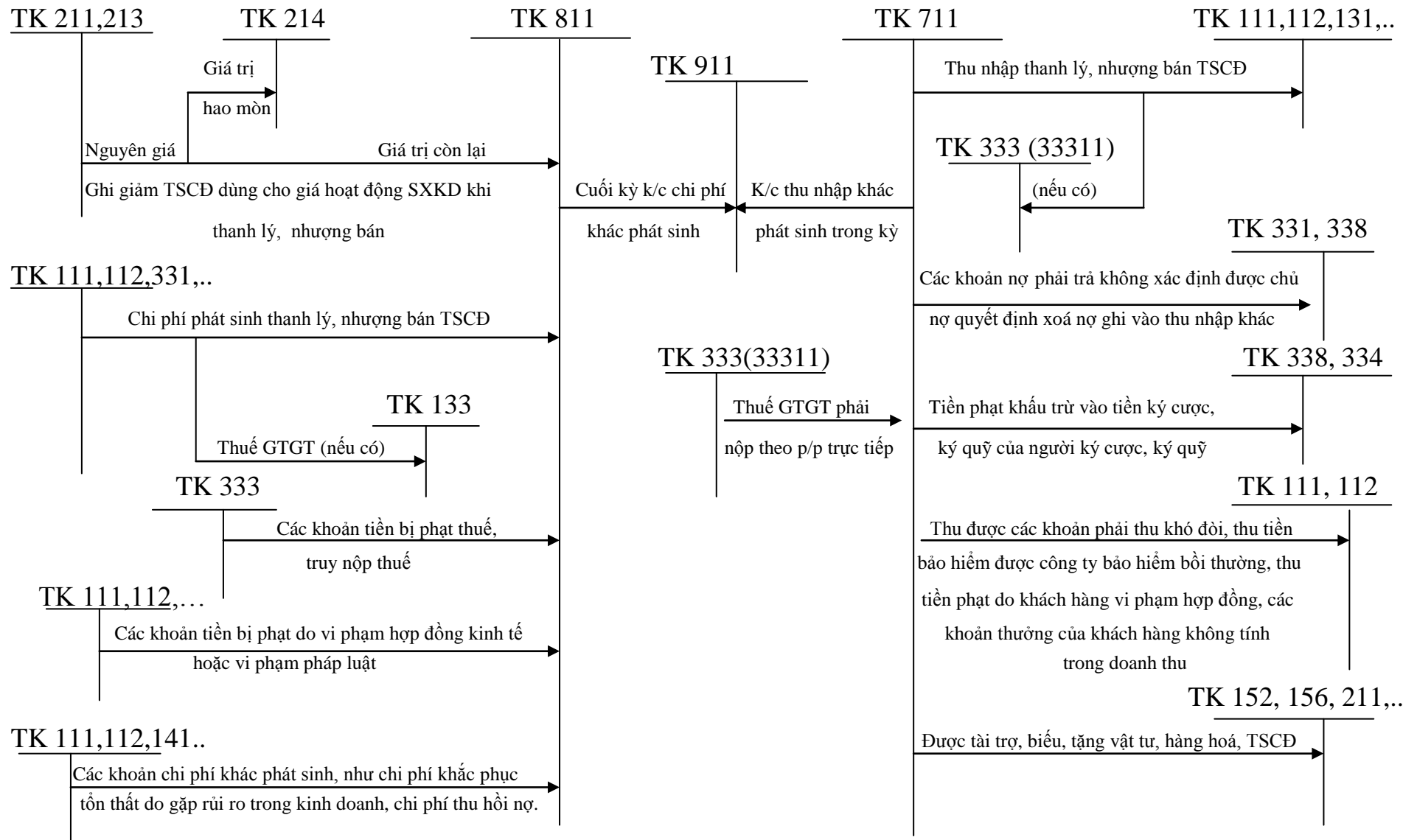
Tài khoản 811 - Chi phí khác không có số dư cuối kỳ.

Hạch toán theo sơ đồ 1.13

Sơ đồ 1.12: Hạch toán doanh thu và chi phí tài chính



Sơ đồ 1.13: Hạch toán thu nhập và chi phí khác



1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

1.2.7.1. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.
- Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

1.2.7.2. Kết cấu tài khoản:**TK 911- Xác định kết quả kinh doanh****- Bên Nợ:**

- + Trị giá vốn của sản phẩm hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Chi phí tài chính
- + Chi phí khác
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- + Lãi sau thuế các hoạt động trong kỳ

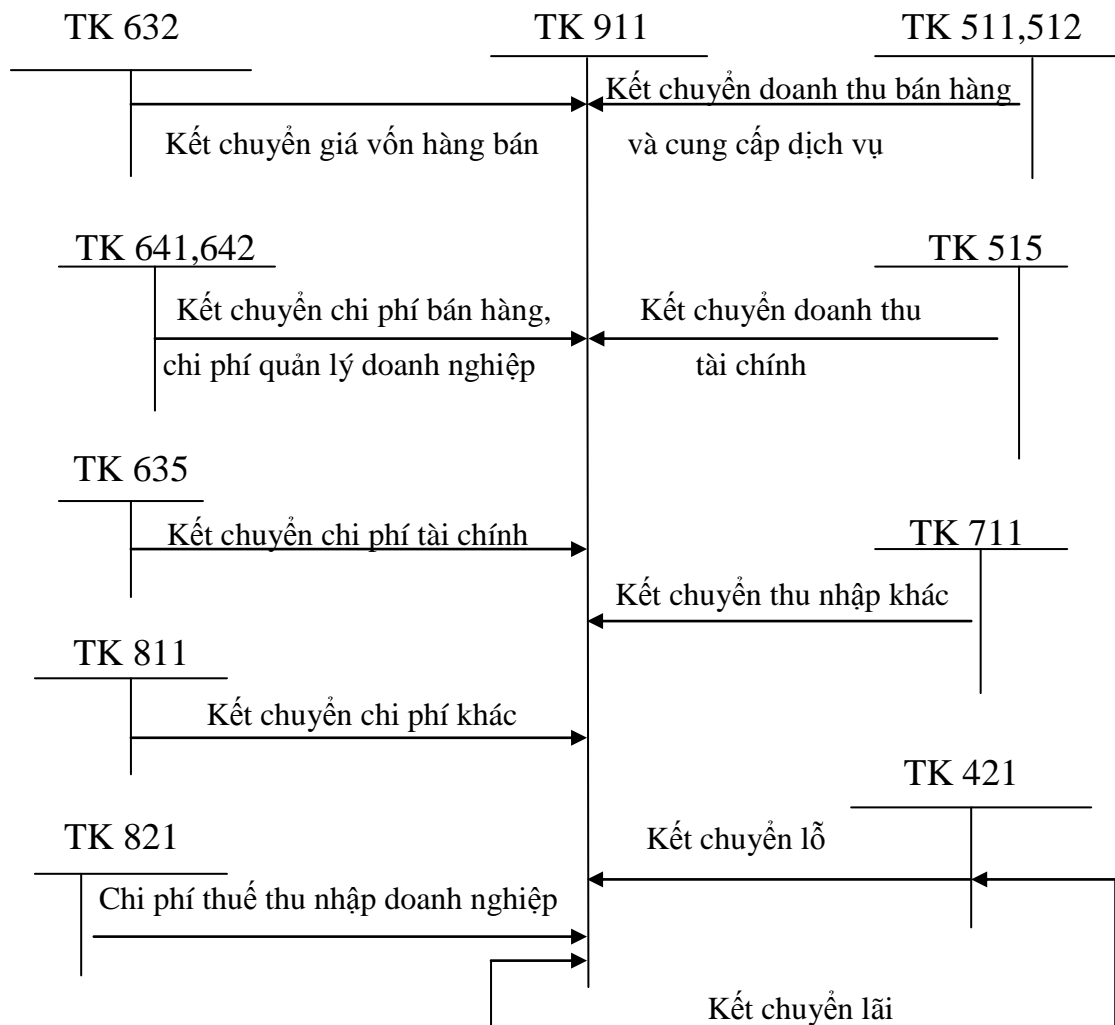
- Bên Có:

- + Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.
- + Doanh thu hoạt động tài chính
- + Thu nhập khác
- + Lỗ về các hoạt động trong kỳ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Ta có sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.14: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh



TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Bên nợ:

- + Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm
- + Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại
- + Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là chênh lệch giữa thuế Thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm)
- + Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm)

+ Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên có TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên nợ TK 8212- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ vào bên có tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

-Bên có:

+ Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập hiện hành đã ghi nhận trong năm

+ Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại

+ Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm)

+ Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm)

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

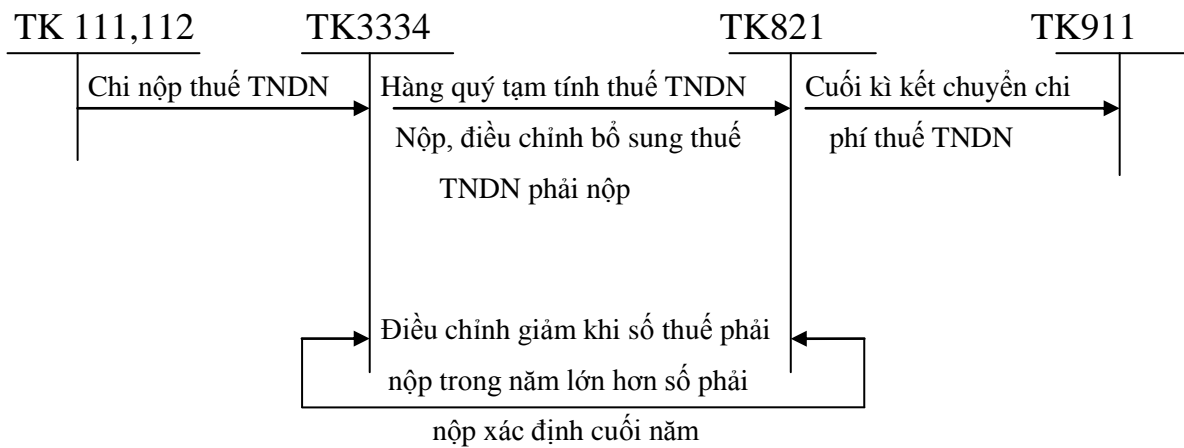
+ Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên có TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh vào bên nợ TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

- TK 821 không có số dư cuối kỳ, gồm có 02 tài khoản cấp 2:

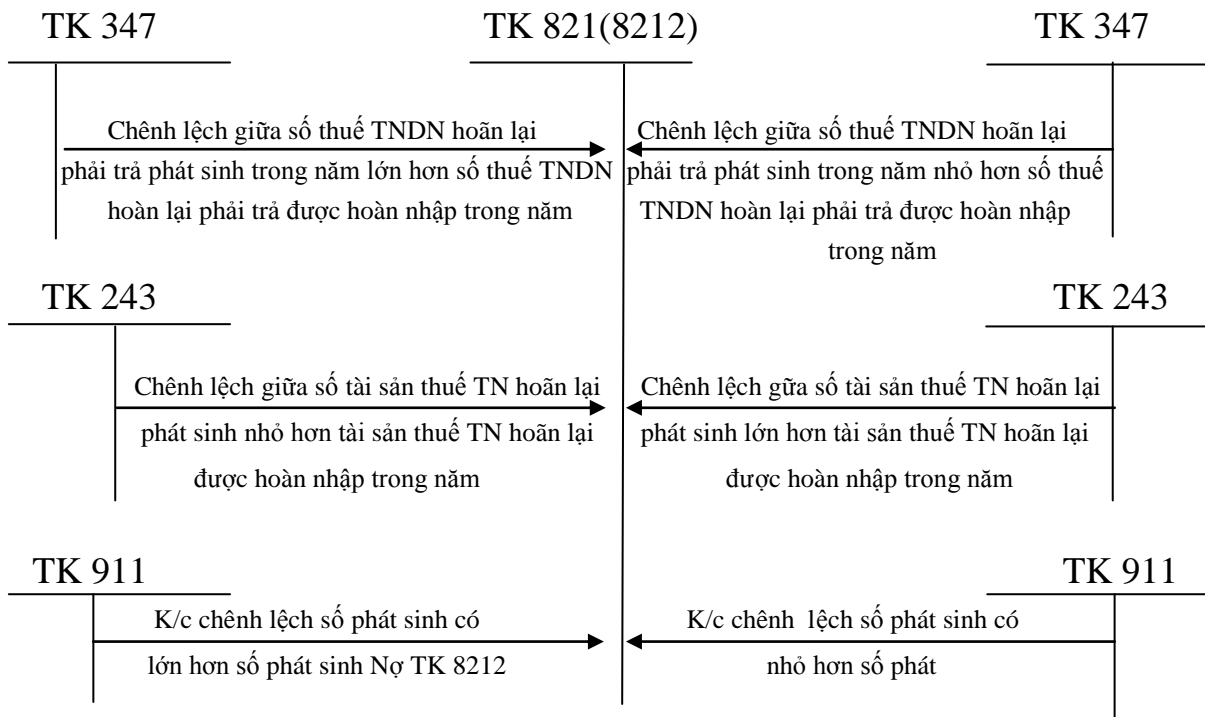
+ TK 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

+ TK 8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Sơ đồ 1.15: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



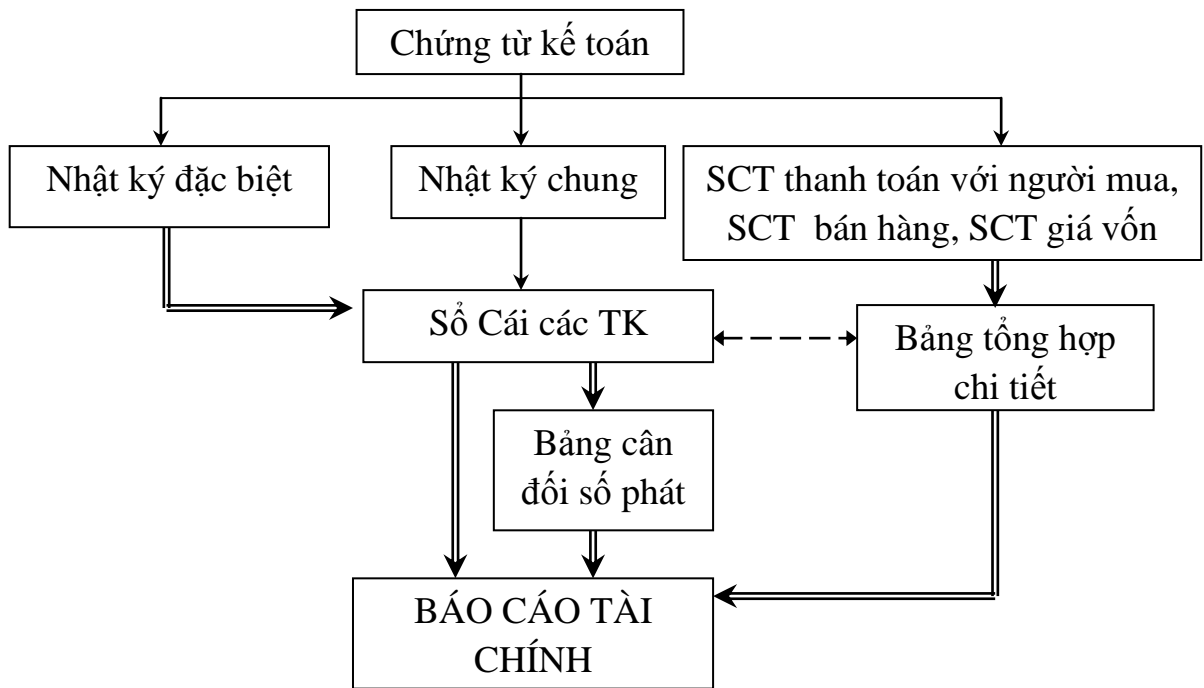
Sơ đồ 1.16: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



1.2.8. Vận dụng hệ thống sổ sách vào tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Hình thức kế toán Nhật ký chung: phù hợp với mọi loại hình đơn vị đặc biệt là đơn vị vừa và nhỏ, doanh nghiệp áp dụng kế toán máy. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán này là: tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký, trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo thứ tự thời gian phát sinh và định khoản các

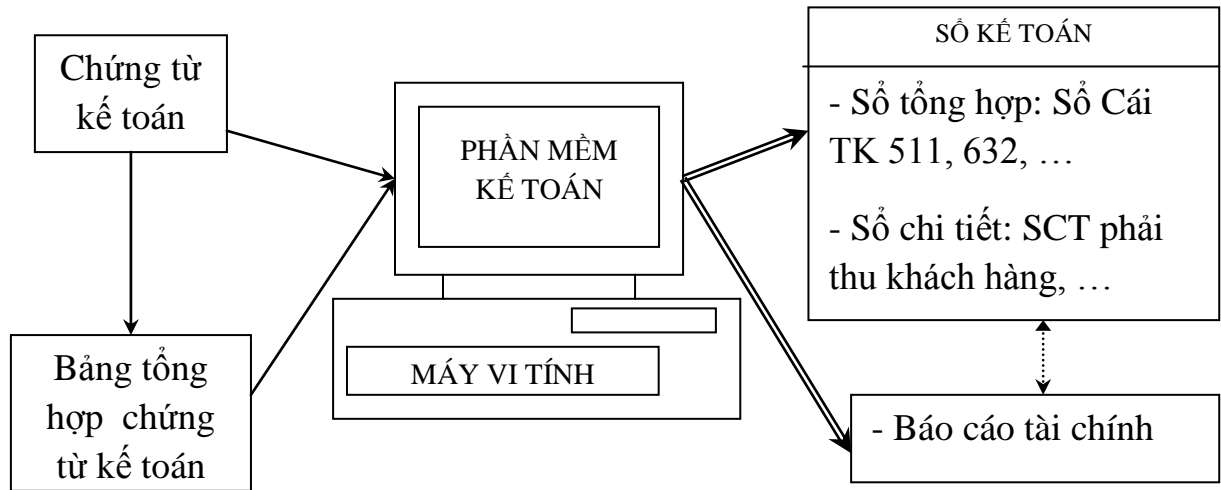
ng nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để chuyển ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

- **Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái:** áp dụng với doanh nghiệp có quy mô nhỏ, khối lượng nghiệp vụ phát sinh ít, doanh nghiệp sử dụng ít tài khoản. Đặc trưng cơ bản của hình thức này là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi theo thứ tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật ký - sổ cái. Căn cứ vào sổ nhật ký - sổ cái là các chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc. Tên sổ, kết cấu, cách ghi chép phản ánh vào hệ thống sổ chi tiết được quy định cụ thể tùy theo từng đối tượng kế toán
- **Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ:** áp dụng với doanh nghiệp có quy mô lớn, loại hình kinh doanh phức tạp, phù hợp với doanh nghiệp kế toán thủ công.
- **Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:** phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp áp dụng kế toán máy. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ: căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”.

- **Hình thức kế toán máy:** Việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán là việc thiết kế các chương trình theo đúng nội dung và trình tự hạch toán và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản: phù hợp với đặc điểm, tính chất, hình thức hoạt động của DN, đảm bảo tính đồng bộ và tự động hoá cao, đảm bảo độ tin cậy, an toàn trong công tác kế toán, và nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.



Ghi chú \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng
 \longleftrightarrow Đối chiếu

Tùy thuộc quy mô, tính chất, đặc điểm và điều kiện kinh doanh, cũng như trình độ của kế toán của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn hình thức sổ kế toán sao cho phù hợp nhất.

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÂN LONG CDC

2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC được thành lập ngày 18/9/2008 theo quyết định số 0203004680-GCNDKKD của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC
- Tên tiếng anh là : VAN LONG CDC INVESTMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY.
- Trụ sở chính: Khu An Trì – phường Hùng Vương – quận Hồng Bàng – Hải Phòng.
- Số điện thoại : 031.3798885
- Số vốn đầu tư: 20 tỷ
- Mã số thuế: 0200835768
- Số nhân viên tham gia hoạt động là khoảng 30 thành viên, chịu sự giám sát của hội đồng quản trị công ty.

Tiền thân của công ty là một bộ phận của công ty TNHH Vân Long (mà nay là Tổng công ty) thành lập từ ngày 04/09/1999 theo quyết định số 0202000184 của Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng, khi còn là một bộ phận của tổng công ty TNHH, hoạt động chính của công ty là trong 2 lĩnh vực sản xuất và thương mại.

- Lĩnh vực thương mại:
 - + Tháng 12/1999: Công ty TNHH Vân Long chuyên nhập khẩu và cung cấp cho các nhà sản xuất trong nước các mặt hàng vật tư ắc quy, hóa chất, dung môi...
 - + Tháng 12/2007: Công ty mở rộng lĩnh vực là kinh doanh hạt nhựa..
 - + Ngày 18/9/2008: Công ty tiến hành cổ phần lĩnh vực thương mại và lấy tên là Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

2.1.2.1. Chức năng nhiệm vụ

- ❖ Thỏa mãn yêu cầu của khách hàng với chất lượng hàng hóa cao nhất , giá cả hợp lí nhất, thời gian giao hàng đúng hẹn và dịch vụ tốt nhất.

❖ Công tác đào tạo con người là nền tảng, hiệu quả là thước đo giá trị của mỗi thành viên.

❖ Thiết lập, thực hiện, duy trì, cải tiến hệ thống, quản lí chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

❖ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc năng động, tinh thần đồng đội cao với đội ngũ chuyên nghiệp, sáng tạo, uy tín.

2.1.2.2. Lĩnh vực ngành nghề

Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC là một công ty tham gia vào hoạt động thương mại với các sản phẩm kinh doanh chính như :

- Vật tư ắc quy,
- Hóa chất PAV, xút, sôđa,
- Dung môi hữu cơ,
- Hạt nhựa,
- Thạch cao , quặng nghèo...

Quá trình hình thành phát triển , công ty đã đạt được kết quả đáng khích lệ trong hoạt động quản lí và kinh doanh. Công tác điều tra, nghiên cứu thị trường luôn luôn được coi trọng và cải tiến không ngừng tạo ra sản phẩm dịch vụ mới để đáp ứng nhu cầu của từng đối tượng khách hàng.

Năm 2010 công ty dự tính doanh thu đạt 180 tỷ, sang năm 2011 doanh thu ước tính đã tăng lên gấp đôi, đạt 372 tỷ, và dự định trong năm 2012 có thể tăng lên trên 400 tỷ. Mức thu nhập bình quân đầu người của công ty tương đối ổn định, từ 3000.000đ – 5000.000 đ/người/tháng. Căn cứ biểu số 2.1.1 về báo cáo kết quả kinh doanh trong 3 năm gần đây nhất để thấy rõ được tình hình phát triển của công ty:

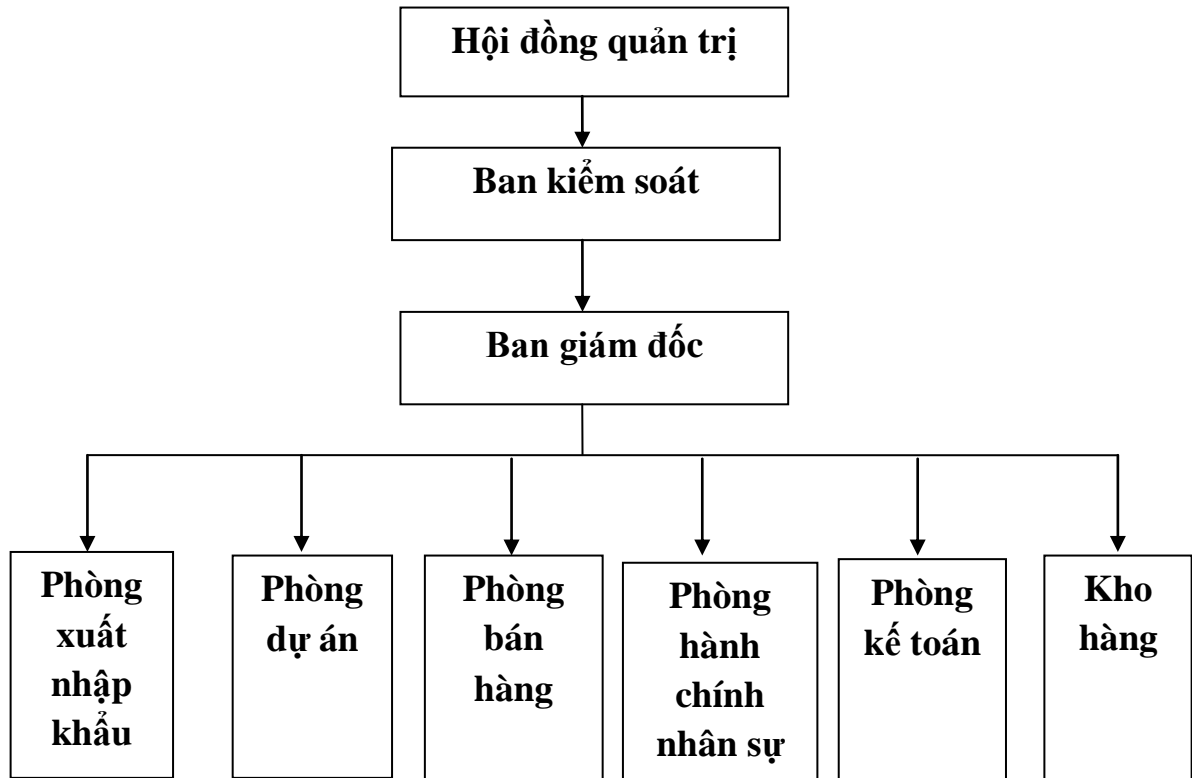
Biểu số 2.1.1

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Tổng doanh thu	112.409.814.569	200.513.467.857	326.164.575.091
Tổng chi phí	110.874.530.041	197.126.366.721	321.896.972.094
LN trước thuế	1.535.284.528	3.387.101.136	4.267.602.997
Chi phí thuế TNDN	268.674.792	846.775.284	746.830.525
Lợi nhuận sau thuế	1.266.609.736	2.540.325.852	3.520.772.472

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý tại công ty

Công ty hoạt động theo cơ cấu tổ chức trực tuyến chức năng, biểu thị bằng sơ đồ:

Sơ đồ 2.1 :



- Giám đốc công ty : Người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển cho công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính, chất lượng.

- Phòng xuất nhập khẩu: Lên kế hoạch điều phối đơn độc việc thực hiện và kế hoạch mua bán xuất nhập hàng hóa, tìm kiếm thiết lập quan hệ cùng các bạn hàng.

- Phòng dự án: Hướng dẫn, giám sát các nhân viên thực hiện chính sách chất lượng của công ty. Lên kế hoạch điều phối và giám sát các dự án từ quá trình thiết lập, thực hiện tới chuyển giao cho các bộ phận khác.

- Phòng bán hàng: Lập kế hoạch, điều phối và thực hiện các kế hoạch bán hàng, xuất nhập khẩu, quản lý hàng tồn kho, đồng thời tìm kiếm và thiết lập quan hệ với các nhà cung cấp, khách hàng của công ty.

- Phòng hành chính nhân sự: Lập kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, quản lý chung bảng lương, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự, quan hệ lao động, phân công nhân sự...

- Phòng kế toán: Thực hiện và giám sát các công việc về tài chính trong công ty.
- Kho hàng: Quản lý các hoạt động xuất nhập của hàng trong kho, lập báo cáo kiểm kê hàng tồn kho định kì cho cấp trên theo quy định.

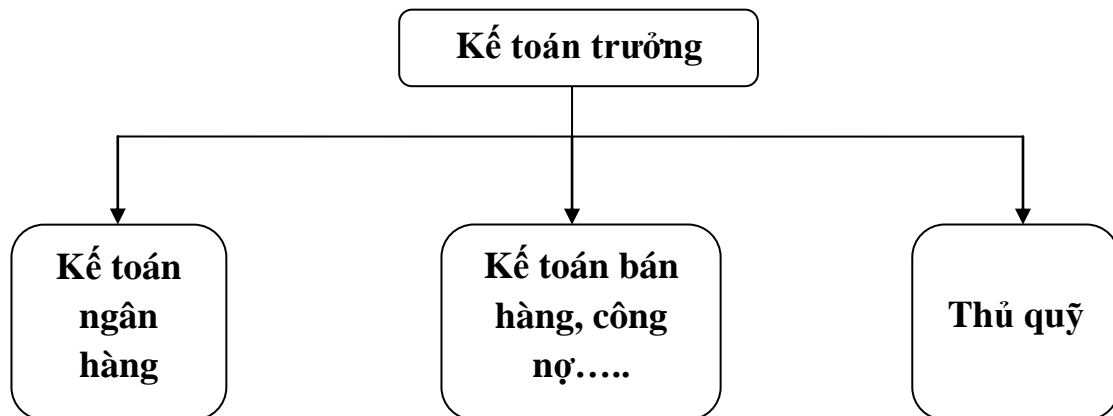
2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán tại công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty là một bộ phận quan trọng thiết yếu, tại phòng kế toán các kế toán viên có vai trò nắm giữ các thông tin tài chính cần thiết phục vụ quản lý của công ty. Từng thông tin tài chính là chìa khóa hỗ trợ đắc lực cho công tác kiểm tra, kiểm soát của giám đốc, cho người quản lý cao nhất của công ty biết được tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đang ở mức độ nào, có khả quan hay không.

Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC có bộ máy kế toán như sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2: Mô hình bộ máy kế toán công ty



- Kế toán trưởng: Là người quan trọng nhất trong phòng kế toán, chịu trách nhiệm toàn bộ về quản lý phân công nhiệm vụ trong phòng, chịu trách nhiệm kiểm tra tổng hợp số liệu kế toán, lập báo cáo kế toán gửi lên cấp trên, chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, cung cấp kịp thời những thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp cho người quản lý.

- Kế toán ngân hàng: Tổng hợp, bao quát tất cả các phân hành liên quan đến giao dịch thuộc ngân hàng của công ty. Bảo quản, lưu trữ và đảm bảo cho các chứng từ, sổ sách thuộc ngân hàng được chính xác, đúng yêu cầu và luật định.

- Kế toán bán hàng, công nợ... : Kế toán công tác bán hàng, cập nhật theo dõi quản lí số liệu hàng hóa, xuất nhập tồn dựa trên số liệu của các phòng ban. Bảo quản lưu trữ phân loại các hồ sơ, chứng từ thuộc phạm vi quản lí theo đúng yêu cầu luật định và quy định kiểm soát hồ sơ.

- Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm kiểm tra sổ quỹ, thu chi tiền mặt. Kiểm kê, kiểm tra sổ tồn quỹ và phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

2.1.4.2. Hình thức kế toán tại công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Hệ thống kế toán Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS)

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 của năm tài chính đó.

Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng việt, sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong ghi chép kế toán.

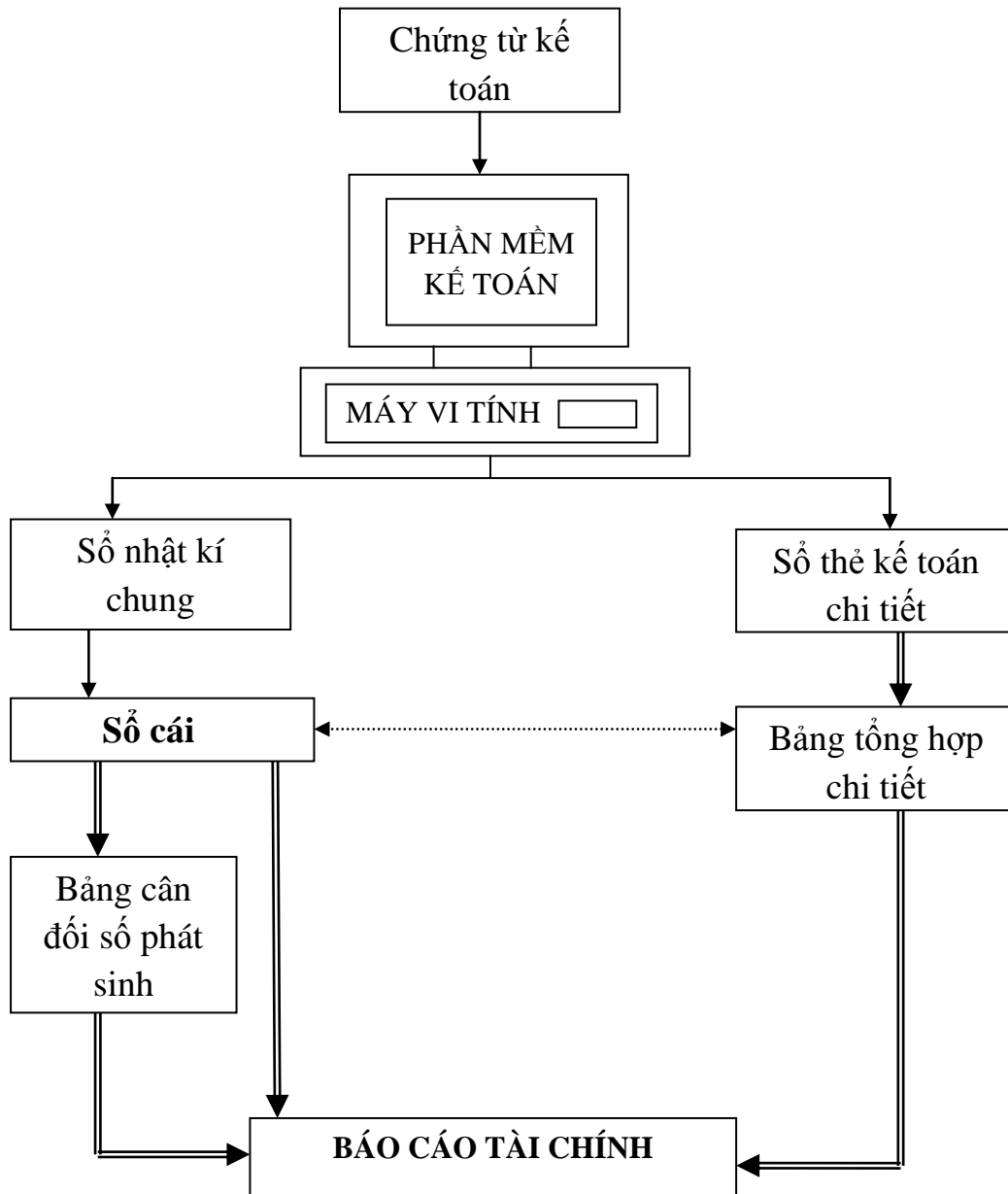
Phương pháp khấu hao: phương pháp đường thẳng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì.

Hình thức ghi sổ kế toán : nhật kí chung, sử dụng phần mềm kế toán máy AF5.0c.

Quá trình hạch toán luân chuyển chứng từ tại công ty được mô tả qua sơ đồ:

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật kí chung



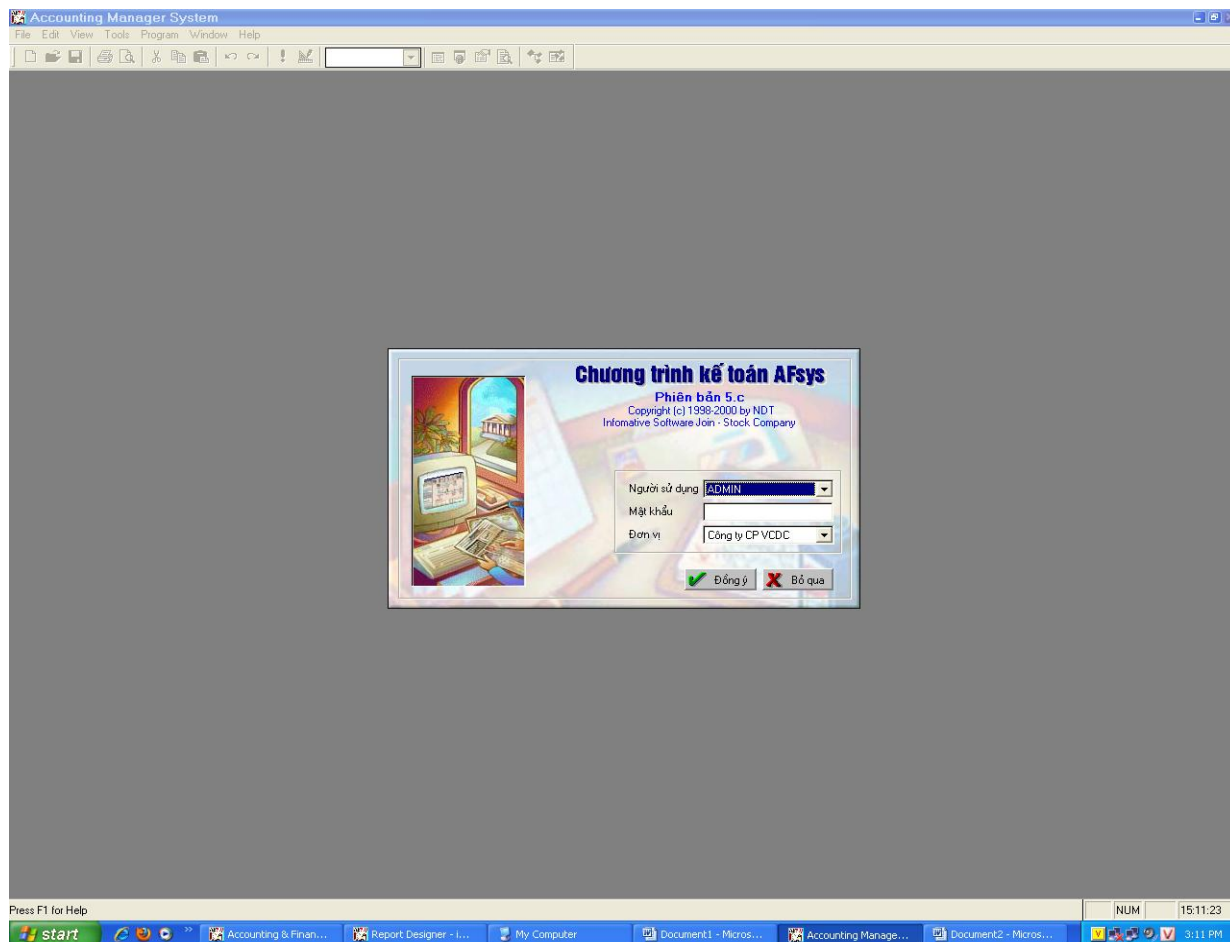
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối kì, cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Đối với hạch toán trên máy vi tính quan trọng nhất là khâu thu thập phân loại chứng từ nhập dữ liệu và định khoản kế toán. Đây là khâu đầu tiên của quy trình hạch toán trên máy vi tính và cũng là khâu quan trọng nhất vì kế toán chỉ nhập dữ liệu vào máy thật đầy đủ và chính xác còn các thông tin đầu ra như sổ chi

tiết, sổ cái và các báo cáo kế toán đều do máy tự động xử lý thông tin tính toán và đưa ra sổ sách bảng biểu cần thiết.

Trên màn hình máy tính, kế toán kích đúp chuột vào biểu tượng chương trình nhập tên công ty và mật khẩu sử dụng, giao diện chương trình nhận được là như sau:



Quá trình xử lý thông tin trên phần mềm:

- Khai báo các khoản danh mục chính
- Khai báo các số dư đầu kì
- Nhập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Xử lý các dữ liệu
- Kiểm tra và in các báo cáo cần thiết

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn từ phần mềm kế toán.

Theo quá trình của phần mềm kế toán các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (nhật ký chung, sổ cái) và các sổ thẻ chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc vào bất cứ thời điểm cần thiết nào) kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác trung thực theo thông tin được lập trong kì. Kế toán có thể kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã được in ra giấy.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC ghi nhận doanh thu theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Doanh thu tập hợp từ việc bán hàng hạch toán theo tài khoản 511 của các sản phẩm bán ra như xút thùng, lá cách nhiệt, PAV....

Các phương thức bán hàng công ty áp dụng:

- Bán hàng trực tiếp: người mua mua hàng trực tiếp tại kho của công ty.
- Bán hàng qua hợp đồng: doanh nghiệp căn cứ theo hợp đồng kinh tế được kí kết có thể giao hàng ngay tại kho cho khách hàng hoặc chuyển qua kho bên công ty mua hàng, số tiền thu được khi bán hàng có thể chưa được thanh toán ngay sẽ ghi nhận vào TK131.
- Bán hàng qua điện thoại: khách hàng đặt hàng qua điện thoại của công ty và công ty chuyển hàng qua kho cho khách hàng, đây thuộc các loại khách hàng thường xuyên của công ty, đảm bảo được việc thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

2.2.1.2. Chứng từ, sổ sách, tài khoản sử dụng

Chứng từ hạch toán:

- Biên bản giao nhận hàng hóa
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu kế toán
- Giấy báo có ngân hàng, phiếu thu...

Sổ sách hạch toán:

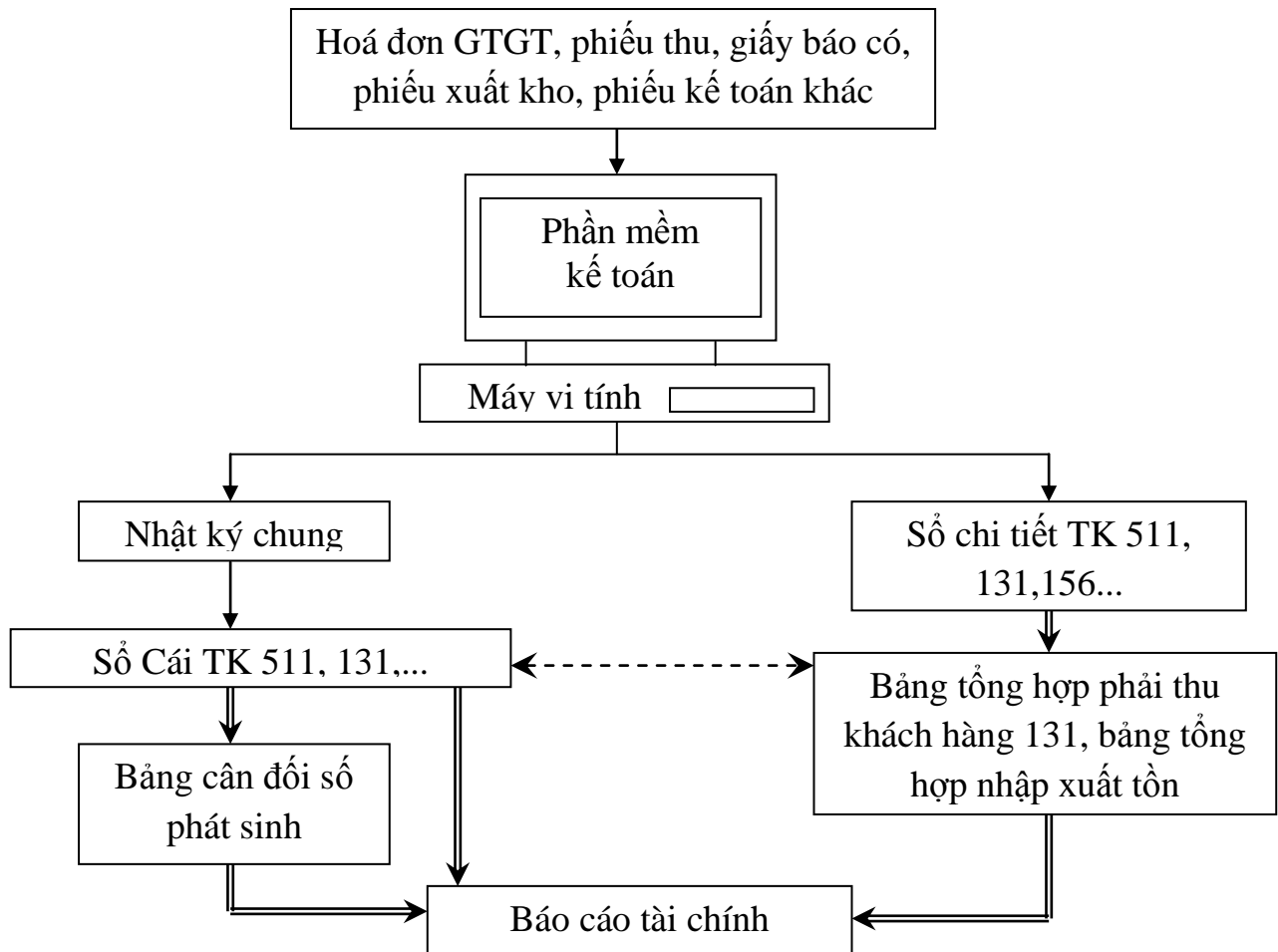
- Chi tiết TK 511,131,632,3331..
- Sổ cái các tài khoản tương ứng.
- Bảng tổng hợp bán hàng, bảng tổng hợp phải thu khách hàng...
- Sổ nhật kí chung..

Tài khoản sử dụng:

- TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 111,112,131: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng

2.2.1.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.4: Hạch toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ



- Ghi chú:**
- > Nhập số liệu hàng ngày
 - =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
 - <-----> Đối chiếu, kiểm tra

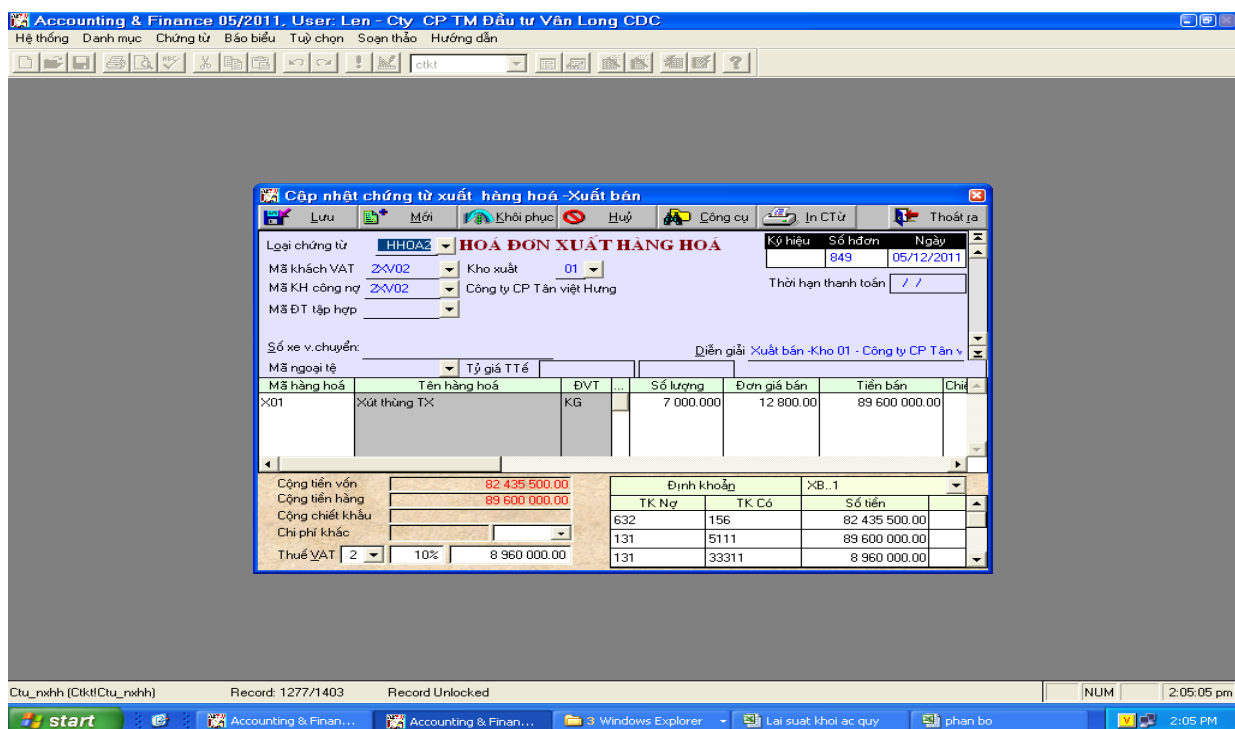
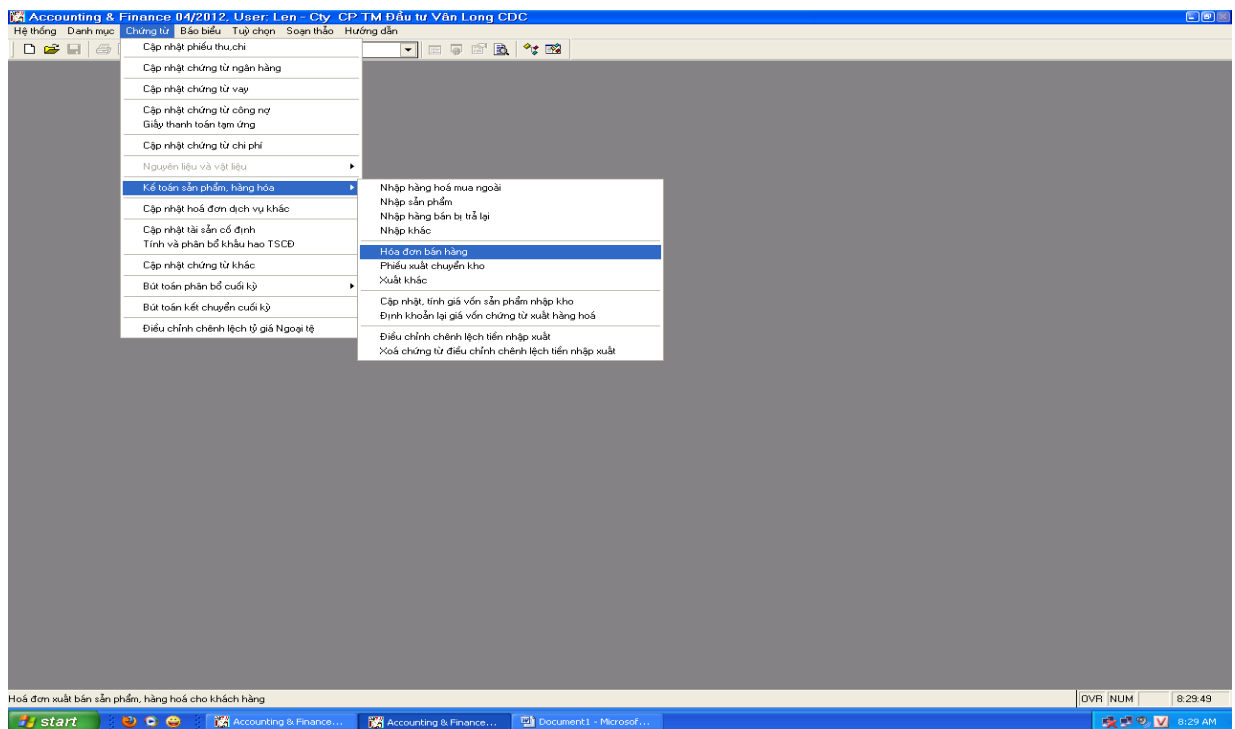
2.2.1.4. Ví dụ minh họa

Ngày 05/12/2011, công ty xuất kho bán trực tiếp Xút thùng tứ xuyên cho Công ty cổ phần Tân Việt Hưng với số lượng 7000kg, đơn giá chưa thuế GTGT 10% là 12.800đ/kg. Công ty Tân Việt Hưng chưa thanh toán cho công ty.


Kế toán định khoản:

- Nợ TK 131: 98.560.000
- Có TK 511: 89.600.000
- Có TK 3331: 8.960.000

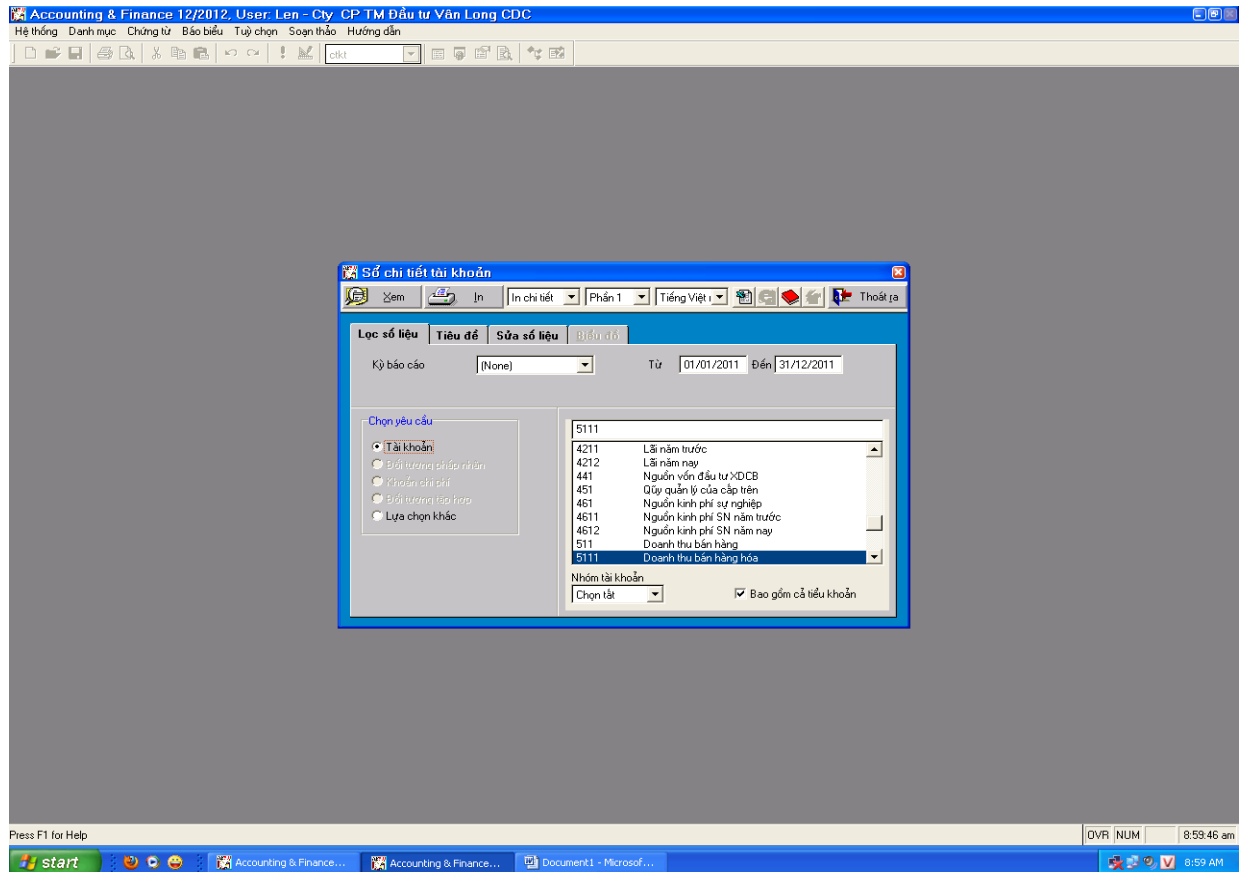
Căn cứ theo hóa đơn bán hàng kế toán công ty đăng nhập phần mềm kế toán/ nhập tên người dùng/ đăng nhập mật khẩu sử dụng, phần mềm kế toán hiện lên màn hình các phần hành kế toán, kế toán lựa chọn chứng từ/ chọn danh mục kế toán thành phẩm hàng hóa/ mục hóa đơn bán hàng. Kế toán nhập các dữ liệu cần thiết vào mục hóa đơn bán hàng như hình minh họa dưới, sau đó chọn lưu dữ liệu. Thao tác trên đã đồng thời chuyển các số liệu vào các sổ chi tiết, sổ nhật kí chung, sổ cái các tài khoản liên quan, bảng cân đối số phát sinh....



Biểu số 2.2.1: Hóa đơn thuế GTGT

 VDCD	<p>CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÂN LONG CDC Mã số thuế: 0200835768 Địa chỉ: Khu An Trì, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng Điện thoại: 0313.798885 Fax: 0313.798884 Email: vanlong@vcdc.com.vn Website: www.vcdc.com.vn Tài khoản: 0031000853298-NHTMCP NgoạiThươngViệt Nam-CN Hải Phòng</p>	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số: 0000849										
<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1: Lưu Ngày 05 tháng 12 năm 2011</p>												
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: công ty CP Tân Việt Hưng Mã số thuế : <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> </tr> </table>			5	7	0	0	4	5	3	0	0	4
5	7	0	0	4	5	3	0	0	4			
Địa chỉ: xã Việt Hưng- Thành phố Hạ Long- Quảng Ninh Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:												
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền							
1	2	3	4	5	6 = 4x5							
	Xút thùng	Kg	7.000	12.800	89.600.000							
Cộng tiền hàng:					89.600.000							
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		8.960.000								
Tổng cộng tiền thanh toán:					98.560.000							
Số tiền viết bằng chữ: Chín mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn												
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)								
BÁN HÀNG Qua điện thoại												
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)												

Kế toán đăng nhập số liệu vào sổ chi tiết TK 511



Biểu số 2.2.2: Trích sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản: Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ - 511

Tên sản phẩm: Xút thùng tứ xuyên

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu bán hàng			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
05/12/2011	HĐ GTGT 849	05/12/2011	Doanh thu bán hàng cho Tân Việt Hưng	131	7.000	12.800		89.600.000
15/12/2011	HĐ GTGT 863	15/12/2011	Doanh thu bán hàng	112	3.000	12.800		38.400.000
			Cộng phát sinh				184.328.929	184.328.929

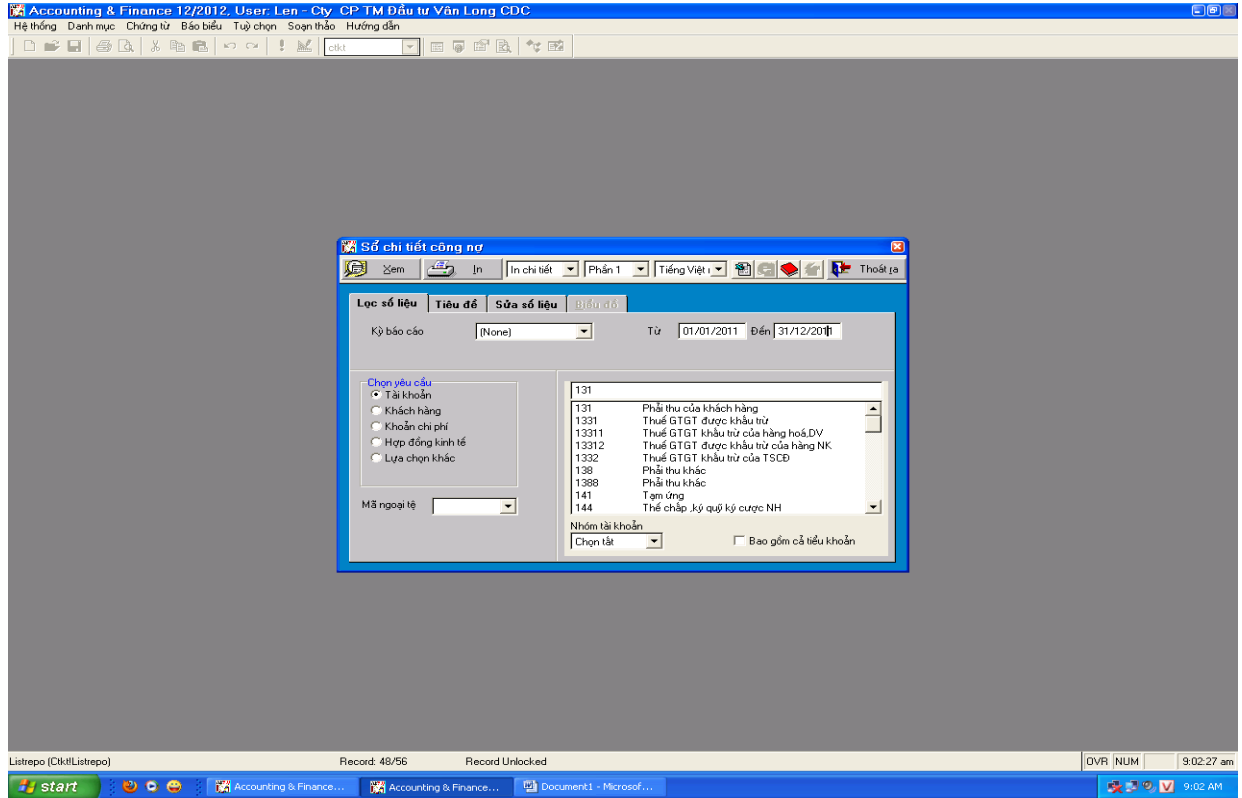
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán nhập số liệu vào sổ chi tiết công nợ khách hàng TK 131



Biểu số 2.2.3: Trích sổ chi tiết thanh toán người mua người bán

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản 131: Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty cổ phần Tân Việt Hưng

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>2.612.787.658</u>			
					
02/12/2011	PT 264	02/12/2011	Cty CP Tân Việt Hưng trả nợ tiền hàng tháng 11	112		157.300.000	2.975.387.968	
					
05/12/2011	HĐG TGT 849	05/12/2011	Phải thu tiền hàng bán xút thùng	511 3331	89.600.000 8.960.000		3.006.253.586 3.015.213.586	
					
			Cộng số phát sinh		10.344.694.690	9.908.426.609		
			Số dư cuối kỳ				<u>3.049.055.739</u>	

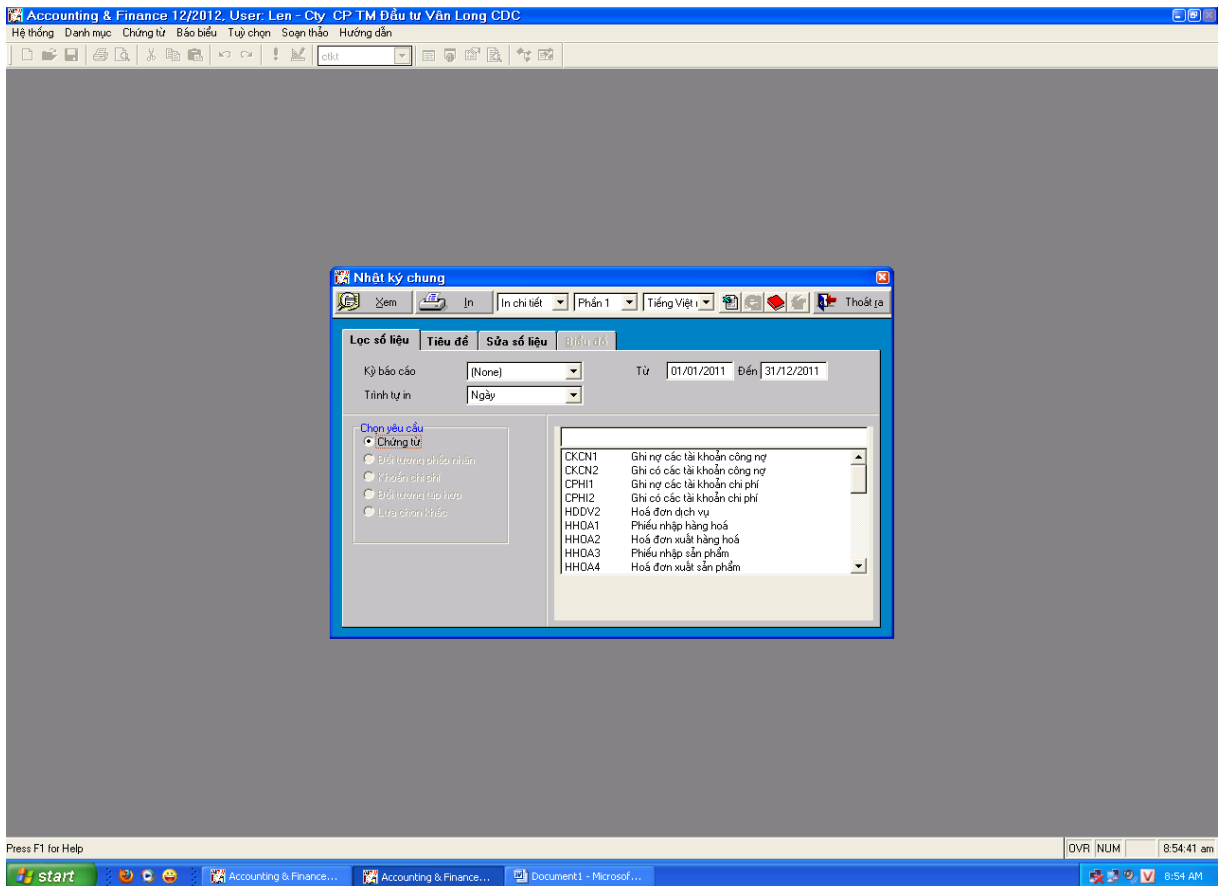
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

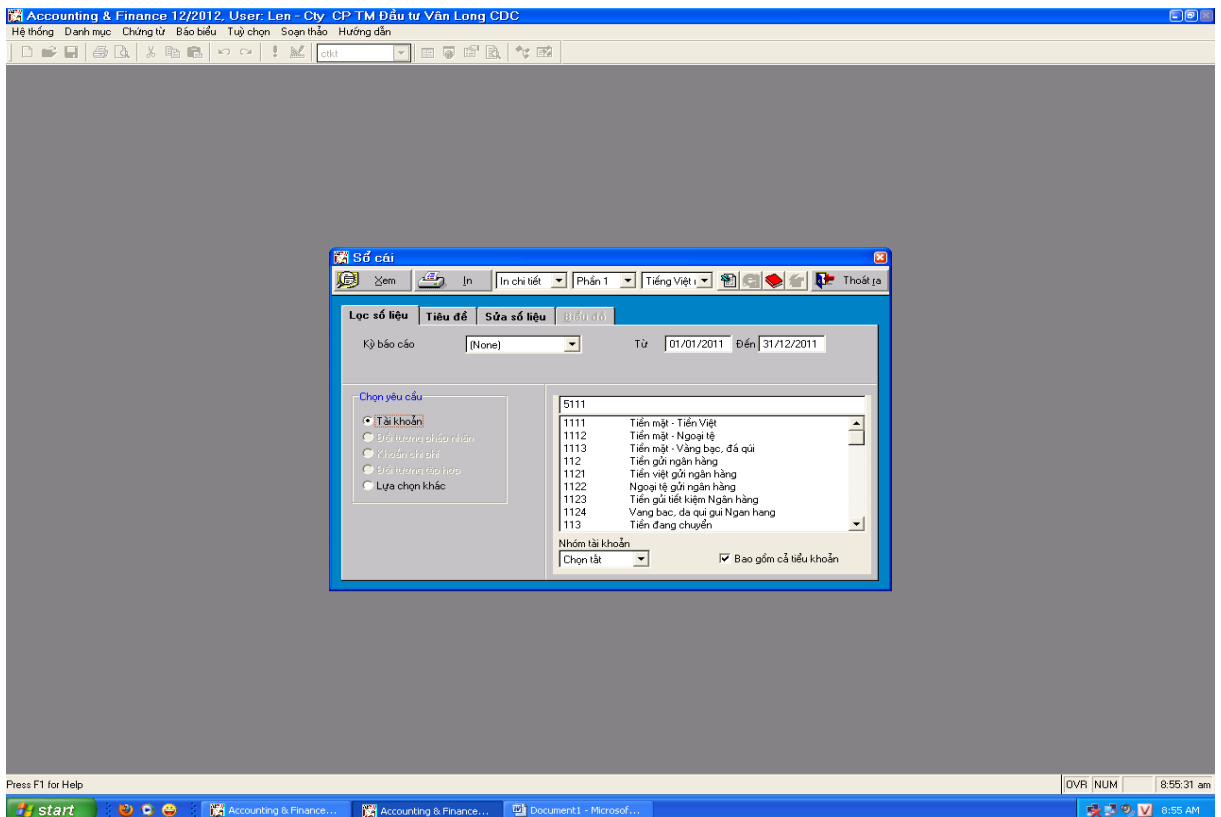
Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Đóng dấu, ký, ghi rõ họ tên)

Số liệu được tự động cập nhật đã chạy vào các sổ nhật kí chung, để xem kế toán chọn mục báo biểu/nhật kí và bảng kê/chọn sổ nhật kí chung.



Tương tự chọn xem các sổ kế toán chọn sổ cái/chọn sổ cái tài khoản cần xem.



Biểu số 2.2.4: Trích sổ nhật ký chung công ty năm 2011

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
							
02/12/2011	PC 297	02/12/2011	Rút tiền mặt gửi ngân hàng	X X	112	111	280.000.000	280.000.000
							
05/12/2011	PC 301	05/12/2011	Chi tiền mặt thanh toán cước vận chuyển	X X X	641 133	111	1.800.000 180.000	1.980.000
							
05/12/2011	PXK 13	05/12/2011	Giá vốn hàng bán	X X	632	156	82.435.500	82.435.500
05/12/2011	HĐ GTGT 849	05/12/2011	Phải thu tiền hàng của công ty Tân Việt Hưng	X X X	131	511 3331	98.560.000	89.600.000 8.960.000
							
16/12/2011	PN 2451	16/12/2011	Mua hàng công ty TNHH Dealim theo hóa đơn số 2451	X X X	156 133	331	814.800.000 81.480.000	896.280.000
							
22/12/2011	PNK 8448	22/12/2011	Ghi giảm giá vốn do hàng bán bị trả lại	X X	156	632	11.945.455	11.945.455
							
31/12/2011	PKT 206	31/12/2011	Tính lương trả CNV phòng quản lí	X X	642	334	51.484.107	51.484.107
							
			Cộng phát sinh trong kỳ				3.009.867.767.769	3.009.867.767.769

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2.5: Trích sổ cái TK 511

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CÁI

Năm 2011

Tài khoản 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật kí chung	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-	-
						
02/12/2011	HĐGTGT 751	02/12/2011	Doanh thu bán hàng lá cục S17A(+)	73	112		115.740.000
						
05/12/2011	HĐGTGT 849	05/12/2011	Doanh thu bán xút thùng Tứ Xuyên	77	131		89.600.000
						
30/12/2011	HĐGTGT 963	30/12/2011	Doanh thu bán hàng Ferro silic 72	85	112		3.506.836.740
						
			Cộng số phát sinh			325.008.107.220	325.008.107.320
			Số dư kỳ			-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**Đặc điểm giảm giá hàng bán**

Do quá trình vận chuyển hoặc do thành phẩm xuất bán không đạt tiêu chuẩn như tiêu chuẩn của khách hàng, hai bên bàn bạc nhất trí thống nhất, sau khi hàng đã được chuyển tới kho khách hàng. Công ty có thể áp dụng một khoản giảm giá hàng bán.

Đặc điểm hàng bán bị trả lại

Hàng xuất không đạt tiêu chuẩn, quy cách như đơn đặt hàng, khách hàng không đồng ý nhận, nhập lại kho công ty. Công ty hạch toán hàng bán bị trả lại.

Chứng từ sử dụng:

- Biên bản thỏa thuận giảm giá hàng bán
- Hóa đơn hàng bán bị trả lại
- Biên bản giao nhận hàng bị trả lại
- Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại
- Các chứng từ liên quan khác.....

Tài khoản sử dụng hạch toán:

TK 531: Hàng bán bị trả lại

TK 532: Giảm giá hàng bán

Ví dụ minh họa:

Ngày 22/12/2011, Công ty Supe phốt phát và HC Lâm Thao trả lại 2000kg trong tổng 5200kg axit H₂SO₄-P do không đảm bảo chất lượng yêu cầu của hợp đồng đã kí. Giá trị lô hàng bị trả lại chưa thuế GTGT 10% là 13.272.728đ. Giá vốn nhập lại kho 11.945.456đ. Công ty đã thanh toán lại ngay bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ các chứng từ : Hóa đơn hàng bán bị trả lại, phiếu nhập kho hàng bị trả lại để tiến hành định khoản ghi nhận vào phần mềm kế toán công ty.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 156: 11.945.456

Có TK 632: 11.945.456

Nợ TK 531: 13.272.728


Nợ TK 3331: 1.327.273

Có TK 111: 14.600.001

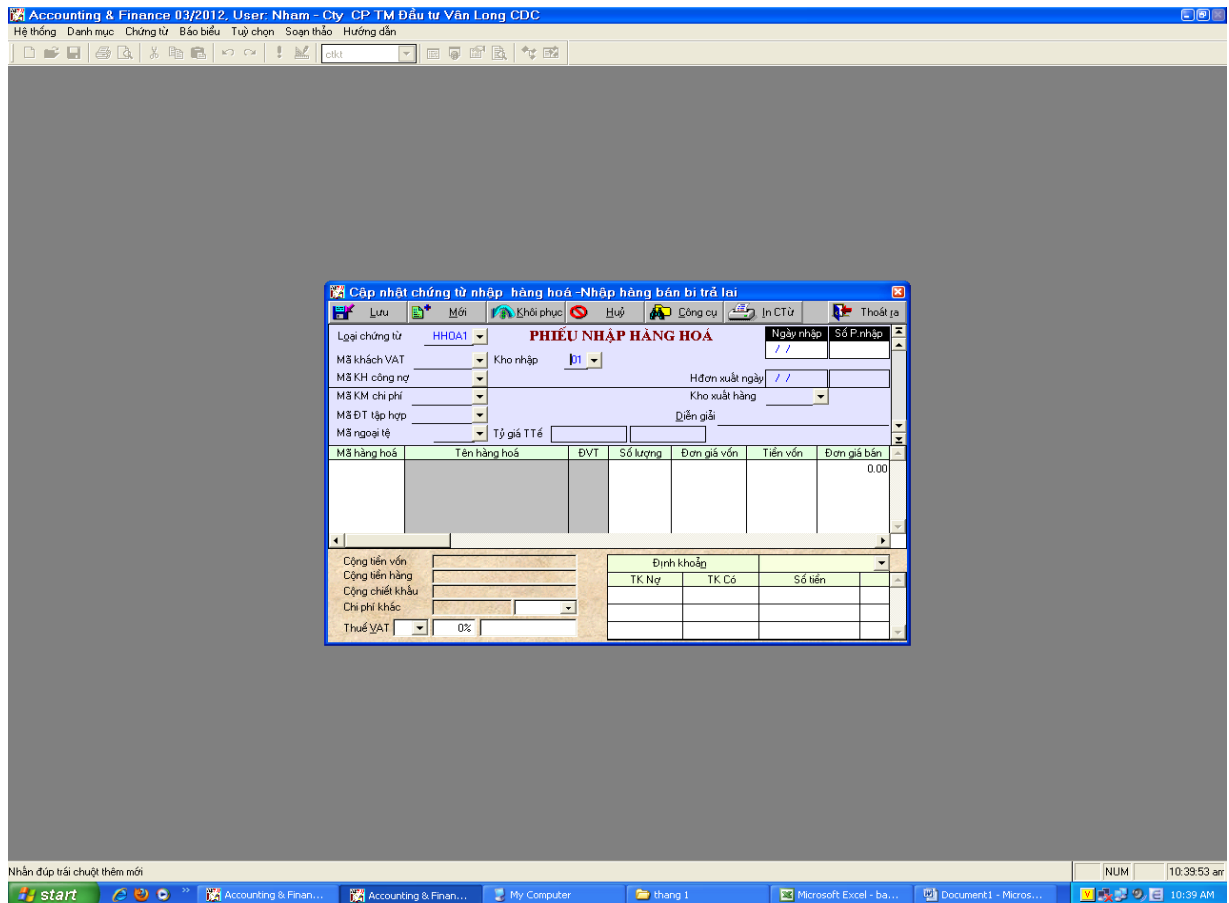
Biểu số 2.2.6: Phiếu nhập kho

Cty CPTM Đầu tư Vân Long CDC An Trì, Hùng Vương, Hồng Bàng		PHIẾU NHẬP KHO			
		Ngày 22 tháng 12 năm 2011		Số: 8448	
Đơn vị bán hàng : <i>Cty Supe phôt phát & HC Lâm Thao</i>				Nợ TK 156	
Địa chỉ :				Có TK 632	
Hóa đơn người bán số: 8448		Ngày : 22/12/2011			
Biên bản kiểm nghiệm số:		Ngày :			
Nhập vào kho : <i>Kho công ty</i>					
Mã Vtur	Tên, quy cách vật tư	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A08	Axít H2SO4-P	KG	2000.00	5972.728	11 945 456
 					
 					
 					
 					
 					
 					
				Cộng tiền hàng: 11 945 456	
Chi phí vận chuyển:					
				Tổng cộng 11 945 456	
Bằng chữ: Mười một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng.					
Ngày 22 tháng 12 năm 2011					
Thủ trưởng đơn vị		Thủ kho		Người nhập	

Biểu số 2.2.7: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
		Liên 2: giao người mua		Mẫu số: 01GTKT3/001	
CTY CP SUPE PHỐT PHÁT & HÓA CHẤT LÂM THAO		Ngày 22 tháng 12 năm 2011		Ký hiệu: SP/11P	
Địa chỉ: Thị trấn Lâm Thao- Huyện Lâm Thao- Tỉnh Phú Thọ				No: 0008448	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO					
Mã số thuế: 2600108471 - Tài khoản : 2703201000273					
Địa chỉ: Thị trấn Lâm Thao – Huyện Lâm Thao – Tỉnh Phú Thọ					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC – Hải Phòng.....					
MST: 0200835768.....Tài khoản:..... Mã quản lí: 19.....					
Địa chỉ: Khu An Trì, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, TP Hải Phòng.....					
Hình thức thanh toán : tiền ngay.....					
Phương tiện vận chuyển: Ôtô.....					
Ký hiệu phương tiện: 16L1362.....					
Địa điểm giao hàng: kho công ty supe Lâm Thao- Phú Thọ.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ, quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
1	H2SO4-P	Tấn	2	6.636,364	13.272.728
Cộng tiền hàng					13.272.728
Thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	1.327.273
Tổng cộng tiền thanh toán					14.600.001
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu sáu trăm nghìn không trăm lẻ một đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Kế toán thanh toán (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Theo hóa đơn và phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, kế toán công ty tiến hành nhập lại hàng hóa như nhập hàng mua bình thường, với giá vốn hàng bị trả lại ghi nhận theo giá vốn khi bán hàng cho khách hàng. Kế toán đăng nhập phần mềm kế toán/ chọn phần chứng từ/ chọn kế toán sản phẩm hàng hóa/ nhập hàng bán bị trả lại. Kế toán tiến hành nhập số liệu, sau đó chọn lưu. Các số liệu sẽ chạy vào các sổ nhật kí chung, sổ cái tài khoản 531,632..., báo cáo tài chính. Ta có hình ảnh minh họa:



Sau khi kế toán nhập các dữ liệu vào phần mềm, các số liệu chạy vào các sổ, phần mềm kế toán cũng đồng thời thực hiện bút toán kết chuyển giảm giá hàng bán trong tháng 12 cho mặt hàng axít H₂SO₄-P.

Ta có bảng nhật kí chung:

Biểu số 2.2.8: Trích sổ nhật kí chung năm 2011

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
							
22/12/2011	PNK 8448	22/12/2011	Ghi giảm giá vốn hàng bán bị trả lại	X X	156	632	11.945.456	11.945.456
22/12/2011	HD GTGT 8448	22/12/2011	Ghi giảm doanh thu hàng bán bị trả lại	X X X	531 3331	111	13.272.728 1.327.273	14.600.001
							
31/12/2011	PKT 211	31/12/2011	Kết chuyển khoản giảm trừ doanh thu tháng 12	X X	511	531	168.208.960	168.208.960
							
			Cộng phát sinh trong kỳ				3.009.867.767.769	3.009.867.767.769

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2.9: Trích sổ cái TK 531

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CÁI

Năm 2011

Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật kí chung	SHT KĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-	
						
22/12/2011	HDG TGT 8448	22/12/2011	Ghi giảm doanh thu hàng bán bị trả lại	83	111	13.272.728	
						
31/12/2011	PKT 211	31/12/2011	Kết chuyển giảm giá hàng bán tháng 12	87	511		168.208.960
						
			Cộng số phát sinh			2.023.208.960	2.023.208.960
			Số dư cuối kỳ			-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho (trong trường hợp hàng bán bị trả lại)

Tài khoản sử dụng:

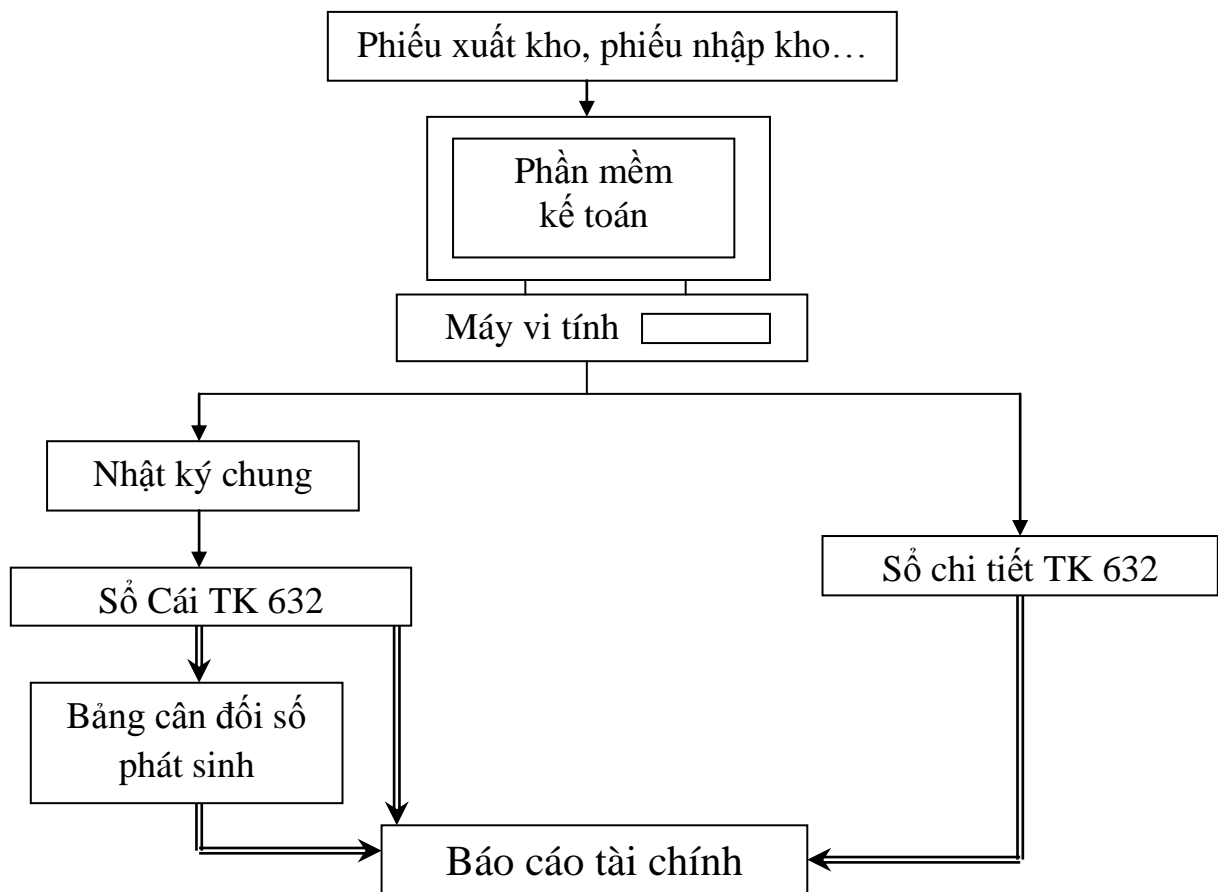
- TK 632: giá vốn hàng bán
- TK 156: hàng hóa...

Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái TK 632..
- Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn
- Sổ sách liên quan khác...

Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5:



Ghi chú: \longrightarrow Nhập số liệu hàng ngày
 \Longrightarrow In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

Ví dụ minh họa:

Xuất kho bán xút thùng Tứ Xuyên (ví dụ trên). Giá vốn hàng bán được ghi nhận vào cuối mỗi tháng theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì.

- Lượng xút tồn đầu tháng : 5000kg
- Lượng xút nhập trong tháng : 22.000kg
- Trị giá xút tồn đầu tháng : 58.755.000đ
- Trị giá xút nhập trong tháng : 259.210.500đ

Đơn giá xuất xút thùng trong tháng

$$= \frac{58.755.000 + 259.210.500}{5000 + 22.000} = 11.776,5 \text{ đ/kg}$$

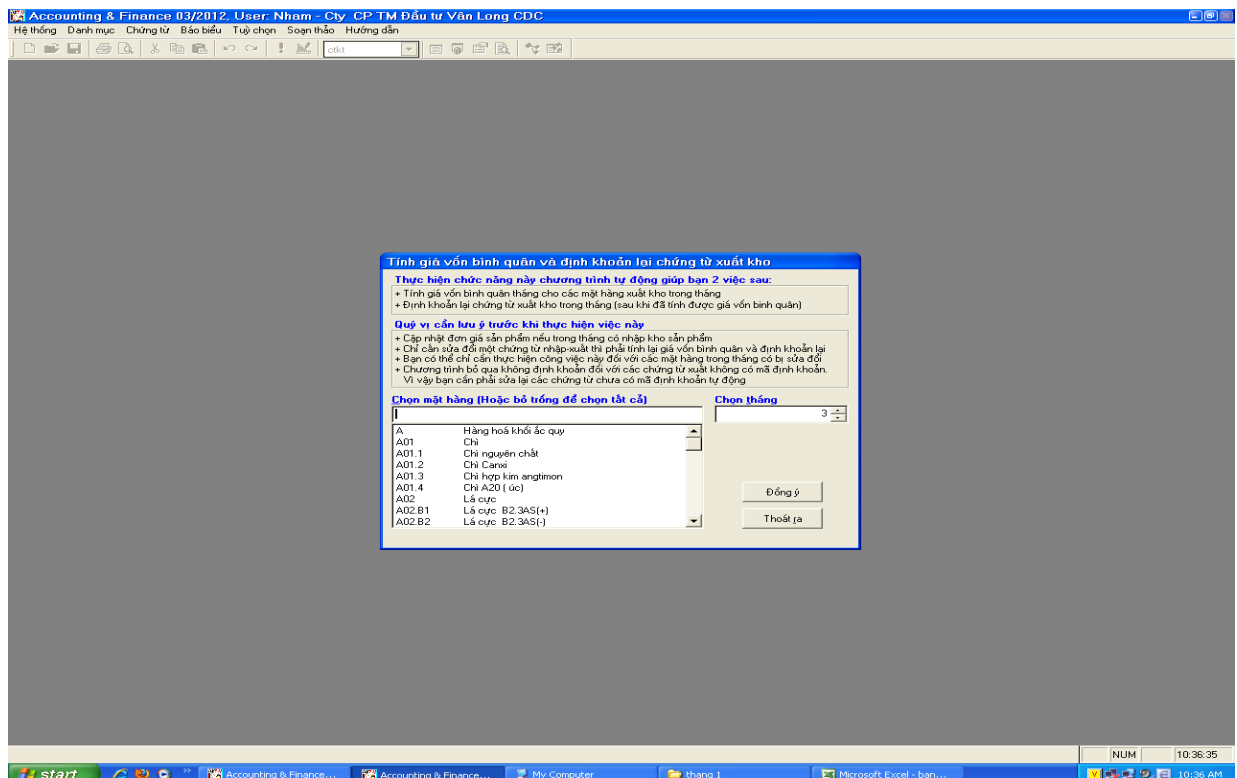
Trị giá xuất kho xút thùng = 11.776,5 x 7000 = 82.435.500đ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 82.435.500

Có TK 156 : 82.435.500

Hàng ngày kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán, khi xuất hàng hóa, kế toán ghi nhận giá trị tạm tính, số lượng hàng xuất tại thời điểm đó, tới cuối tháng phần mềm kế toán căn cứ dữ liệu sẽ tự động tính giá vốn hàng bán cho mỗi hàng hóa của doanh nghiệp. Ta có hình minh họa:

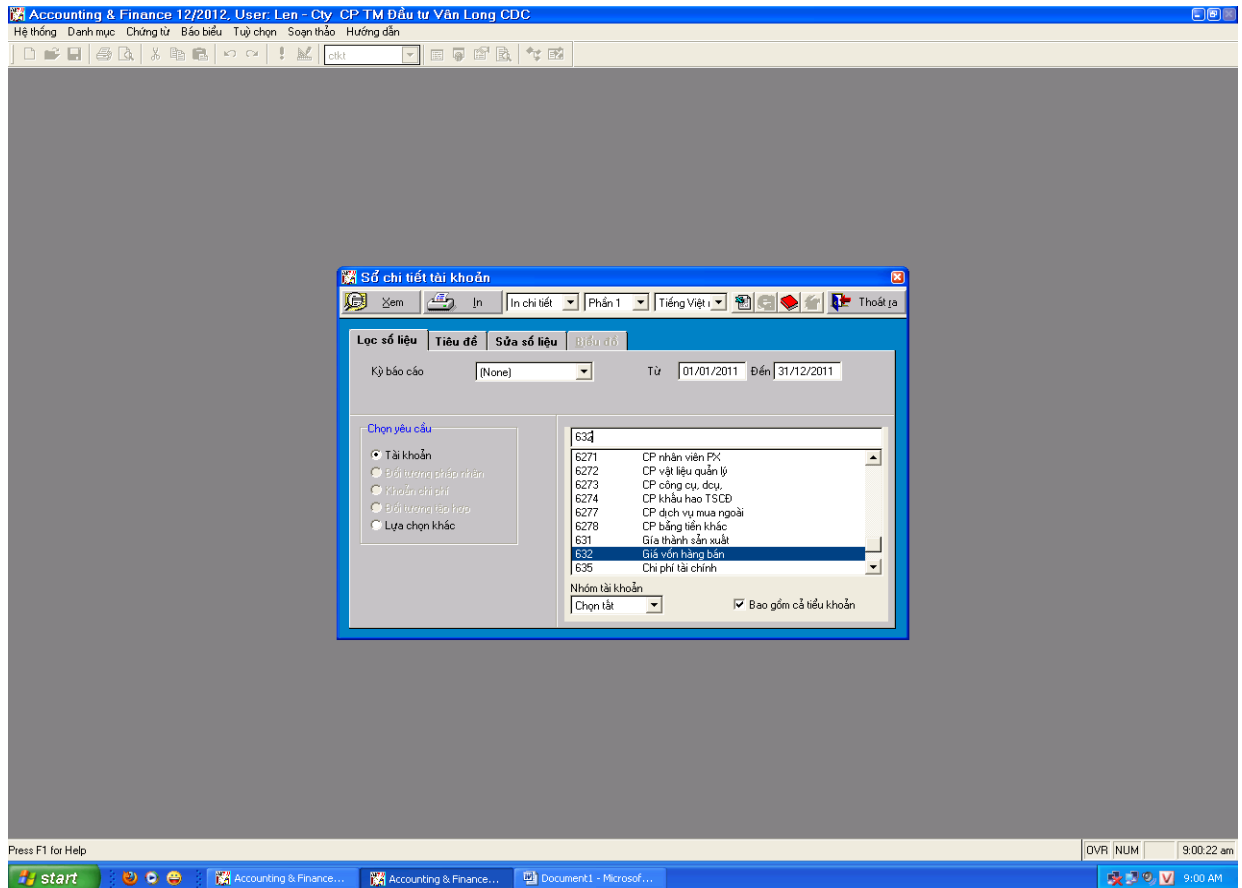


Tới cuối tháng kế toán xuất ra phiếu xuất kho:

Biểu số 2.2.10: Phiếu xuất kho

Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng		Mẫu số 02VT (Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC)				
PHIẾU XUẤT KHO Ngày 05 tháng 12 năm 2011			Nợ TK 632 Có TK 156			
Số 13						
Họ và tên người nhận hàng: Địa chỉ: Công ty cổ phần Tân Việt Hưng Lý do xuất hàng: xuất hàng bán Xuất kho tại: Kho công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC Địa điểm: An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng-HP						
STT	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xút thùng tứ xuyên		KG	7.000	11.776,5	82.435.500
	/					
	Cộng					82.435.500
Tổng số tiền (viết bằng chữ): Tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, năm trăm đồng. Số chứng từ gốc kèm theo:						
Ngày 05 tháng 12 năm 2011						
Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)		

Sổ chi tiết giá vốn hàng bán TK 632:



Biểu số 2.2.11: Trích sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Tên sản phẩm: Xút thùng Tứ Xuyên

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Giá vốn hàng bán			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
							
05/12/2011	PXK 13	05/12/2011	Xuất kho bán xút thùng tứ xuyên	156	7000	11.776,5	82.435.500	
							
17/12/2011	PXK 25	17/12/2011	Xuất kho bán xút thùng Tứ Xuyên	156	2000	11.776,5	23.553.000	
							
			Cộng phát sinh				176.647.500	176.647.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Đóng dấu, ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2.12: Trích sổ chi tiết hàng hóa, dụng cụ sản phẩm

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU DỤNG CỤ HÀNG HÓA SẢN PHẨM

Tháng 12 năm 2011

Tên ,quy cách hàng hóa: xút thùng tứ xuyên

Tài khoản : 156 Tại kho: công ty CPTM đầu tư Vân Long

Đơn vị: KG

Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
		Số dư đầu kỳ							5.000	<u>58.755.000</u>	
		
PXK 13	05/12/ 2011	Xuất kho bán xút thùng	632	11.776,5			7.000	82.435.500		225.639.750	
		
		Cộng tháng			22.000	259.210.500	15.000	176.647.500	12.000	<u>141.318.000</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.2.13: Trích bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM)

Tài khoản 156

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

STT	Tên quy cách vật liệu	Số tiền							
		Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền

5	Xút thùng tứ xuyên	5000	58.755.000	22.000	259.210.500	15.000	176.647.500	12.000	141.318.000
		
16	Ferro silic	6.680	142.750.000	279.690	5.957.550.000	189.790	4.042.936.946	96.580	2.057.363.054
								
	Cộng		861.811.860		12.354.032.669		6.206.326.678		<u>7.009.517.842</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu số 2.2.14: Trích sổ cái TK 632

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CÁI

Năm 2011

Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật kí chung	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-	
						
02/12/2011	PXK 8	02/12/2011	Giá vốn xuất bán lá cục S17A(+)	73	156	101.851.200	
						
05/12/2011	PXK 13	05/12/2011	Giá vốn hàng xuất bán xút thùng	77	156	82.435.500	
						
22/12/2011	PNK 8448	22/12/2011	Giá vốn hàng bán bị trả lại	81	156		11.945.455
						
30/12/2011	PXK 68	30/12/2011	Gia vốn xuất bán Ferri silic 72	85	156	3.156.153.066	
						
			Cộng số phát sinh			298.498.277.480	298.498.277.480
			Số dư cuối kỳ			-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**Đặc điểm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

- *Chi phí bán hàng*: Phát sinh liên quan đến một số nghiệp vụ như chi phí vận chuyển hàng hóa bán cho khách hàng, chi phí nâng dỡ, bốc hàng, chi phí trả lương cho nhân viên phòng bán hàng của công ty, chi phí khấu hao tài sản thuộc bộ phận bán hàng (xe tải, cân hàng..)....

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Phát sinh các nghiệp vụ liên quan như: chi phí trả lương cho bộ phận quản lý (giám đốc, trưởng phòng các ngành quản lý..), chi phí khấu hao tài sản thuộc bộ phận quản lý (bàn họp, máy tính...), chi tiếp khách, điện thoại, điện, nước...

Chứng từ, sổ sách, tài khoản sử dụng hạch toán**Chứng từ hạch toán:**

- Phiếu chi tiền
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Hóa đơn dịch vụ mua ngoài
- Phiếu kế toán....

Sổ sách hạch toán:

Kế toán khi nhập dữ liệu vào máy tính thì phần mềm kế toán sẽ tự động chạy số liệu vào các sổ chi tiết, các sổ cái tài khoản tương ứng, sổ nhật ký chung, báo cáo tài chính..

Tài khoản sử dụng:

TK 641: Chi phí bán hàng gồm các TK cấp 2:

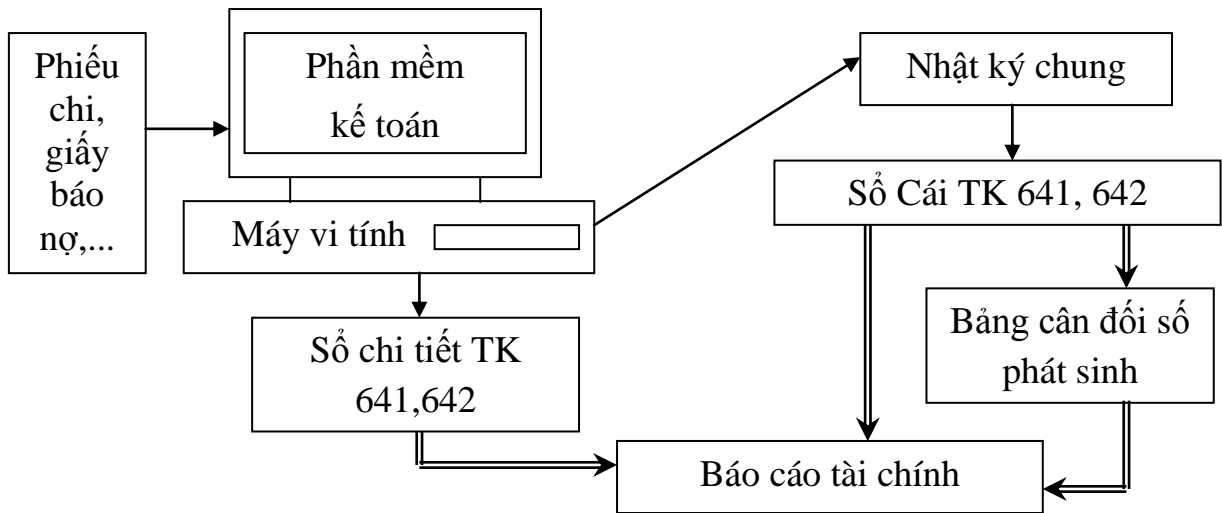
- ✓ TK 6411: Chi phí nhân viên bán hàng
- ✓ TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- ✓ TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- ✓ TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các TK cấp 2 như:

- ✓ TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- ✓ TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- ✓ TK 6425: Thuế, phí, lệ phí
- ✓ TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- ✓ TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6:



Ghi chú: —————> Nhập số liệu hàng ngày
 =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ minh họa:

Ngày 1/12/2011, công ty ghi nhận khoản phải thanh toán cước vận chuyển PAC tháng 11 của công ty TNHH dịch vụ vận tải Sơn Lâm theo hóa đơn GTGT số 311. Số tiền chưa thuế GTGT 10% là 33.160.000đ.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 641: 33.160.000
 Nợ TK 133 : 3.316.000
 Có TK 331 : 36.476.000

Chứng từ phát sinh:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu kế toán

Biểu số 2.2.15: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu : SL/11P Số : 0000311	
Liên 2 : Giao Khách Hàng Ngày 01 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI SƠN LÂM Mã số thuế: 0400549940 Địa chỉ : Lô 468 Lê Thanh Nghị - Quận Hải Châu – TP Đà Nẵng Điện thoại : (0511) 3824318 * Fax : (0511) 3824318 Số tài khoản :tại Ngân hàng:.....					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÂN LONG CDC Mã số thuế : 0200835768 Địa chỉ : KCN An Trì, Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng Hình thức thanh toán : CK.....Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
01	Vận chuyển chất lọc nước (Hải Phòng – Quảng Ngãi)	Tấn	09	720.000	6.480.000
	(Hải Phòng – Đà Nẵng)	Tấn	31	580.000	17.980.000
	(Hải Phòng – Quảng Ninh)	Tấn	15	580.000	8.700.000
Thuế suất GTGT : 10%					
Cộng tiền hàng :					33 160 000
Tiền thuế GTGT:					3 316 000
Tổng cộng tiền thanh toán:					36 476 000
Số tiền bằng chữ : Ba sáu triệu bốn trăm bảy sáu ngàn đồng.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.2.16: Phiếu kế toán số 125

Cty CPTM đầu tư Vân Long CDC

An tri- Hùng Vương-Hồng Bàng-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 155

Ngày 01/12/2011

Về khoản	Định khoản		Số tiền
	Có	Nợ	
Cước vận chuyển PAC tháng 11	331	641	33 160 000
Thuế GTGT	331	1331	3 316 000
Cộng			36 476 000

Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký họ tên)Kế toán trưởng
(Ký họ tên)Người lập phiếu
(Ký họ tên)

Ví dụ 3: ngày 31/12, công ty tính các khoản lương phải trả cho cán bộ công nhân viên bộ phận quản lí theo bảng chấm công và thanh toán lương.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 51.484.107

Có TK 334: 51.484.107

Nợ TK 642: 4.594.800

Nợ TK 334: 3.114.298

Có TK 338: 7.709.098

Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết các TK
- Sổ NKC và sổ cái TK.

Chứng từ sử dụng:

- Bảng chấm công tháng 12
- Bảng thanh toán lương tháng 12
- Bảng tổng hợp lương tháng 12
- Phiếu kế toán

Biểu số 2.2.17: Bảng thanh toán lương tháng 12

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 12 NĂM 2011

ĐƠN VỊ: QUẢN LÝ

Stt	HỌ VÀ TÊN	Chức danh nghề nghiệp	Mức lương đóng bảo hiểm hàng tháng	TỔNG TIỀN LƯƠNG VÀ THU NHẬP ĐƯỢC LĨNH								CÁC KHOẢN KHẤU TRỪ VÀO LƯƠNG			TIỀN LƯƠNG VÀ THU NHẬP THỰC LĨNH	
				LG TIÊU CHÍ		Phụ cấp công việc	LG THỜI GIAN		Phụ cấp xăng xe điện thoại	Lương hoàn thành	TỔNG CỘNG	GỒM		TỔNG CỘNG	TIỀN	Ký nhận
				Số công trong tháng	Tiền lương		Số công trg tháng	Tiền lễ, phép, việc riêng có lương				BHXH, BHYT, BHTN do người lao động nộp 8.5%	Truy thu BH tháng 10&11/2011			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=6+7+9+10+11	13	14	15=13+14	16=12-15	17
1	NG VĂN MẬU	GD	6,279,000	27.0	6,520,500			-	200,000	4,696,442	11,416,942	533,715	315,146	848,861	10,568,081	✓
2	NG.MẠNH CUỜNG	L/XE	2,289,000	28.5	2,509,096	200,000		-	200,000	1,541,466	4,450,563	194,565	114,886	309,451	4,141,112	✓
3	NG TH KIM QUY	TK	2,457,000	27.5	2,598,750	200,000	0.5	47,250	100,000	893,204	3,839,204				3,839,204	✓
4	ĐOÀN Q.THẮNG	XNK	2,457,000	27.0	2,551,500			-	200,000	1,167,802	3,919,302	208,845	123,318	332,163	3,587,139	✓
5	PHẠM THỊ LEN	KT	2,457,000	12.0	1,134,000	150,000		-	250,000	723,683	2,257,683		123,318	123,318	2,134,365	✓
6	TẠ THỊ VUI	KT	2,457,000	27.0	2,551,500	150,000		-	300,000	1,628,287	4,629,787	208,845	123,318	332,163	4,297,624	✓
7	ĐINH T.HÀ PHƯƠNG	KT	2,457,000	27.0	2,551,500			-	500,000	1,005,750	4,057,250	208,845	123,318	332,163	3,725,087	✓
8	NG.VĂN THIÊN	L/XE	2,289,000	27.0	2,377,038		0.5	44,019	200,000	1,460,337	4,081,394	194,565	114,886	309,451	3,771,943	✓
9	NG.KHẮC ĐĂNG	L/XE	2,457,000	20.0	1,890,000			-	50,000	649,603	2,589,603				2,589,603	✓
10	NG.MẠNH HÙNG	N/V	2,457,000	25.5	2,409,750		1.5	141,750	150,000	828,244	3,529,744				3,529,744	✓
11	VŨ THANH VINH	N/V	2,457,000	26.5	2,504,250		0.5	47,250	300,000	1,164,981	4,016,481	208,845	123,318	332,163	3,684,318	✓
12	NG.QUỐC CUỜNG	L/XE	2,289,000	22.5	1,980,865			-	100,000	615,288	2,696,154	194,565		194,565	2,501,589	✓
	CỘNG:		32,802,000	298	31,578,750	700,000	3	280,269	2,550,000	16,375,088	51,484,107	1,952,790	1,161,508	3,114,298	48,369,809	

Số tiền bằng chữ: Năm mươi một triệu, bốn trăm tám tư nghìn, một trăm lẻ bảy đồng.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Biểu số 2.2.18: Bảng tổng hợp lương và các khoản trích BHXH tháng 12

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG VÀ KHOẢN KHẤU TRỪ BHXH

THÁNG 12 NĂM 2011

S tt	Đối tượng	Quỹ lương tính BHXH	Tiền lương	Các khoản tính vào chi phí				Khấu trừ vào lương			TỔNG CỘNG
				BHXH (16%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Tổng cộng	BHXH, BHYT, BHTN (8,5%)	Truy thu BH tháng 10&11	Tổng cộng	
1	Bộ phận bán hàng	35.490.000	58.585.275	5.678.400	1.064.700	354.900	7.098.000	3.016.650	1.781.260	4.797.910	11.895.910
2	Bộ phận quản lý	32.802.000	51.484.107	3.675.840	689.220	229.740	4.594.800	1.952.790	1.161.508	3.114.298	7.709.098
	CỘNG	68.292.000	110.069.382	9.354.240	1.753.920	584.640	11.692.800	4.969.440	2.942.768	7.912.208	19.605.008

Biểu số 2.2.19: Phiếu kế toán số 206

Cty CPTM đầu tư Vân Long CDC
An trì- Hùng Vương-Hồng Bàng-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 206

Ngày 31/12/2011

Về khoản	Định khoản		Số tiền
	Có	Nợ	
Tiền lương phải trả tháng 12/2011	334	641	58.585.275
	334	642	51.484.107
Cộng			110.069.382

Bằng chữ: Một trăm mười triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký họ tên)

Người lập phiếu
(Ký họ tên)

Biểu mẫu số 2.2.20: Phiếu kế toán số 207

Cty CPTM đầu tư Vân Long CDC
An trì- Hùng Vương-Hồng Bàng-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 207

Ngày 31/12/2011

Về khoản	Định khoản		Số tiền
	Có	Nợ	
Khấu trừ BHXH vào lương tháng 12/2011	338	334	7.912.208
Trích BHXH, BHYT vào chi phí QLDN	338	641	7.098.000
	338	642	4.594.800
Cộng			19.605.008

Bằng chữ: Mười chín triệu, sáu trăm lẻ lăm nghìn, tám trăm đồng.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký họ tên)

Người lập phiếu
(Ký họ tên)

Ví dụ 4: Ngày 16/12/2011, kế toán ghi nhận khoản chi phí quản lý phát sinh trong quá trình chuyển tiền của công ty, số tiền cả thuế GTGT 10% là 149.284VNĐ.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 135.713

Nợ TK 133 : 13.571

Có TK 112: 149.284

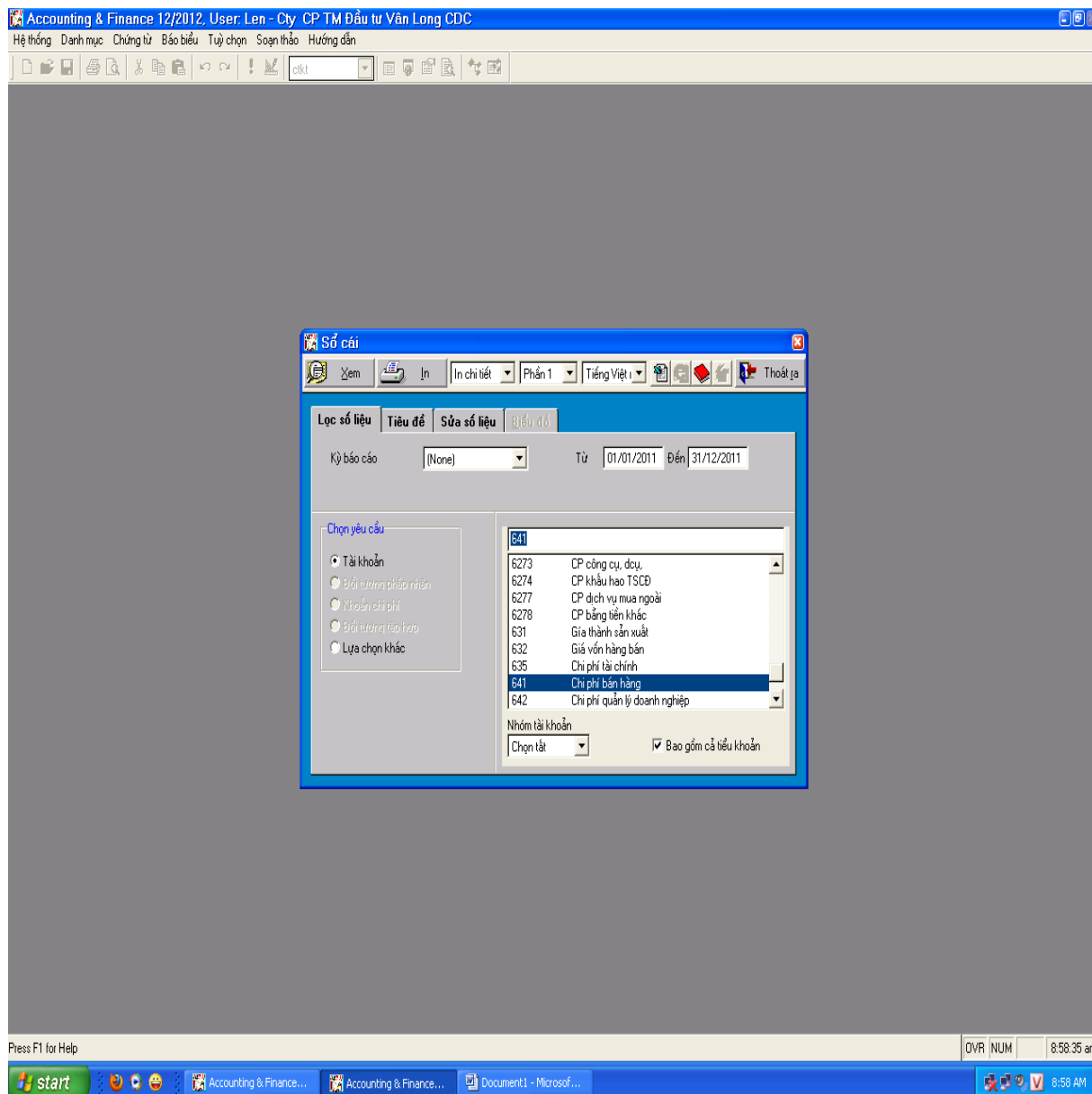
Chứng từ phát sinh:

Biểu số 2.2.21: Hóa đơn phí chuyển tiền

(Hóa đơn được ban hành kèm theo QĐ số 210/QĐ-NHNT.TH&CDKT ngày 12/05/2011 của TGD VCB)		
VIETCOMBANK CHI NHÁNH HẢI PHÒNG Địa chỉ: Số 11 Hồng Bàng, Hải Phòng Mã VAT: 0100112437-004	HÓA ĐƠN GTGT PHIẾU HẠCH TOÁN – POSTING SLIP Ngày (Date) Số HD – Invoice No: 040112.8886.0053	KH: VC/2011T Mã VAT KH : 0200835768
HPH0072109 16Dec11 10:34:16 8392 DD RM OW FR DD 1X03.0043 0-003-1-00-085329-8/04211		
TÀI KHOẢN (ACCOUNT)		SỐ TIỀN (AMOUNT)
NỢ (Debit): 04211 0-003-1-00-0853298 CTY CP THƯƠNG MAI ĐẦU TƯ VAN LONG CDC		271.574.284,00 VND
CÓ1 (Credit1): 05012 00120101003 Trung gian thanh toán điện tử LNH Ma CN: 068		271.425.000,00 VND
CÓ 2 (Credit2): 07110 430101004 THU PHI CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC-GTGT 10%		149.284,00 VND
CÓ 3 (Credit3):		
VAT amt: 13.571,00VND		Nat Income: 135.713,00 VND
Số tiền bằng chữ: Hai Trăm Bay Mươi Một Triệu Nam Trăm Bay Mươi Bốn Nghìn Hai Trăm Tam Mươi Bốn DONG Amount In Words:		
Nội dung: TT TIEN MUA HÀNG THEO HDS 426 NGÀY 08.11.11 Remarks		
ĐVH: CT TNHH DEALIM VIET NAM NH nhận : 79637001 NH Woori – CN Tp.HCM		/ TK: DDA.912.044.557
Thanh toán viên	Kiểm soát	Giám đốc

Kế toán nhập số liệu vào các phần mềm kế toán. Chọn phần chứng từ/chọn cập nhật phiếu thu,chi, phiếu kế toán. Khi đã nhập các số liệu vào phần mềm, các thông tin cần thiết chạy vào các sổ kế toán nhật kí chung,sổ cái,sổ chi tiết..

Để xem được các sổ ta chọn mục bảng biểu/chọn sổ cái và chọn sổ cái cần xem. Để in ra kế toán chọn in và OK. Ta có hình ảnh minh họa dưới đây:



Biểu số 2.2.22: Trích sổ nhật kí chung năm 2011

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
							
01/12/2011	PKT 155	01/12/2011	Cước vận chuyển PAC tháng 11	X X X	641 133	331	33.160.000 3.316.000	36.476.000
							
05/12/2011	PC 301	05/12/2011	Chi tiền mặt thanh toán cước vận chuyển	X X X	641 133	111	1.800.000 180.000	1.980.000
							
05/12/2011	PXK 13	05/12/2011	Giá vốn hàng bán	X X	632	156	82.435.500	82.435.500
05/12/2011	HĐ GTGT 849	05/12/2011	Phải thu tiền hàng của công ty Tân Việt Hưng	X X X	131	511 3331	98.560.000	89.600.000 8.960.000
							
16/12/2011	HĐ GTGT 53	16/12/2011	Phí chuyển tiền qua ngân hàng Vietcombank	X X X	642 133	112	135.713 13.571	149.284
							
31/12/2011	PKT 206	31/12/2011	Tính lương trả CNV phòng quản lí	X X	642 641	334	51.484.107 58.585.275	110.069.382
31/12/2011	PKT 207	31/12/2011	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí, trừ vào lương	X X X X	642 641 334	338	4.594.800 7.098.000 7.912.208	19.605.008
							
			Cộng phát sinh trong kỳ				3.009.867.767.769	3.009.867.767.769

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2.23: Trích sổ cái TK 641

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản : Chi phí bán hàng

Số hiệu : 641

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật kí chung	SHT KĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-	
						
01/12 /2011	PKT 155	01/12/ 2011	Cước vận chuyển PAC tháng 11	76	331	33.160.000	
						
05/12 /2011	PC 301	05/12/ 2011	Chi tiền mặt thanh toán cước vận chuyển	77	111	1.800.000	
						
31/12 /2011	PKT 206	31/12/ 2011	Tính lương trả cho CNV bộ phận bán hàng	86	334	58.585.275	
31/12 /2011	PKT 207	31/12/ 2011	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí, trừ vào lương	86	338	7.098.000	
						
31/12 /2011	PKT 212	31/12/20 11	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12 năm 2011	87	911		562.451.198
			Cộng số phát sinh			8.281.955.452	8.281.955.452
			Số dư cuối kỳ			-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.2.24: Trích sổ cái TK 642

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CÁI

Năm 2011

Tài khoản 642: Chi phí quản lí doanh nghiệp

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật kí chung	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-	-
			Số phát sinh				
						
16/12/2011	HD GTGT 0053	16/12/2011	Phí chuyển tiền qua ngân hàng Vietcombank	81	112	135.713	
						
31/12/2011	PKT 206	31/12/2011	Tính lương phải trả CNV phòng quản lí	86	334	51.484.107	
31/12/2011	PKT 207	31/12/2011	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí, trừ vào lương	86	338	4.594.800	
						
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển chi phí tháng 12	87	911		1.708.625.599
			Cộng số phát sinh			7.726.657.662	7.726.657.662
			Số dư cuối kỳ			-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

Đặc điểm doanh thu tài chính tại công ty

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty phát sinh chỉ gồm: các khoản lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Đặc điểm chi phí tài chính tại công ty

Chi phí tài chính phát sinh tại công ty chủ yếu bao gồm: trả lãi vay ngân hàng, lỗ do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Chứng từ sử dụng:

Doanh thu tài chính:

- Phiếu thu
- Giấy báo có ngân hàng
- Phiếu kế toán.

Chi phí tài chính:

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ ngân hàng
- Phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng

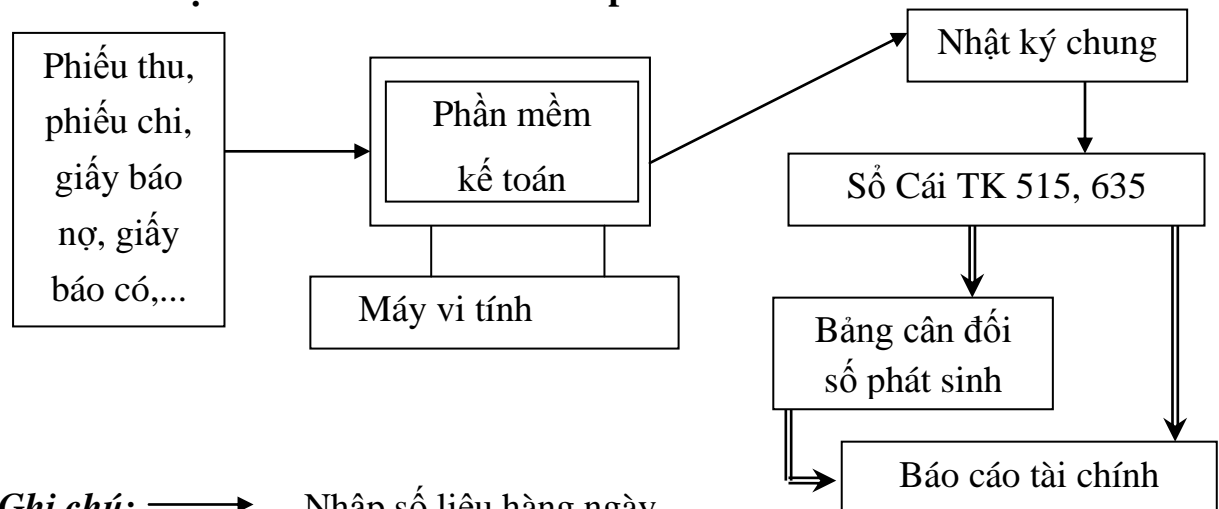
Tài khoản hạch toán cho doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tại công ty:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Quy trình hạch toán:

Doanh thu và chi phí tài chính được thực hiện theo sơ đồ 2.7 dưới đây:

Sơ đồ 2.7: hạch toán doanh thu và chi phí tài chính



Ghi chú: \longrightarrow Nhập số liệu hàng ngày
 \Longrightarrow In sổ, báo cáo cuối tháng, năm

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 25/12/2011, ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam Vietcombank gửi giấy báo có thông báo lãi tiền gửi cho công ty, số tiền 1.650.000đ, lãi suất 2%/năm.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 2.650.000

Có TK 515: 2.650.000

Chứng từ và sổ sách phát sinh liên quan:

- Giấy báo có của ngân hàng
- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái tài khoản 515

Kế toán công ty nhận giấy báo có của ngân hàng chứng từ phát sinh:

Biểu mẫu số 2.2.25: Giấy báo có của ngân hàng

GIAY BAO CO TRA LAI TIEN GUI					Mattv: 544
Ngày 25/12/2011					
TEN DON VI: CTY CP THUONG MAI DU TU VAN LONG CDC So cif: 3240484					
SO TAI KHOAN : 003.0.37.001011.4					
Tu ngay	Den ngay	Lai suat	Tien lai	LS phat	Lai phat
26/11/2011	25/12/2011	2	2.650.000		
Cong			2.650.000		
Tong lai			2.650.000		
Thanh toan vien		Kiem soat vien		Truong phong	

Ví dụ 2: Ngày 25/12/2011, ngân hàng Vietcombank gửi giấy báo nợ số 992 cho công ty thông báo khoản tiền lãi vay phải trả ngân hàng hàng tháng lãi suất 18,5%/năm. Số tiền lãi phải trả 78.621.571đ.

Căn cứ vào bảng tính lãi phải trả và giấy báo nợ của ngân hàng, kế toán ghi nhận dữ liệu vào phần mềm kế toán (hình ảnh), số liệu tự động chạy vào các bảng và sổ kế toán liên quan: Sổ nhật kí chung, sổ cái TK 635 và các sổ chi tiết khác.

Kế toán định khoản:

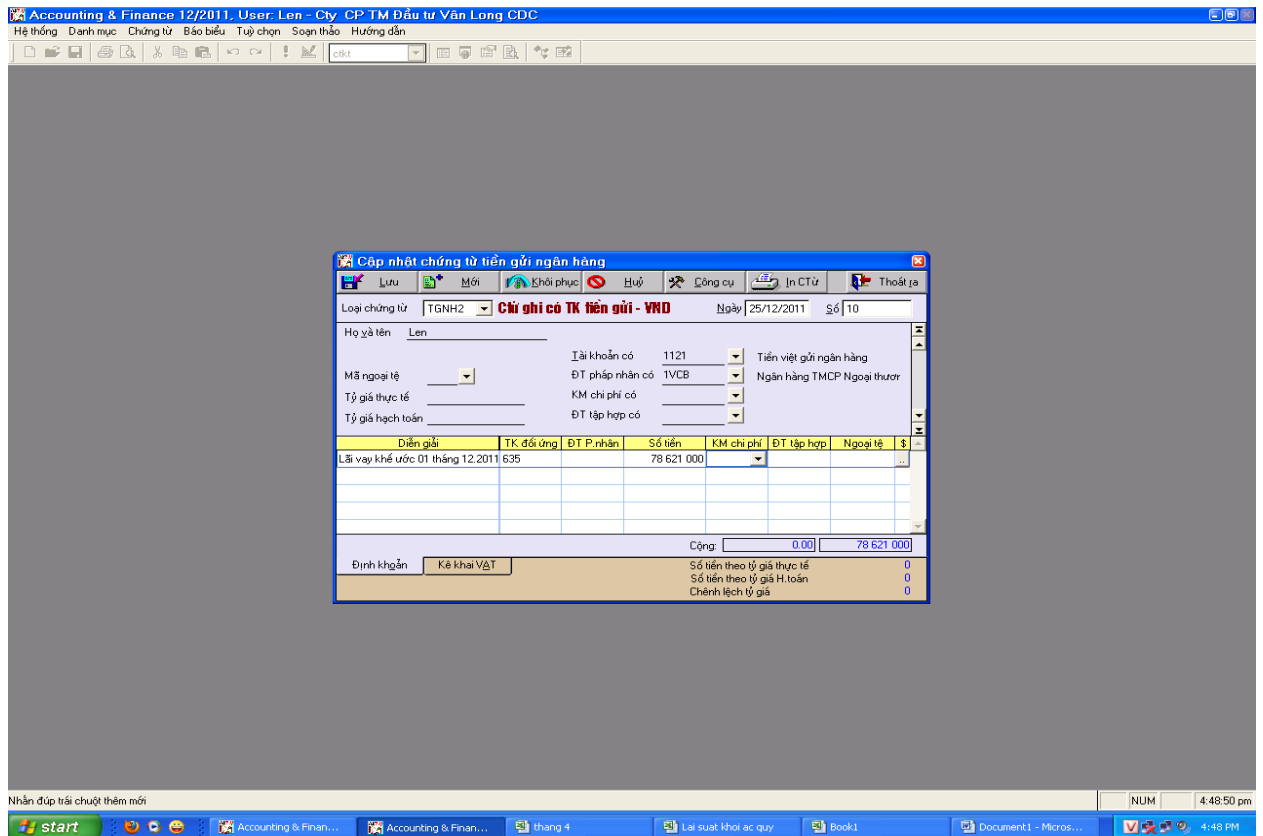
Nợ TK 635:78.621.000

Có TK 112: 78.621.000

Biểu số 2.2.26: Giấy báo nợ ngân hàng Vietcombank

VIETCOMBANK CHI NHANH HAI PHÒNG VN SO 11 HOANG DIEU-HONG BANG-HAI PHONG	CHUNG TU GIAO DỊCH GIAY BAO NỢ – IBTC Ngày : 26/12/11 Số HD 040112.0368.0000594	KH : VC/2011T <div style="border: 1px dashed black; padding: 2px; display: inline-block;">LIEN 2 : KH</div>
Chung tu: 068.0368.00594 Chuyen tien: 368912010420991		Ngày giao nhận: <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; display: inline-block;">DA HACH TOAN</div>
Tru so chinh: TK Ghi No : 31000853298 Nguoi tra tien : CTY CP THUONG MAI DAU TU VAN LONG CDC So tai khoan : 0031000853298 Dia chi: NHNT Hải Phòng TK Ghi Co : Nguoi huong: NH NGOAI THUONG CN HAI PHONG So tai khoan : Tai NH : VCB HAI PHONG So CMT: Dia chi: So tien : VND 78,621,000.00 Bảy mươi tám triệu sáu trăm hai mươi một ngàn VND Noi dung : IBVCB.04011203680000594.Hai Phong.LAI TIEN VAY PHAI TRA TU NGAY 26/11 DEN NGAY 25/12 THEO HD 2011/HDHM-VANLONG		
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT VIÊN	GIAM ĐOC

Hình ảnh minh họa trên phần mềm kế toán công ty:



Biểu số 2.2.27: Trích sổ nhật kí chung năm 2011

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
							
05/12/2011	PC 301	05/12/2011	Chi tiền mặt thanh toán cước vận chuyển	X X X	641 133		1.800.000 180.000	1.980.000
							
22/12/2011	PNK 8448	22/12/2011	Ghi giảm giá vốn do hàng bán bị trả lại	X X	156		11.945.455	11.945.455
25/12/2011	GBC 544	25/12/2011	Lãi tiền gửi tháng 12	X X	112		2.650.000	2.650.000
							
25/12/2011	GBN 594	25/12/2011	Lãi vay ngân hàng tháng 12	X X	635		78.621.000	78.621.000
							
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển chi phí tài chính tháng 12 năm 2011	X X	911		273.430.645	273.430.645
							
31/12/2011	PKT 213	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu tài chính tháng 12 năm 2011	X X	515		195.883.334	195.883.334
							
			Cộng phát sinh trong kỳ				3.009.867.767.769	3.009.867.767.769

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2.28: Trích sổ cái TK 635

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC
Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CÁI

Năm 2011

Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật kí chung	SHT KĐU'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-	
						
25/12/2011	GBN 594	25/12/2011	Lãi vay ngân hàng tháng 12	84	112	78.621.000	
						
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển chi phí tài chính tháng 12	87	911		273.430.645
			Cộng số phát sinh			6.881.167.735	6.881.167.735
			Số dư cuối kỳ			-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.2.29: Trích sổ cái TK 515

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC
Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CÁI

Năm 2011

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật kí chung	SHT KĐU'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-	-
						
25/12/2011	GBC 544	25/12/2011	Lãi tiền gửi tháng 12	84	112		2.650.000
						
31/12/2011	PKT 213	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu tài chính tháng 12	88	911	195.883.334	
			Cộng số phát sinh			2.350.600.010	2.350.600.010
			Số dư cuối kỳ			-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.6. Kế toán doanh thu và chi phí khác

Đặc điểm doanh thu khác:

Thu nhập khác tại Công ty thường chỉ có các khoản thu từ thanh lý tài sản cố định, tiền nộp phạt do công nhân vi phạm lấy trộm thành phẩm, vật tư,...

Đặc điểm chi phí khác:

Các khoản tiền chi cho thanh lý tài sản cố định, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, tiền nộp phạt thuế, phạt do nộp chậm BHXH...

Chứng từ sử dụng.

Chứng từ liên quan đến thu nhập khác tại Công ty bao gồm phiếu thu, phiếu kế toán, giấy báo có của ngân hàng.

Chi phí khác: Phiếu chi, giấy báo Nợ ngân hàng và phiếu kế toán.

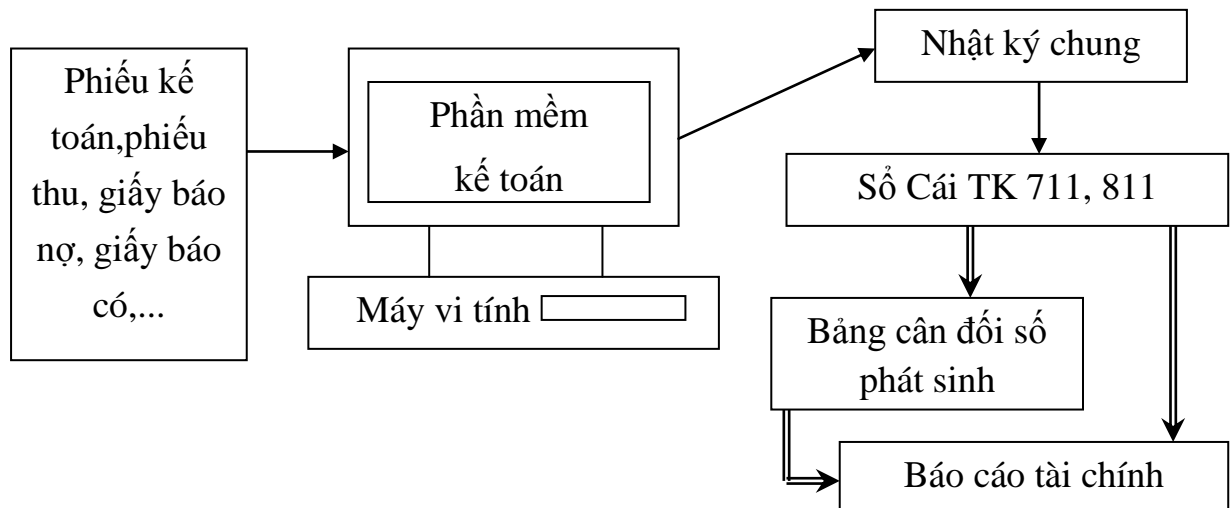
Tài khoản sử dụng:

- TK 711: thu nhập khác
- TK 811: chi phí khác

Không có tài khoản cấp 2

Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 2.8: Hạch toán doanh thu và chi phí khác



Ghi chú: —————> Nhập số liệu hàng ngày

=====> In sổ, báo cáo cuối tháng, năm

Ví dụ minh họa:

Ngày 22/12/2011, công ty thanh lý xe Hyundai cũ. Nguyên giá xe 395.382.000đ, giá trị hao mòn lũy kế là 65.897.006đ, giá trị còn lại của xe là 329.484.994đ.

Số tiền thu được từ thanh lý xe là 316.000.000đ (chưa có thuế GTGT 10%). Người mua chưa thanh toán tiền.

Căn cứ các chứng từ phát sinh, kế toán đăng nhập phần mềm máy tính công ty/ chọn chứng từ/ chọn cập nhật chứng từ khác (có hình ảnh minh họa). Kế toán nhập các dữ liệu từ chứng từ phát sinh. Từ các dữ liệu đó, phần mềm kế toán tự động định khoản (như dưới) và vào các sổ kế toán chi tiết và tổng hợp.

1) Nợ TK 2141: 65.897.006

Nợ TK 811: 329.484.994

Có TK 211: 395.382.000

2) Nợ TK 131: 347.600.000

Có TK 711: 316.000.000

Có TK 3331: 31.600.000

Sổ sách liên quan phát sinh:

- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái TK 811, TK 711

Chứng từ phát sinh:

- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Hóa đơn GTGT bán hàng thanh lý
- Phiếu kế toán ghi nhận giảm TSCĐ
- Phiếu kế toán ghi nhận doanh thu thanh lý TSCĐ

Biểu số 2.2.30: Biên bản thanh lý TSCĐ

Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Đơn vị: Bán hàng

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Số: 02

Nợ :TK 811

Nợ :TK 214

Có :TK 211

Căn cứ biên bản ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng các thành viên Công ty cổ phần thương mại Vân Long CDC về việc thanh lý TSCĐ

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- | | | |
|-------------------------|---------------------------|------------|
| - Ông: Nguyễn Văn Mâu | Chức vụ: Giám đốc | Trưởng ban |
| - Bà: Tạ Thị Vui | Chức vụ: Kế toán | Ủy viên |
| - Ông: Nguyễn Khắc Đăng | Chức vụ: Nhân viên lái xe | Ủy viên |

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ : xe Hyundai
- Năm sản xuất: 2009
- Năm đưa vào sử dụng: năm 2011
- Nguyên giá TSCĐ : 395.382.000 VNĐ
- Giá trị hao mòn đã trích : 65.897.006 VNĐ
- Giá trị còn lại của TSCĐ : 329.484.994 VNĐ

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ

.....

.....

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Trưởng ban thanh lý

(Ký, họ tên)

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- | | |
|-----------------------------------|--|
| - Chi phí thanh lý TSCĐ : | (Viết bằng chữ): |
| - Giá trị thu hồi : 347.600.000 đ | (Viết bằng chữ): Ba trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng. |

Ngày 22 tháng 12 năm 2011


Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

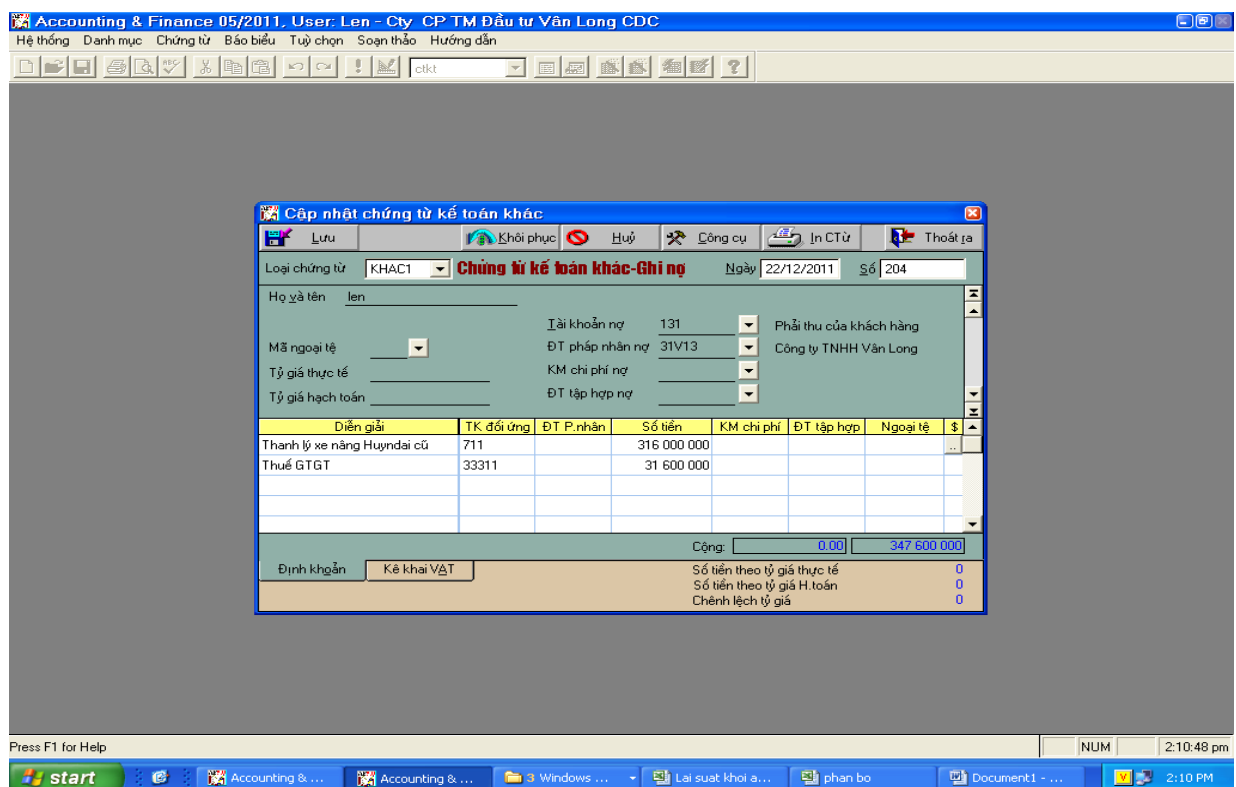
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.31: Hóa đơn bán thanh lý TSCĐ

 VDCD	<p>CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VẠN LONG CDC Mã số thuế: 0200835768 Địa chỉ: Khu An Trì, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng Điện thoại: 0313.798885 Fax: 0313.798884 Email: vanlong@vcdc.com.vn Website: www.vcdc.com.vn Tài khoản: 0031000853298-NHTMCP NgoạiThươngViệt Nam-CN Hải Phòng</p>	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số:0001320														
<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1: Lưu Ngày 22 tháng 12 năm 2011</p>																
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: công ty TNHH MVT Vận Tải Biển Nam Triệu Mã số thuế : <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">□</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">□</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">□</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">□</td> </tr> </table>			0	2	0	0	7	8	7	3	2	0	□	□	□	□
0	2	0	0	7	8	7	3	2	0	□	□	□	□			
Địa chỉ: Km 90+300 Đường 5 mới – Hùng Vương-Hồng Bàng-HP Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:.....																
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
1	2	3	4	5	6 = 4x5											
1	Xe Huyndai	Cái	1	316.000.000	316.000.000											
Cộng tiền hàng:					316.000.000											
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		3.160.000												
Tổng cộng tiền thanh toán:					347.600.000											
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng.																
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)												
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																

Cty CPTM đầu tư Vân Long CDC An trì- Hùng Vương-Hồng Bàng-HP <div style="text-align: center;">PHIẾU KẾ TOÁN</div> Số : 204 Ngày 22/12/2011			
Về khoản	Định khoản		Số tiền
	Có	Nợ	
<i>Thanh lý xe nâng Hyundai cũ</i>	711	131	316 000 000
<i>Thuế GTGT</i>	3331	131	31 600 000
Cộng			347 600 000
Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 30%;"> Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên) </div> <div style="width: 30%;"> Kế toán trưởng (Ký, họ tên) </div> <div style="width: 30%;"> Người lập phiếu (Ký, họ tên) </div> </div>			

Kế toán ghi nhận doanh thu khác sẽ chọn mục chứng từ/chọn chứng từ khác/cập nhật số liệu vào khi thanh lý tài sản cố định, ta có hình ảnh minh họa:



Biểu số 2.2.34: Trích sổ nhật kí chung năm 2011

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
							
22/12/2011	PKT 192	22/12/2011	Giá trị còn lại của xe Huyndai	X X X	811 214	2114	329.484.994 65.897.006	395.382.000
							
22/12/2011	PKT 204	22/12/2011	Thanh lí xe nâng Huyndai cũ	X X X	131	711 3331	347.600.000	316.000.000 31.600.000
							
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển chi phí khác	X X	911	811	351.065.332	351.065.332
31/12/2011	PKT 213	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu khác	X X	711	911	407.269.012	407.269.012
							
			Cộng phát sinh trong kỳ				3.009.867.767.769	3.009.867.767.769

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2.35: Trích sổ cái TK 711

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC
Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CÁI
Năm 2011
Tài khoản 711: Thu nhập khác

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật kí chung	SHT KĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-	
						
22/12 /2011	PKT 192	22/12/ 2011	Thanh lí xe Hyundai cũ	85	131		316.000.000
						
31/12 /2011	PKT 213	31/12/ 2011	Kết chuyển doanh thu khác tháng 12 năm 2011	88	911	407.269.012	
						
			Cộng số phát sinh			829.076.821	829.076.821
			Số dư cuối kỳ			-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.2.36: Trích sổ cái TK 811

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC
Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CÁI
Năm 2011
Tài khoản 811: Chi phí khác

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật kí chung	SHT KĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-	
						
22/12 /2011	PKT 204	22/12/ 2011	Giá trị còn lại của xe Hyundai	85	211	329.484.994	
						
31/12 /2011	PKT 212	31/12/ 2011	Kết chuyển chi phí khác tháng 12 năm 2011	87	911		351.065.332
						
			Cộng số phát sinh			471.032.362	471.032.362
			Số dư cuối kỳ			-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Tại Công ty, việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo từng tháng. Cuối mỗi tháng, kế toán thực hiện thao tác kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí. Cuối năm kế toán với sự giúp đỡ của phần mềm kế toán sẽ tiến hành tổng hợp xác định kết quả kinh doanh, tính các khoản thuế TNDN còn phải nộp đồng thời xác định lãi trong năm của công ty.

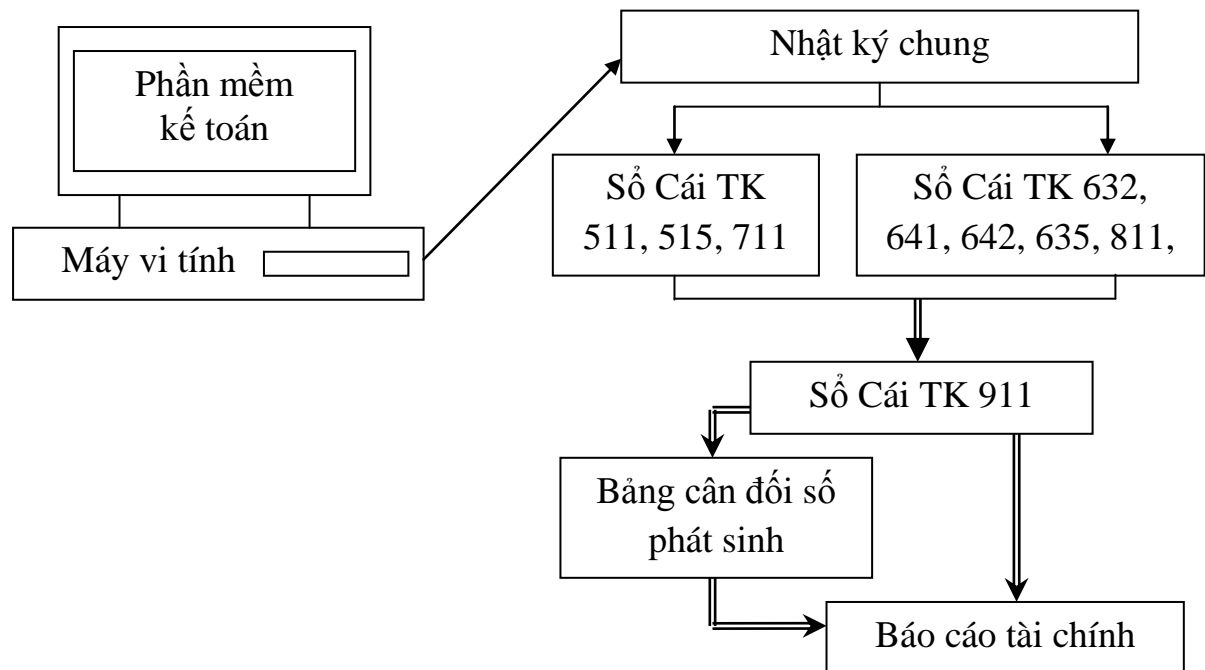
Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng :

- + TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- + TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- + TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.9: Quy trình xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú: —————> Nhập số liệu hàng ngày
 =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

Ví dụ minh họa:

Ngày 31/12/2011, kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, giá vốn, chi phí trong tháng để xác định kết quả kinh doanh từng tháng. Kế toán căn cứ số liệu tại các sổ cái các TK 511,515,632,811,711,635.. để tiến hành thực hiện bút toán kết chuyển trên phần mềm máy tính. Kế toán đăng nhập các thông tin vào phần mềm kế toán thực hiện bút toán kết chuyển tự động trong máy tính.

Trong năm 2011, kế toán tạm tính chi phí thuế TNDN : 630.000.000đ

Nợ TK 821: 630.000.000

Có TK 3334: 630.000.000

Lợi nhuận trước thuế TNDN trong năm 2011 tại công ty được xác định

$$= 326.164.575.091 - 321.896.972.094 = 4.267.602.997$$

Chi phí thuế TNDN cả năm của công ty được xác định

$$= 4.267.602.997 \times 25\% \times 70\% = 746.830.525đ$$

Ta có chi phí thuế thu nhập còn phải nộp của công ty tại 31 tháng 12

$$= 746.830.525 - 630.000.000 = 116.830.525đ$$

Chi phí thuế TNDN còn phải nộp vào cuối tháng 12 năm 2011 được xác định:

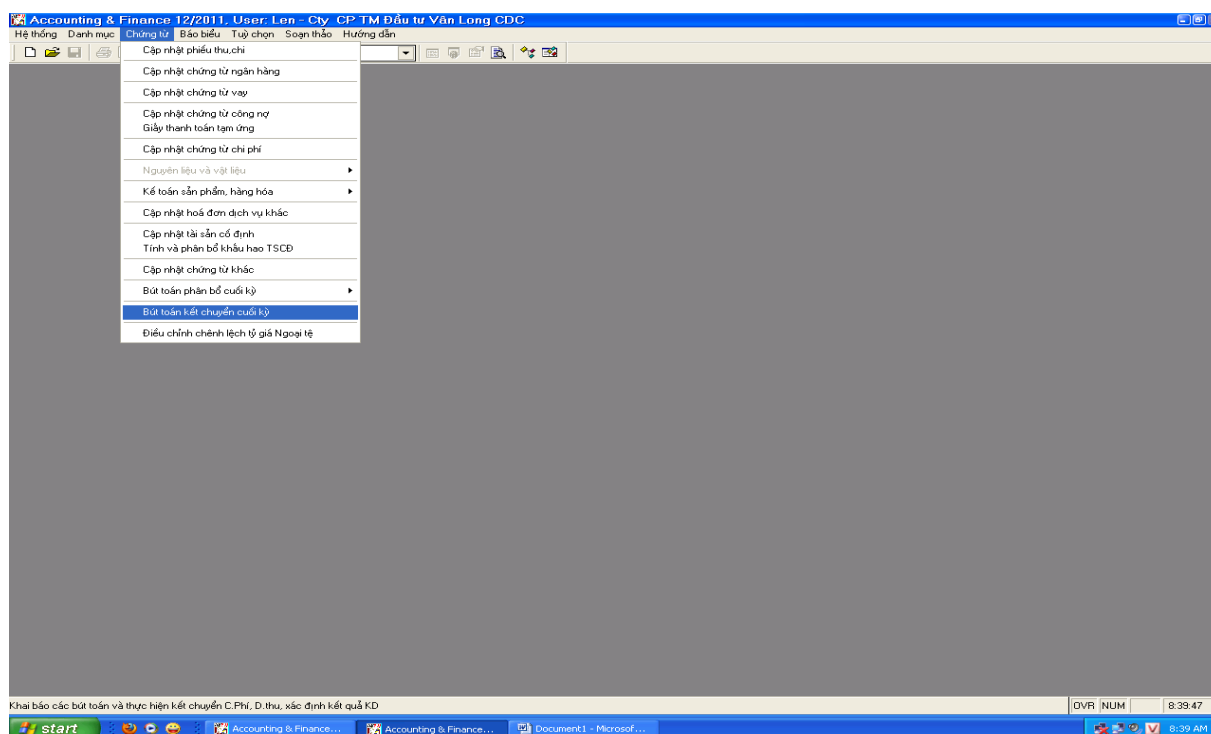
Nợ TK 821: 116.830.525

Có TK 3334: 116.830.525

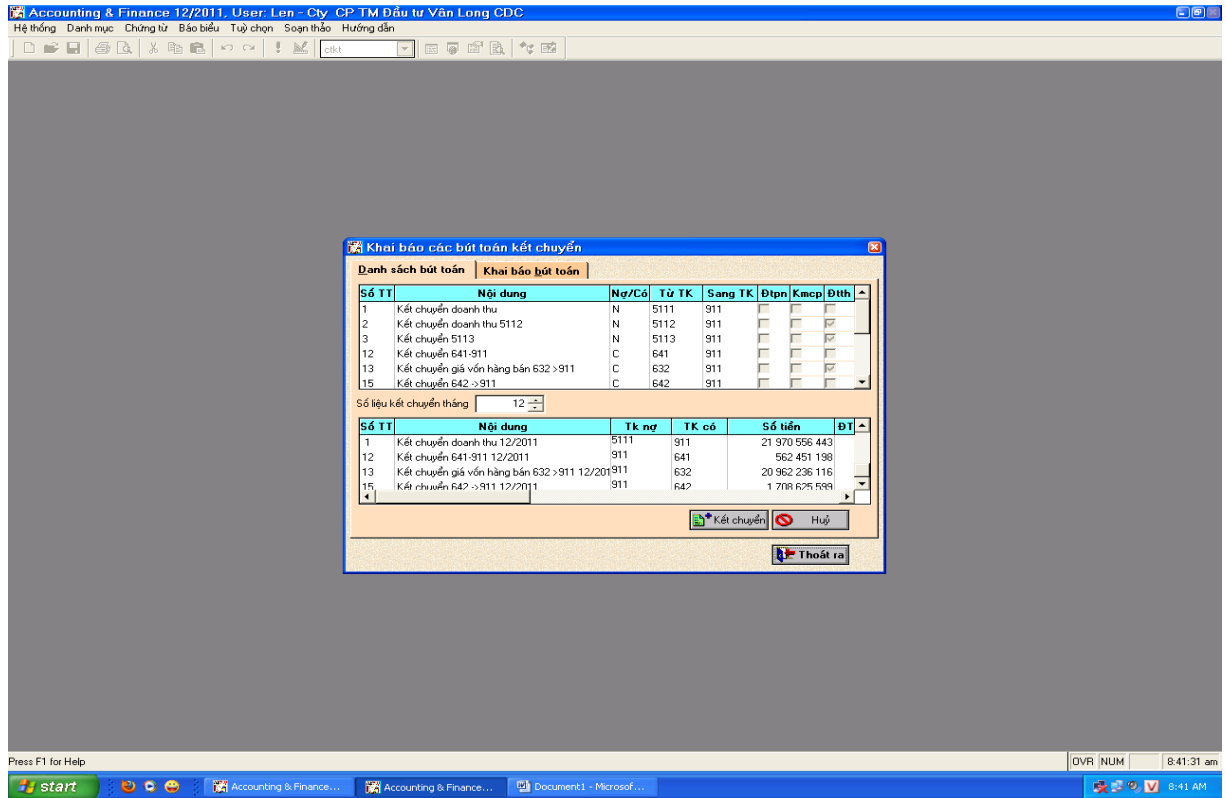
Nợ TK 911: 746.830.525

Có TK 821: 746.830.525

Kế toán đăng nhập phần mềm/ chọn chứng từ/ chọn bút toán kết chuyển cuối kỳ:



Sau đó sổ của sổ kết chuyển hiện ra những thông tin phần mềm đã tự động cập nhật khi kê toán khai báo các bút toán.



Tập hợp bút toán kết chuyển từng tháng trong năm, kế toán sử dụng phiếu kê toán để tiến hành lập bút toán kết chuyển tổng hợp cho cả năm 2011.

Biểu số 2.2.37: Phiếu kê toán số 211

Cty CPTM đầu tư Vân Long CDC			
An trì- Hùng Vương-Hồng Bàng-HP			
PHIẾU KẾ TOÁN			
Số : 211		Ngày 31/12/2011	
Về khoản	Định khoản		Số tiền
	Có	Nợ	
<i>Kết chuyển khoản giảm trừ doanh thu tháng 12</i>	531	511	168.208.960
Cộng			168.208.960
Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng.			
Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	

Biểu số 2.2.38: Phiếu kế toán số 212

Cty CPTM đầu tư Vân Long CDC An trì- Hùng Vương-Hồng Bàng-HP			
PHIẾU KẾ TOÁN			
Số : 212		Ngày 31/12/2011	
Về khoản	Định khoản		Số tiền
	Có	Nợ	
<i>Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài</i>	632	911	20.962.236.116
<i>chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lí</i>	635	911	273.430.645
<i>doanh nghiệp , chi phí khác tháng 12</i>	641	911	562.451.198
	642	911	1.708.625.599
	811	911	351.065.332
Cộng			23.857.808.890
Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, tám trăm chín mươi đồng.			
Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	

Biểu số 2.2.39: Phiếu kế toán số 213

Cty CPTM đầu tư Vân Long CDC An trì- Hùng Vương-Hồng Bàng-HP			
PHIẾU KẾ TOÁN			
Số : 213		Ngày 31/12/2011	
Về khoản	Định khoản		Số tiền
	Có	Nợ	
<i>Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung</i>	911	511	21.970.556.443
<i>cấp dịch vụ, doanh thu tài chính, doanh</i>	911	515	195.883.334
<i>thu hoạt động khác</i>	911	711	407.269.012
Cộng			22.573.708.789
Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, năm trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm tám mươi chín đồng.			
Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	

Biểu số 2.2.40: Phiếu kế toán số 214

Cty CPTM đầu tư Vân Long CDC An trì- Hùng Vương-Hồng Bàng-HP <p style="text-align: center;">PHIẾU KẾ TOÁN</p> Số : 214 Ngày 31/12/2011						
Về khoản	Định khoản		Số tiền			
	Có	Nợ				
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp nộp</i>	3334	821	116.830.525			
Cộng			116.830.525			
Bằng chữ: Một trăm mười sáu triệu, tám trăm ba mươi nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng. <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 33%; text-align: center;">Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)</td> <td style="width: 33%; text-align: center;">Kế toán trưởng (Ký, họ tên)</td> <td style="width: 33%; text-align: center;">Người lập phiếu (Ký, họ tên)</td> </tr> </table>				Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)
Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)				

Biểu số 2.2.41: Phiếu kế toán số 215

Cty CPTM đầu tư Vân Long CDC An trì- Hùng Vương-Hồng Bàng-HP <p style="text-align: center;">PHIẾU KẾ TOÁN</p> Số : 215 Ngày 31/12/2011						
Về khoản	Định khoản		Số tiền			
	Có	Nợ				
<i>Kết chuyển CP thuế TNDN còn phải nộp</i>	821	911	746.830.525			
<i>Lợi nhuận sau thuế TNDN</i>	421	911	3.520.772.472			
Cộng			4.267.602.997			
Bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ hai nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng. <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 33%; text-align: center;">Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)</td> <td style="width: 33%; text-align: center;">Kế toán trưởng (Ký, họ tên)</td> <td style="width: 33%; text-align: center;">Người lập phiếu (Ký, họ tên)</td> </tr> </table>				Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)
Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)				

Biểu mẫu số 2.2.42: Trích sổ nhật kí chung năm 2011

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
							
31/12/2011	PKT 211	31/12/2011	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu tháng 12	X X	532	511	168.208.960	168.208.960
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 12	X X	911	632	20.962.236.116	20.962.236.116
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển chi phí tài chính tháng 12	X X	911	635	273.430.645	273.430.645
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12	X X	911	641	562.451.198	562.451.198
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp tháng 12	X X	911	642	1.708.625.599	1.708.625.599
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển chi phí khác tháng 12	X X	911	811	351.065.332	351.065.332
31/12/2011	PKT 213	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 12	X X	511	911	21.970.556.443	21.970.556.443
31/12/2011	PKT 213	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu t/c tháng 12	X X	515	911	195.883.334	195.883.334
31/12/2011	PKT 213	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu khác tháng 12	X X	711	911	407.269.012	407.269.012
31/12/2011	PKT 214	31/12/2011	Xác định chi phí thuế TNDN còn phải nộp	X X	821	3334	116.830.525	116.830.525
31/12/2011	PKT 215	31/12/2011	Chi phí thuế TNDN còn nộp	X X	911	821	746.830.525	746.830.525
31/12/2011	PKT 215	31/12/2011	Lợi nhuận sau thuế TNDN	X X	911	421	3.520.772.472	3.520.772.472
							
			Cộng phát sinh trong kỳ				3.009.867.767.769	3.009.867.767.769

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu số 2.2.43: Trích sổ cái TK 911

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CÁI

Năm 2011

Tài khoản 911 : Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật kí chung	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-	
						
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 12	87	632	20.962.236.116	
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển chi phí tài chính tháng 12	87	635	273.430.645	
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12	87	641	562.451.198	
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp tháng 12	87	642	1.708.625.599	
31/12/2011	PKT 212	31/12/2011	Kết chuyển chi phí khác tháng 12	87	811	351.065.332	
31/12/2011	PKT 213	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 12	88	511		21.970.556.443
31/12/2011	PKT 213	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu hoạt động t/c tháng 12 năm 2011	88	515		195.883.334
31/12/2011	PKT 213	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu khác tháng 12	88	711		407.269.012
31/12/2011	PKT 215	31/12/2011	Chi phí thuế TNDN còn phải nộp	88	821	746.830.525	
31/12/2011	PKT 215	31/12/2011	Lợi nhuận sau thuế TNDN	88	421	3.520.772.472	
			Cộng số phát sinh			337.932.241.893	337.932.241.893
			Số dư cuối kỳ			-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC
Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CÁI

Năm 2011

Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật kí chung	SHT KĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-	
31/03/2011	PKT 42	31/03/2011	Chi phí thuế TNDN tạm tính quý 1	36	3334	250.000.000	
30/06/2011	PKT 77	30/06/2011	Chi phí thuế TNDN tạm tính quý 2	51	3334	210.000.000	
29/09/2011	PKT 105	29/09/2011	Chi phí thuế TNDN tạm tính quý 3	63	3334	170.000.000	
31/12/2011	PKT 214	31/12/2011	Chi phí thuế TNDN còn phải nộp trong năm 2011	87	3334	116.830.525	
31/12/2011	PKT 215	31/12/2011	Xác định thuế TNDN còn phải nộp năm 2011	88	911		746.830.525
			Cộng số phát sinh			746.830.525	746.830.525
			Số dư cuối kỳ			-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Áp dụng nghị quyết số 08/2011/QH13 về miễn giảm 30% chi phí thuế TNDN cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ của chủ tịch quốc hội Nguyễn Sinh Hùng, công ty đã có được bảng báo cáo kết quả kinh doanh như dưới, cho thấy phần nào tình hình kinh doanh của công ty trong năm 2011 vừa qua.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2011

Người nộp thuế: Công ty CP thương mại đầu tư Vân Long CDC

Mã số thuế : 0200835768

Địa chỉ trụ sở : An Tri - Hùng Vương

Quận huyện : Hồng Bàng

Điện thoại :

Fax :

Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	325,008,107,220	200,383,041,055
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2,023,208,960	174,404,300
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		322,984,898,260	200,208,636,755
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	298,498,277,480	186,065,723,682
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24,486,620,780	14,142,913,073
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2,350,600,010	291,770,992
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	6,881,167,735	3,280,911,534
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,277,211,615	1,949,099,880
8	Chi phí bán hàng	24		8,281,955,452	4,015,404,093
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,764,539,065	3,763,270,498
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		3,909,558,538	3,375,097,940
11	Thu nhập khác	31		829,076,821	13,060,110
12	Chi phí khác	32		471,032,362	1,056,914
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		358,044,459	12,003,196
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4,267,602,997	3,387,101,136
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	746,830,525	846,775,284
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	-	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3,520,772,472	2,540,325,852
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,970	2,029

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III:

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÂN LONG CDC

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC.

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán

Kế toán là một trong những công cụ quan trọng nhất của nhà nước và của doanh nghiệp. Kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của công ty và là bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc giám sát quản lý hoạt động kinh doanh:

- Đội ngũ kế toán giỏi, nắm chắc nghiệp vụ, nhân viên kế toán trẻ tuổi, năng động, có thể tự động phân công công việc và làm việc hiệu quả nhất.
- Phân chia công việc hợp lý, bố trí nhân lực phù hợp với yêu cầu công việc của công ty và từng bộ phận.
- Kịp thời cập nhật những thông tin mới nhất về thuế và các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp được Bộ tài chính ban hành trong năm.

3.1.1.2. Về hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản sử dụng

Hình thức kế toán:

Phần mềm kế toán được thiết kế riêng sử dụng cho bộ phận kế toán. Theo dõi công nợ tự động thực hiện các bút toán phân bổ kết chuyển cuối tháng lên các báo cáo tài chính theo quy định yêu cầu của giám đốc công ty.

Thông qua việc sử dụng kế toán máy kế toán có thể cung cấp thông tin một cách nhanh chóng chính xác vào bất kì thời điểm nào, hơn nữa các thông tin này không có sự sai lệch giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán do cùng được sử lý trực tiếp số liệu chứng từ do kế toán nhập vào máy tính. Việc áp dụng kế toán máy còn giúp công ty có thể quản lý chi tiết từng đối tượng, góp phần giảm nhẹ công việc trong phòng kế toán.

Chứng từ kế toán:

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lí của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu trữ bảo quản cẩn thận, kế toán phần hành nào thì lưu trữ chứng từ phần hành đó. Quá trình luân chuyển chứng từ hợp lí, thực hiện liên tục.

Hệ thống tài khoản sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính về việc áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước, đồng thời trong quá trình hạch toán công ty phản ánh một cách chi tiết cụ thể (thể hiện đến tài khoản cấp 3), phù hợp yêu cầu quản lí và đặc điểm riêng của đơn vị.

Hệ thống sổ sách:

Công ty mở một hệ thống sổ sách gọn nhẹ linh động, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Áp dụng hệ thống sổ nhật kí chung, là hình thức khá đơn giản từ mẫu sổ sách tới cách thức vào sổ thuận tiện cho phân công công việc.

Công ty sử dụng đầy đủ các loại sổ sách từ chi tiết cho tới tổng hợp:

- Kế toán mở các sổ chi tiết khác như sổ chi tiết hàng hoá cho từng mặt hàng, giúp theo dõi cụ thể từng danh mục hàng hoá mua vào, bán ra của Công ty, sổ chi tiết công nợ cho từng đối tượng khách hàng giúp theo dõi việc thanh toán, chi trả của khách hàng. Đồng thời những sổ sách chi tiết đó còn giúp ban quản trị công ty thấy được tình hình bị chiếm dụng vốn của công ty để có các chính sách thu hồi công nợ hợp lý.

- Tương ứng với chi tiết doanh thu là sổ chi tiết giá vốn, sổ chi tiết các loại chi phí được theo dõi riêng biệt.

Các bảng tổng hợp và sổ cái tài khoản được phản ánh một cách đầy đủ, khoa học đảm bảo được yêu cầu về đối chiếu, kiểm tra từ đó tránh được những sai sót trong quá trình hạch toán.

3.1.1.3. Về việc hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Tổ chức thông tin tại Công ty được thực hiện khá tốt, luôn cập nhật kịp thời, chính xác những thay đổi mới về chế độ, chuẩn mực kế toán trong đó có vấn đề doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hiện nay công ty đang thực

hiện công tác kế toán theo đúng những quy định mới nhất trong quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác.

Công ty đã xây dựng cho mình một hệ thống biểu mẫu chứng từ phù hợp với quy định mới nhất của Bộ Tài chính. Các chứng từ ban đầu này đều được ghi chép theo đúng thời gian và có chữ ký đầy đủ của các bộ phận liên quan, sau khi đã kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ mới được sử dụng để vào sổ kế toán máy. Hệ thống tài khoản kế toán và phương pháp hạch toán cũng được áp dụng phù hợp với quy định mới của Bộ Tài chính.

- Về doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết đầy đủ và kịp thời.

- Về kế toán chi phí: Các chi phí như giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cập nhật nhanh chóng chi tiết vào phần mềm vi tính. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế theo phương pháp khấu trừ và tính giá vốn theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì phù hợp với hình thức kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng tháng, đảm bảo được quá trình cung cấp thông tin kịp thời về kết quả hoạt động kinh doanh, giúp cho Ban lãnh đạo công ty ra những quyết định nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận.

3.1.1.4. Về bộ máy quản lý

Tuy quá trình kinh doanh mới thành lập còn gặp nhiều khó khăn nhưng công ty đã có những sự thay đổi về quản lý phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty. Người quản lý có chuyên môn và trình độ cao, đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác, đảm bảo yên tâm cho nhân viên thực hiện công việc được giao.

3.1.1.5. Về ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại

Nhận thức được tầm quan trọng cũng như những tiện ích tối ưu mà khoa học công nghệ đem lại, Công ty đã tiến mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán máy AF. Tổ chức thông tin kế toán trong AF là rất rõ ràng, cụ thể lại được thiết kế theo

nguyên tắc của hình thức kế toán Nhật ký chung nên kế toán chỉ cần lựa chọn thông tin rồi nhập vào phần mềm trên máy vi tính, phần mềm không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng sẽ tự động ghi nhận và in ra kết quả. Việc ứng dụng khoa học công nghệ này đã đem lại những lợi ích thiết thực trong công tác kế toán tại công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính hợp lý và khoa học trong công tác kế toán.

3.1.2. Hạn chế

- Kế toán không chỉ có nhiệm vụ thu thập, phân loại, xử lý tổng hợp số liệu thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mà có nhiệm vụ phân tích thông tin kế toán, như vậy thông tin kế toán mới thực sự phát huy được vai trò là công cụ quản lý quan trọng. Ở công ty việc phân tích thông tin kế toán nói chung và thông tin về doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ, chi phí nói riêng còn hạn chế. Những thông tin về doanh thu bán hàng chi phí trong doanh nghiệp thương mại là yếu tố quan trọng rất cần được phân tích, chỉ có thông qua kết quả phân tích các thông tin kế toán các nhà quản lý mới xác định được nguyên nhân mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đó để đề ra các biện pháp khắc phục hiệu quả.

- Hiện nay công ty chưa có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- Phần mềm kế toán của công ty là phần mềm chưa phổ biến trên thị trường, phần mềm được viết riêng cho công ty nên không tránh khỏi một số sai sót trong quá trình chạy phần mềm. Là phần mềm tự viết nên người sử dụng gặp khó khăn trong bước đầu tiếp cận phần mềm kế toán này. Trong các giao diện về bán hàng xuất hiện những hóa đơn nội bộ gây khó hiểu cho người sử dụng kế toán nếu chưa được sử dụng qua.

+ Phiếu kế toán trình bày TK Nợ, Có ngược so với mẫu phiếu kế toán ban hành của Bộ tài chính.

+ Phiếu thu, chi tiền mặt TK Nợ, Có ghi ngược so với mẫu phiếu thu, chi được ban hành của Bộ tài chính.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Đối với công tác quản lí, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho công ty quản lí chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Từ đó doanh nghiệp sẽ có những biện pháp thúc đẩy hơn quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Đối với công tác kế toán thì hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lí quyết định đúng, chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán cũng phản ánh được thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp.

3.2.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty thì sự thành bại của doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu cụ thể để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết công ty phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lí của nền kinh tế thị trường hiện nay vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lí mà trở thành bộ phận quản lí kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ kiểm tra tính toán ghi chép tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có thể biết những thông tin một cách chính xác kịp thời đầy đủ về sự vận động của tài sản và các nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng một cách hợp lí tài sản của đơn vị mình. Hơn nữa BCTC cũng cung cấp thông tin cho đối tượng thuế, ngân hàng ... để có thể có những quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai. Vì vậy điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong báo cáo kế toán phải có độ tin cậy cao và rõ ràng.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp thương mại là làm sao thực hiện tốt việc luân chuyển vốn trong kinh doanh làm tăng vòng quay của vốn để từ đó duy trì tốt hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bởi vậy việc hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí đang là yêu cầu hiện nay đối với bất kì doanh nghiệp nào nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống nói chung và kế toán tiêu thụ nói riêng, vì:

- Hoàn thiện quá trình này giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm bớt, hệ thống sổ sách đơn giản dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế tạo điều kiện cho việc lên các BCTC cuối kì đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin cho đối tượng quan tâm.

- Quá trình này hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kì để phản ánh một cách chính xác trung thực đầy đủ tình hình kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác hiệu quả sản xuất kinh doanh đưa ra phương án cho năm sau.

Căn cứ vai trò chức năng và nhiệm vụ của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh đồng thời đảm bảo tính khoa học hơn trong công tác kế toán thì việc hoàn thiện phải đảm bảo các yêu cầu:

- Hoàn thiện dựa trên cơ sở các quy định cũng như chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành nhưng không rập khuôn mà phải vận dụng sáng tạo.

- Hoàn thiện trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tổ chức sản xuất của doanh nghiệp sao cho hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện đảm bảo cung cấp thông tin chính xác đầy đủ kịp thời phù hợp với từng yêu cầu.

- Hoàn thiện phải hướng tới vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế vào quá trình hạch toán sao cho đơn giản dễ hiểu mà lại phản ánh chính xác đầy đủ tình hình công ty.

3.2.3. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.2.3.1. Khắc phục hạn chế về phần mềm kế toán máy

Công ty sử dụng phần mềm kế toán AF 5.0c, là phần mềm dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phần mềm phù hợp và thuận tiện cho các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình bán hàng của công ty.

Đặc điểm phần mềm kế toán máy công ty sử dụng là phần mềm được thiết kế riêng cho các tài khoản, nghiệp vụ và tính chất khác biệt trong kinh doanh sản xuất của công ty. Phần mềm được thiết kế căn cứ vào chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán công ty áp dụng như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu, chế độ kế toán theo quyết định số 15 ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Kế toán máy của công ty còn có nhiều khác biệt, bộ phận kế toán có thể góp ý cho ban quản trị, giám đốc công ty, liên hệ với công ty thiết kế phần mềm kế toán máy để khắc phục những thiếu sót cũng như những khác biệt của kế toán máy tại công ty. Thay đổi các mẫu chứng từ như: phiếu kế toán, phiếu thu chi tiền cho đúng và phù hợp với chuẩn mực kế toán mà công ty tuân theo.

- Với phiếu kế toán: Thiết kế lại kết cấu tài khoản để Nợ trước, Có sau.

- Với phiếu thu, phiếu chi: Trình bày lại kết cấu tài khoản trong phiếu.

3.2.3.2. Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Sự cần thiết

Là một công ty có uy tín trên thị trường thường xuyên có những hợp đồng lớn công ty đang không ngừng phát triển, tuy nhiên trong tình hình kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng mua hàng thanh toán sớm để kích thích khách hàng mua hàng. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay vấn đề quan trọng nhất đối với mỗi doanh nghiệp chính là hiệu quả sử dụng vốn hay chính là sự quay vòng vốn, vấn đề này có liên quan đến việc thu hồi nợ của doanh nghiệp thông qua việc mua bán giao dịch. Việc quay vòng vốn luôn là vấn đề quan trọng trong sự tồn tại phát triển của công ty.

Phương pháp hạch toán:

Chiết khấu thanh toán cho người mua hàng là khoản tiền mà khách hàng được hưởng do khách hàng thanh toán trước hạn theo thỏa thuận khi mua để thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm, tránh bị chiếm dụng vốn.

Tùy vào từng đối tượng và thời hạn thanh toán mà doanh nghiệp có thể đưa ra những mức chiết khấu khác nhau phù hợp. Thông thường tỷ lệ được hưởng từ 1% - 2% trên tổng giá thanh toán. Đối với những khách hàng trả không đúng thời hạn

hợp đồng công ty có thể phạt lãi trả chậm theo lãi suất ngân hàng hiện tại, có như vậy công ty mới mau chóng thu hồi được vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Cần luôn đảm bảo rằng lợi ích của doanh nghiệp không bị xâm phạm đồng thời cũng không mất đi các bạn hàng.

Thực hiện chiết khấu thanh toán kế toán công ty hạch toán vào tài khoản 635: chi phí tài chính.

Nợ TK 635 : chi phí tài chính (khoản chiết khấu cho khách hàng)

Có TK 111,112,131:

Cuối kì kế toán kết chuyển TK 635 sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 911:

Có TK 635:

Ví dụ minh họa: (theo ví dụ phần doanh thu bán hàng).

Công ty Tân Việt Hưng mua xút thùng Tứ Xuyên với tổng giá thanh toán là 98.560.000đ chưa thanh toán ngay. Công ty cho hạn thanh toán trong 30 ngày từ ngày giao hàng. Công ty Tân Việt Hưng đã thanh toán sau đó 1 tuần. Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho Tân Việt Hưng tỷ lệ 1%.

Khoản chiết khấu Tân Việt Hưng được hưởng: = 98.560.000 x 1% = 985.600VNĐ

Kế toán định khoản :

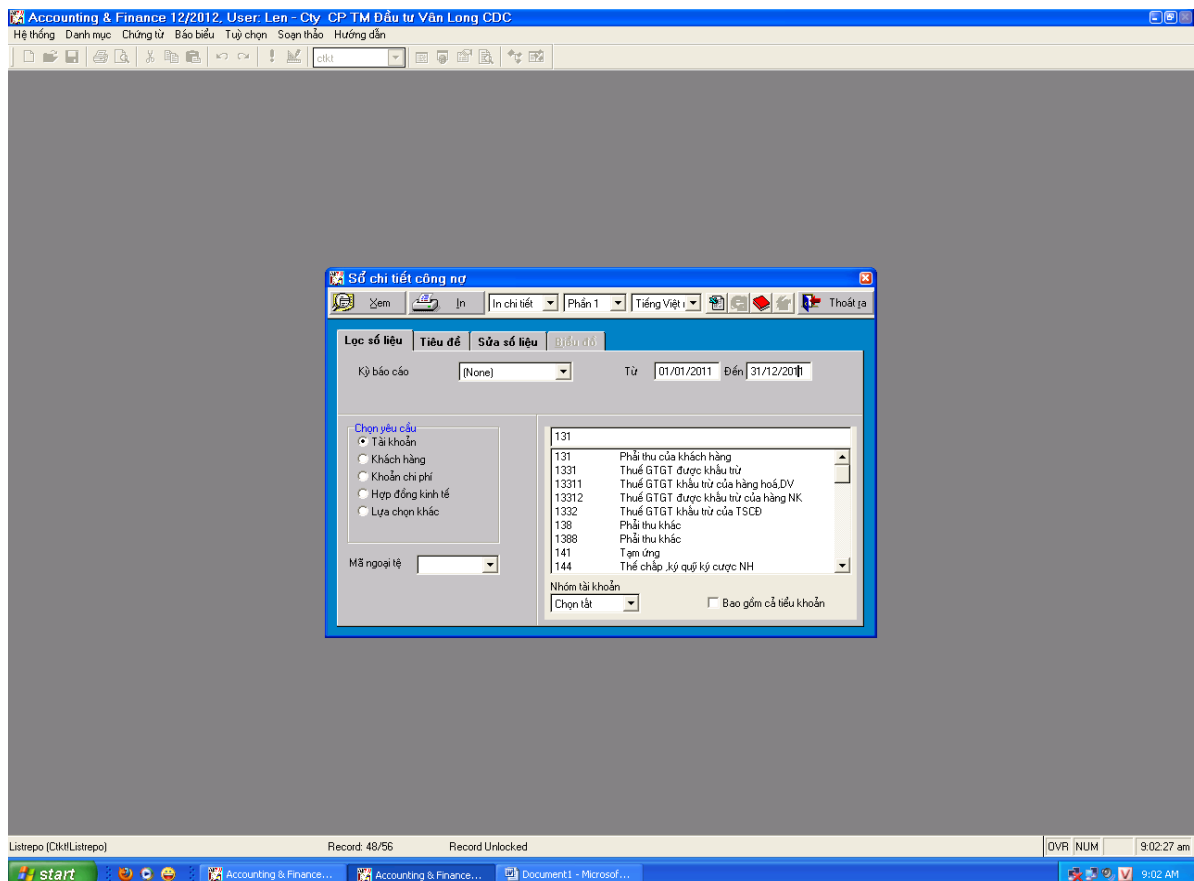
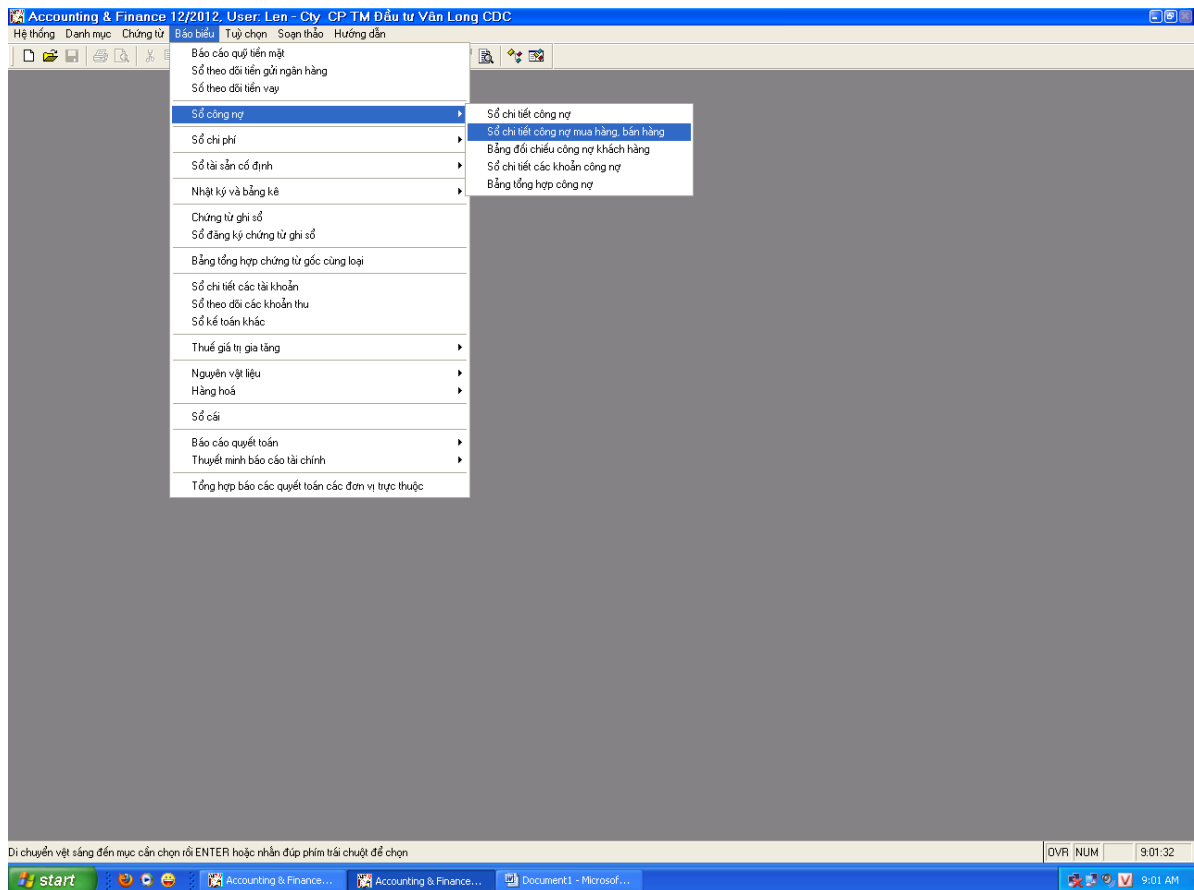
Nợ TK 635: 985.600

Có TK 131: 985.600

Kế toán căn cứ sẽ vào các sổ:

- Sổ theo dõi phải thu khách hàng
- Sổ cái TK 635...

Kế căn cứ dữ liệu thu được tiến hành đăng nhập phần mềm kế toán, chọn báo biểu/ chọn sổ công nợ/ sổ chi tiết công nợ. Ta có hình minh họa:



Biểu số 3.2.2.1: Sổ chi tiết thanh toán người mua người bán

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC

Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản 131: Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty cổ phần Tân Việt Hưng

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kì		<u>2.612.787.658</u>			
					
02/12/2011	PT 264	02/12/2011	Cty CP Tân Việt Hưng trả nợ tiền hàng tháng 11	112		157.300.000	2.975.387.968	
					
05/12/2011	HĐG TGT 849	05/12/2011	Phải thu tiền hàng bán xút thùng	511 3331	89.600.000 8.960.000		3.006.253.586 3.015.213.586	
			
12/12/2011	GBC 483	12/12/2011	Công ty Tân Việt Hưng thanh toán tiền hàng ngày 05/12	1121	98.560.000		3.324.249.230	
12/12/2011	PKT ...	12/12/2011	Khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán	635		985.600	3.225.689.230	
					
			Cộng số phát sinh		10.344.694.690	9.909.412.209		
			Số dư cuối kì				<u>2.043.811.605</u>	

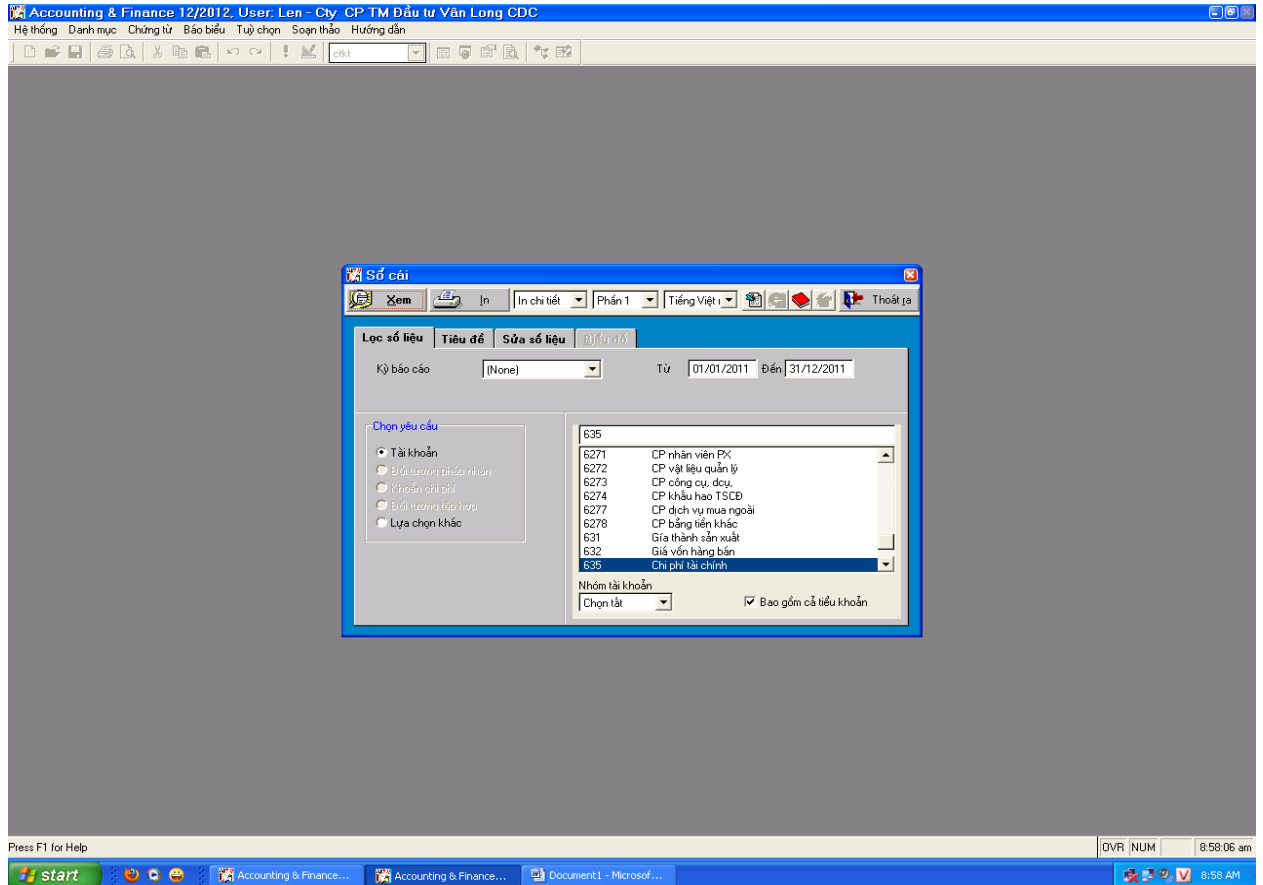
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Đóng dấu, ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán tiền hành ghi nhận vào sổ cái TK 635



Biểu số 3.2.2.2: Sổ cái TK 635

Đơn vị : Công ty CPTM đầu tư Vân Long CDC
 Địa chỉ :Khu An Trì-Hùng Vương-Hồng Bàng

SỔ CÁI
 Năm 2011

Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật ký chung	SHT KĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-	
						
12/12/2011	HĐG TGT	12/12/2011	Cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán	81	131	985.600	
						
25/12/2011	GBN 992	25/12/2011	Lãi tiền vay tháng 12	84	112	78.621.000	
						
			Cộng số phát sinh			6.882.153.335	6.882.153.335
			Số dư cuối kỳ			-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

3.2.3.3. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều các công ty cạnh tranh gay gắt, tuy có số lượng lớn khách hàng thường xuyên và lâu lăm của công ty nhưng công ty cũng chưa áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho bất kì khách hàng nào.

Chiết khấu thương mại là cho khách hàng hưởng khoản giảm giá sản phẩm khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Tùy từng đối tượng khách hàng mà công ty cho áp dụng các mức chiết khấu thương mại khác nhau.

Kế toán sẽ hạch toán khoản chiết khấu khách hàng được hưởng vào TK 521- chiết khấu thương mại.

Nợ TK 521: khoản chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331: thuế GTGT đầu ra

Có TK 111,112,131:

Cuối kì kế toán kết chuyển số tiền cho khách hàng sang TK 511

Nợ TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521: chiết khấu thương mại khách hàng được hưởng

Ví dụ minh họa:

Ngày 31/12/2011, công ty bán Ferro silic cho công ty TNHH Quang Hưng số lượng 140.442kg, đơn giá bán chưa có thuế GTGT 10% là 24.970đ/kg. Do công ty TNHH Quang Hưng mua với số lượng lớn hơn 120.000kg nên công ty nên cho hưởng khoản chiết khấu thương mại. Công ty giảm giá 300đ cho mỗi kg mua nhiều hơn còn là 24.670đ/kg.

Số tiền Quang Hưng được hưởng = 20.442kg x 300đ/kg = 6.132.600 đ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 521: 6.132.600

Nợ TK 3331: 613.260

Có TK 112: 6.745.860

Kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán và các số liệu sẽ chạy vào các sổ sách liên quan như:

- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái TK 521
- Sổ sách liên quan khác.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt hiện nay, để tồn tại và phát triển các doanh nghiệp phải luôn nỗ lực hơn nữa bằng chính năm lực của công ty. Muốn đạt được điều này thì công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng càng phải được củng cố và hoàn thiện hơn nữa để công tác này thực sự trở thành công cụ quản lý tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Nhận thức được điều này Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC đã rất chủ động, quan tâm tới khâu quản lý kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh trong đó phòng kế toán đã góp phần không nhỏ vào thành công chung của công ty.

Quá trình thực tập tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp đã thực hiện một cách khá hợp lý, đầy đủ và đúng theo các quy định chuẩn mực, chế độ kế toán ban hành của Bộ tài chính do Nhà nước quy định và đã cung cấp thông tin một cách đầy đủ cho bộ phận quản lý của công ty. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Để kế toán thực sự là công cụ quản lý không thể thiếu, Công ty nên tiếp tục hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Vận dụng các kiến thức đã được học trong nhà trường, khóa luận của em với đề tài : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC đã đề cập đến những vấn đề sau:

- Về mặt lí luận: nêu được những vấn đề lí luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .
- Về mặt thực tế: khóa luận đã phản ánh tương đối đầy đủ, trung thực về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.
- Về các kiến nghị đề xuất: đã đối chiếu với lí luận và tình hình thực tế tại công ty, khóa luận đã đưa ra được một vài kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Việc đưa ra các kiến nghị cũng dựa trên những lí luận và chế độ chính sách của Nhà nước cùng tình hình thực tế của công ty nên rất mong sẽ giúp ích phần nào đó

cho công ty nói chung và bộ máy kế toán nói riêng, đặc biệt là cho phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Do thời gian tham gia thực tế có hạn, cùng trình độ và kinh nghiệm thực tế không nhiều, bài khóa luận của em tránh khỏi không ít sai sót. Em rất mong nhận được sự đánh giá và góp ý của các thầy cô giúp cho bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn CN.Kế toán trưởng Tô Thúy Hoa và các anh chị kế toán tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC đã giúp đỡ em nhiệt tình để hoàn thành bài luận văn này.

Sinh Viên

Nguyễn Thị Phương Hoa

Danh mục tài liệu tham khảo:

- 1) Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính) – NXB Tài chính.
- 2) Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp – Trường Đại Học Kinh tế Quốc Dân năm 2006. Chủ biên PGS.TS Nguyễn Thị Đông.
- 3) Các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- 4) Số liệu và bảng trích tài liệu từ nguồn tài liệu phòng kế toán tài chính Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC.